



BỘ Y TẾ
TỔNG CỤC DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH



KỶ YẾU HỘI THẢO 5 NĂM TỔNG KẾT THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 39/2015/NĐ-CP

HÀ NỘI, NĂM 2020

Lời nói đầu

Ngày 15/4/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 39/2015/NĐ-CP quy định chính sách Hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

Đây là một trong những chủ trương, chính sách nhất quán của Đảng, Nhà nước đối với công tác dân tộc và dân số trước thực trạng phụ nữ nghèo sống ở vùng sâu, vùng xa là đồng bào dân tộc thiểu số gặp rất nhiều khó khăn khi sinh con, nhất là thiếu thốn về kinh tế, phát sinh nhiều chi phí, tổn hại sức khỏe khi sinh con trong những tháng đầu tiên.

Nghị định số 39/2015/NĐ-CP quy định rõ, đối tượng được hỗ trợ là phụ nữ người dân tộc thiểu số hoặc phụ nữ là người Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn sẽ được nhận trực tiếp 2 triệu đồng/người bằng tiền mặt từ tháng đầu sau khi sinh con.

Để triển khai Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ Y tế đã chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Lao động-Thương binh ban hành Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/4/2016 quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc cắt giảm các thủ tục hành chính, ngày 28/12/2018 Bộ Y tế ban hành Thông tư số 45/2018/TT-BYT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 07/2016/ TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/4/2016 quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

Để triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn, Bộ Y tế đã ban hành một số văn hướng dẫn lập và triển khai kế hoạch thực hiện tới Sở Y tế, Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa Gia đình (DS-KHHGD) các tỉnh, thành phố. Tổng cục DS-KHHGD, Bộ Y tế đã tổ chức các lớp tập huấn, tư vấn pháp lý và phổ biến các văn bản mới dưới nhiều hình thức, tiến hành nhiều cuộc kiểm tra, giám sát hỗ trợ nhằm tháo gỡ khó khăn tại địa phương. Tổ chức hội thảo Sơ kết và hội thảo Tổng kết 5 năm (2015-2020) về kết quả thực hiện Nghị định nhằm đánh giá tình hình thực hiện Nghị định theo từng giai đoạn đồng thời cũng thảo luận giải đáp những vấn đề khó khăn, vướng mắc và bàn các giải pháp tháo gỡ trong quá trình triển khai thực hiện và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Tại địa phương; Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan Y tế, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội phối hợp thực hiện theo thẩm quyền, có trách nhiệm trong việc rà soát đối tượng, tuyên truyền phổ biến chính sách, kiểm tra, giám sát. Sở Y tế, Chi cục DS-KHHGD các tỉnh, thành phố phối hợp với Sở Tài chính để lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa

bàn tính, thành phố vào dự toán ngân sách địa phương, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước nhằm thực hiện đúng quy định kinh phí hỗ trợ do ngân sách địa phương bảo đảm từ nguồn chi bảo đảm xã hội theo phân cấp ngân sách hiện hành. Chi cục DS-KHHGD các tỉnh, thành phố chỉ đạo đội ngũ công chức dân số và cộng tác viên dân số phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tại địa phương rà soát tổng hợp các đối tượng phù hợp đúng văn bản hướng dẫn, phối hợp với UBND các xã thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ cho đối tượng kịp thời, đúng và đủ số tiền của đối tượng được hưởng.

Tổng hợp 5 năm (2015-2020) tính từ thời điểm tháng 6/2015-30/9/2020 theo số liệu tổng hợp của các tỉnh, thành phố

- Tổng số đối tượng đã được hỗ trợ Nghị định số 39/2015/NĐ-CP là 73.759 người với tổng kinh phí là 147 tỷ 519 triệu đồng, trong đó 20 tỉnh đạt kết quả cao nhất với 61.991 người, kinh phí là 123 tỷ 983 triệu đồng.

Trong quá trình triển khai Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, các tỉnh cũng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc như: một số tỉnh xảy ra tình trạng số đối tượng có sự biến động theo chiều hướng giảm so với danh sách đã được phê duyệt; đến thời điểm cấp phát, nhiều đối tượng lại tiếp tục có con thứ ba; nhiều đối tượng sinh một hoặc hai con nhưng lâu dài thì chưa thực sự quyết tâm thực hiện đúng chính sách dân số nên không dám nhận tiền hỗ trợ... Trước thực trạng trên, đòi hỏi ngành dân số đã nỗ lực hết mình trong suốt những năm qua việc tuyên truyền, vận động người dân, nhất là những hộ dân tộc thiểu số nghèo nhận thức đầy đủ về lợi ích của việc sinh con đúng chính sách dân số.

Có thể khẳng định, Nghị định số 39/2015/NĐ-CP thể hiện chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về công tác dân tộc và dân số. Là chính sách nhân văn đối với đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và phụ nữ nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa là đồng bào dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách dân số nói riêng. Chính sách đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số và có tác động lớn đến đối tượng thụ hưởng chính sách. Việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ này, các ban ngành đã phối hợp và chung tay triển khai thực hiện chính sách nên đã động viên các gia đình người dân tộc thiểu số thực hiện tốt hơn chính sách dân số-Kế hoạch hóa gia đình, đặc biệt là đối với vùng có mức sinh cao.

Thành công của việc triển khai Nghị định số 39/2015/NĐ-CP rộng khắp trên 53 tỉnh, thành trong 5 năm qua góp phần cho việc thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, đồng thời góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020, là tiền đề đóng góp Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

TỔNG CỤC DÂN SỐ-KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

NGHỊ ĐỊNH SỐ 39/2015/NĐ-CP

QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHO PHỤ NỮ THUỘC HỘ NGHÈO LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ KHI SINH CON ĐÚNG CHÍNH SÁCH DÂN SỐ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Dân số ngày 09 tháng 01 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

Điều 1. Đối tượng được hỗ trợ

Phụ nữ là người dân tộc thiểu số hoặc phụ nữ là người Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn (trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc) khi sinh con thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Sinh một hoặc hai con;
2. Sinh con thứ ba, nếu cả hai vợ chồng hoặc một trong hai người thuộc dân tộc có số dân dưới 10.000 người hoặc thuộc dân tộc có nguy cơ suy giảm số dân (tỷ lệ sinh nhỏ hơn hoặc bằng tỷ lệ chết) theo công bố chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
3. Sinh lần thứ nhất mà sinh ba con trở lên;
4. Đã có một con đẻ, nhưng sinh lần thứ hai mà sinh hai con trở lên;
5. Sinh lần thứ ba trở lên, nếu tại thời điểm sinh chỉ có một con đẻ còn sống, kể cả con đẻ đã cho làm con nuôi;
6. Sinh con thứ ba, nếu đã có hai con đẻ nhưng một hoặc cả hai con bị dị tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo không mang tính di truyền, đã được Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương xác nhận;
7. Sinh một con hoặc hai con, nếu một trong hai vợ chồng đã có con riêng (con đẻ);
8. Sinh một con hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh, nếu cả hai vợ chồng đã có con riêng (con đẻ); không áp dụng cho trường hợp hai vợ chồng đã từng có hai con chung trở lên và các con

hiện đang còn sống;

9. Phụ nữ thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số chưa kết hôn, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, sinh một hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh.

Điều 2. Định mức hỗ trợ, thời điểm hỗ trợ và phương thức hỗ trợ

1. Định mức hỗ trợ: Hai triệu đồng/người.
2. Thời điểm hỗ trợ: Tính từ tháng đầu sau khi sinh con thuộc đối tượng được hỗ trợ.
3. Phương thức hỗ trợ: Bằng tiền, cấp trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng. Đối tượng thụ hưởng tự nguyện cam kết bằng văn bản không sinh thêm con, nếu vi phạm phải hoàn trả lại kinh phí đã nhận hỗ trợ.

Điều 3. Kinh phí hỗ trợ

1. Kinh phí hỗ trợ do ngân sách địa phương bảo đảm từ nguồn chi bảo đảm xã hội theo phân cấp ngân sách hiện hành.
2. Ngân sách trung ương hỗ trợ đối với các địa phương có khó khăn về ngân sách.

Điều 4. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương

1. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.
2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc thực hiện, kiểm tra, giám sát và bảo đảm kinh phí cấp cho đối tượng thụ hưởng.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2015.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **39** /2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày **27** tháng 4 năm 2015

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: S.....
	Ngày: 04 / 15.....

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Dân số ngày 09 tháng 01 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

Điều 1. Đối tượng được hỗ trợ

Phụ nữ là người dân tộc thiểu số hoặc phụ nữ là người Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn (trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc) khi sinh con thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Sinh một hoặc hai con;
2. Sinh con thứ ba, nếu cả hai vợ chồng hoặc một trong hai người thuộc dân tộc có số dân dưới 10.000 người hoặc thuộc dân tộc có nguy cơ suy giảm số dân (tỷ lệ sinh nhỏ hơn hoặc bằng tỷ lệ chết) theo công bố chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
3. Sinh lần thứ nhất mà sinh ba con trở lên;
4. Đã có một con đẻ, nhưng sinh lần thứ hai mà sinh hai con trở lên;
5. Sinh lần thứ ba trở lên, nếu tại thời điểm sinh chỉ có một con đẻ còn sống, kể cả con đẻ đã cho làm con nuôi;

6. Sinh con thứ ba, nếu đã có hai con đẻ nhưng một hoặc cả hai con bị dị tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo không mang tính di truyền, đã được Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương xác nhận;

7. Sinh một con hoặc hai con, nếu một trong hai vợ chồng đã có con riêng (con đẻ);

8. Sinh một con hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh, nếu cả hai vợ chồng đã có con riêng (con đẻ); không áp dụng cho trường hợp hai vợ chồng đã từng có hai con chung trở lên và các con hiện đang còn sống;

9. Phụ nữ thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số chưa kết hôn, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, sinh một hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh.

Điều 2. Định mức hỗ trợ, thời điểm hỗ trợ và phương thức hỗ trợ

1. Định mức hỗ trợ: Hai triệu đồng/người.

2. Thời điểm hỗ trợ: Tính từ tháng đầu sau khi sinh con thuộc đối tượng được hỗ trợ.

3. Phương thức hỗ trợ: Bằng tiền, cấp trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng. Đối tượng thụ hưởng tự nguyện cam kết bằng văn bản không sinh thêm con, nếu vi phạm phải hoàn trả lại kinh phí đã nhận hỗ trợ.

Điều 3. Kinh phí hỗ trợ

1. Kinh phí hỗ trợ do ngân sách địa phương bảo đảm từ nguồn chi bảo đảm xã hội theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Ngân sách trung ương hỗ trợ đối với các địa phương có khó khăn về ngân sách.

Điều 4. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương

1. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc thực hiện, kiểm tra, giám sát và bảo đảm kinh phí cấp cho đối tượng thụ hưởng.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2015.

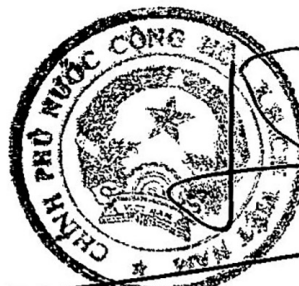
Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Tổng giám đốc Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b). *MAO*

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

**BỘ Y TẾ - BỘ TÀI CHÍNH
- BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2016

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số

Căn cứ Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Bộ Y tế; Vụ trưởng Vụ Hành chính sự nghiệp, Bộ Tài chính; Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư liên tịch quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số (sau đây gọi chung là Nghị định số 39/2015/NĐ-CP).

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi kinh phí hỗ trợ; nguồn kinh phí; lập dự toán, phân bổ, quyết toán ngân sách nhà nước; chế độ báo cáo; trách nhiệm của các cơ quan thực hiện chính sách hỗ trợ một lần cho

phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

Điều 2. Đối tượng được hỗ trợ

Đối tượng được hỗ trợ quy định tại Điều 1 của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Mỗi đối tượng chỉ được nhận chính sách hỗ trợ một lần.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dân tộc thiểu số* là dân tộc được quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc.

2. *Hộ nghèo* là hộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015 và Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

3. *Người cư trú tại đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn* là người có Hộ khẩu thường trú, Sổ tạm trú tại xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn quy định tại Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

4. *Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc* là đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản 1 Điều 2 của Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. *Thân nhân trực tiếp của đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ* bao gồm: Chồng, con đẻ, con nuôi, bố đẻ, mẹ đẻ, bố chồng, mẹ chồng hoặc người nuôi dưỡng của đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hồ sơ xét hưởng chính sách hỗ trợ

1. Tờ khai đề nghị hỗ trợ kinh phí sinh con đúng chính sách dân số của đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này. Thân nhân trực tiếp của đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ thực hiện kê

khai trong trường hợp đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ đã chết hoặc không biết chữ, sức khỏe yếu, không tự khai được.

2. Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có kèm theo bản chính để đối chiếu một số giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng hỗ trợ theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, bao gồm:

a) Giấy đăng ký kết hôn đối với đối tượng hưởng chính sách là người dân tộc Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số.

b) Kết luận của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương đối với trường hợp sinh con thứ ba nếu đã có hai con đẻ nhưng một hoặc cả hai con bị dị tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo không mang tính di truyền;

Điều 5. Trình tự, thủ tục đề nghị cấp kinh phí cho đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ

1. Đối tượng hưởng chính sách hoặc người thân trực tiếp của đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ (sau đây gọi là người đứng tên Tờ khai) lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Thông tư này gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Khi tiếp nhận hồ sơ, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ; nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn người đứng tên Tờ khai bổ sung, hoàn thiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này. Trường hợp không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ ngay tại thời điểm đó thì người tiếp nhận phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện gửi người đứng tên Tờ khai. Khi nhận được yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, người đứng tên Tờ khai phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và gửi ngay về cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

3. Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ. Trường hợp giấy tờ là bản chụp có kèm theo bản chính để đối chiếu thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đứng tên Tờ khai nộp bản sao có chứng thực. Trường hợp giấy tờ là bản sao có chứng thực thì không được yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ được ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã xác minh các tiêu chí áp

dụng cho đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ; ban hành quyết định hỗ trợ kinh phí theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này; thông báo và thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho đối tượng hưởng chính sách.

Trường hợp hồ sơ không bảo đảm điều kiện hỗ trợ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ được ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho người đứng tên Tờ khai.

Điều 6. Thu hồi kinh phí khi đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ vi phạm cam kết

1. Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày phát hiện đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ đã nhận kinh phí hỗ trợ nhưng vi phạm cam kết, sinh thêm con trái chính sách dân số, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định thu hồi kinh phí theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này, gửi Quyết định và Thông báo thu hồi kinh phí cho đối tượng đã nhận hỗ trợ theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời gian 45 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định và Thông báo, đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ đã nhận kinh phí hỗ trợ nhưng vi phạm cam kết, sinh thêm con trái chính sách dân số có trách nhiệm hoàn trả kinh phí tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Kinh phí hoàn trả được nộp lại ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 7. Nguồn kinh phí

Kinh phí hỗ trợ do ngân sách địa phương bảo đảm từ nguồn chi bảo đảm xã hội theo phân cấp ngân sách hiện hành. Năm 2016, ngân sách Trung ương hỗ trợ đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách; các địa phương còn lại do ngân sách địa phương tự bảo đảm.

Điều 8. Lập dự toán, phân bổ và quyết toán ngân sách nhà nước

1. Việc lập, phân bổ, sử dụng, quản lý và quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật kế toán và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

2. Hằng năm, cùng thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ mức hỗ trợ và số lượng đối tượng dự kiến được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hoặc cơ quan thực hiện công tác dân số cấp huyện lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cùng với

dự toán chi thường xuyên gửi Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (nếu trực thuộc Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình) hoặc Phòng Tài chính (nếu trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) để tổng hợp dự toán ngân sách trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Đối với năm 2016, căn cứ kết quả thực hiện hỗ trợ tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản báo cáo cụ thể số đối tượng, kinh phí đã hỗ trợ gửi Bộ Y tế, Bộ Tài chính để tổng hợp. Bộ Tài chính cấp bổ sung có mục tiêu cho địa phương.

Điều 9. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo về việc thực hiện chính sách hỗ trợ thực hiện theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với Ủy ban nhân dân các cấp

a) Trước ngày 15 tháng 10 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã lập báo cáo gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hoặc cơ quan thực hiện công tác dân số cấp huyện). Người làm công tác dân số ở cấp xã giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo hằng năm việc thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn;

b) Trước ngày 25 tháng 10 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập báo cáo gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình). Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hoặc cơ quan thực hiện công tác dân số cấp huyện là cơ quan giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo hằng năm việc thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn;

c) Trước ngày 05 tháng 11 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo gửi Bộ Y tế (qua Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình) và Bộ Tài chính. Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình là cơ quan giúp Giám đốc Sở Y tế báo cáo hằng năm với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn.

3. Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Y tế báo cáo hằng năm với Chính phủ việc thực hiện chính sách hỗ trợ trong phạm vi cả nước.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo người làm công tác dân số, lao động, xã hội trong việc lập danh sách đối tượng hỗ trợ chính sách, báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ, kiểm tra hồ sơ, hướng dẫn đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ hoặc thân nhân đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ lập, bổ sung hồ sơ, xác nhận đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ;

b) Tổ chức cấp phát kinh phí cho đối tượng hỗ trợ, thu hồi kinh phí đối với đối tượng đã nhận kinh phí hỗ trợ nhưng vi phạm cam kết theo quy định;

c) Thực hiện công khai đối tượng được hỗ trợ trước và sau khi có quyết định hỗ trợ theo quy định hiện hành;

d) Kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ;

đ) Quản lý, theo dõi đối tượng nhận hỗ trợ trong việc thực hiện cam kết không sinh thêm con trái chính sách dân số hoặc vi phạm chính sách hỗ trợ một lần.

e) Báo cáo thực hiện chính sách hỗ trợ.

2. Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, cơ quan được giao thực hiện công tác dân số cấp huyện

a) Hướng dẫn người làm công tác dân số cấp xã xác nhận đối tượng hưởng hỗ trợ sinh con đúng chính sách dân số;

b) Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ;

c) Cấp phát kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho cấp xã;

d) Kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ;

đ) Báo cáo thực hiện chính sách hỗ trợ;

e) Quản lý, theo dõi đối tượng nhận hỗ trợ trong việc thực hiện cam kết không sinh thêm con trái chính sách dân số hoặc vi phạm chính sách hỗ trợ một lần.

3. Phòng Tài chính

a) Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ do Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hoặc cơ quan được giao thực hiện công tác dân số cấp huyện gửi;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã cấp, thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ;

c) Kiểm tra, giám thực hiện chính sách hỗ trợ.

4. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Hướng dẫn người làm công tác lao động, xã hội cấp xã trong việc xác nhận các tiêu chí của đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ;

b) Kiểm tra, giám thực hiện chính sách hỗ trợ.

5. Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

a) Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ do Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hoặc cơ quan được giao thực hiện công tác dân số cấp huyện gửi;

b) Hướng dẫn Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hoặc cơ quan được giao thực hiện công tác dân số cấp huyện xác nhận đối tượng sinh con đúng chính sách dân số, việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn;

c) Thanh tra, kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ;

d) Báo cáo thực hiện chính sách hỗ trợ.

6. Sở Y tế

a) Chỉ đạo, hướng dẫn Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hoặc cơ quan được giao thực hiện công tác dân số cấp huyện, người làm công tác dân số cấp xã tuyên truyền, phổ biến và thực hiện chính sách hỗ trợ một lần cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP;

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ;

c) Báo cáo thực hiện chính sách hỗ trợ.

7. Sở Tài chính

a) Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh, thành phố vào dự toán ngân sách địa phương, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn lập, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí trong quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn và thu hồi kinh phí đối với đối tượng đã nhận hỗ trợ nhưng vi phạm cam kết

theo quy định;

c) Thanh tra, kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Hướng dẫn Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, người làm công tác lao động - thương binh và xã hội cấp xã thực hiện chính sách hỗ trợ;

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ.

9. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện

Chỉ đạo cơ quan chuyên môn: Lập, tổng hợp dự toán thực hiện chính sách hỗ trợ; hướng dẫn sử dụng, cấp phát, thanh toán, quyết toán, thu hồi kinh phí khi đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ vi phạm cam kết; xác minh các tiêu chí để hưởng chính sách hỗ trợ; tổ chức cấp phát chính sách hỗ trợ; báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ; kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ; tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ; quản lý, theo dõi đối tượng nhận hỗ trợ trong việc thực hiện cam kết không sinh thêm con trái chính sách dân số hoặc vi phạm chính sách hỗ trợ một lần.

10. Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa Gia đình

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ;

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ;

c) Giúp Bộ trưởng Bộ Y tế báo cáo hằng năm với Chính phủ việc thực hiện chính sách hỗ trợ trong phạm vi cả nước.

d) Tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Y tế, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để đề xuất sửa đổi, bổ sung Thông tư này.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2016.

2. Chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2015.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu áp dụng trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trọng Đàm

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ Y TẾ
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Việt Tiến

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Công báo, Trang thông tin điện tử Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế, Tài chính, Lao động-TBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Trang thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: BYT, BTC, BLĐT BXH (VT, TCDS 05b).

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **45** /2018/TT-BYT

Hà Nội, ngày **28** tháng 12 năm 2018

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH ngày 15 tháng 4 năm 2016 quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số;

Thực hiện Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH ngày 15 tháng 4 năm 2016 quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 3 như sau:

“3. Người cư trú tại đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn là người có Hộ khẩu thường trú hoặc Sổ tạm trú và hiện đang sinh sống tại đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn quy định tại Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành đơn vị hành

chính cấp xã thuộc vùng khó khăn.

2. Sửa đổi khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Tờ khai đề nghị hỗ trợ kinh phí sinh con đúng chính sách dân số của đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ theo Mẫu số 1a ban hành kèm theo Thông tư này đối với đối tượng có số định danh cá nhân và Mẫu số 1b ban hành kèm theo Thông tư này đối với đối tượng chưa có số định danh cá nhân. Thân nhân trực tiếp của đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ thực hiện kê khai trong trường hợp đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ không biết chữ, sức khỏe yếu, không tự khai được.”

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Hằng năm, cùng thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ mức hỗ trợ và số lượng đối tượng dự kiến được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, cơ quan được giao chức năng thực hiện công tác dân số cấp huyện lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cùng với dự toán chi thường xuyên gửi Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (nếu trực thuộc Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình) hoặc gửi Phòng Tài chính (nếu trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) hoặc gửi Sở Y tế (nếu trực thuộc Sở Y tế) để tổng hợp dự toán ngân sách trình cấp có thẩm quyền quyết định.”

4. Sửa đổi điểm c khoản 10 Điều 10 như sau:

“c) Giúp Bộ trưởng Bộ Y tế tổng hợp báo cáo Chính phủ hằng năm về kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện chính sách hỗ trợ trong phạm vi cả nước;”

5. Bổ sung khoản 11 vào Điều 10 như sau:

“11. Ban Dân tộc hoặc cơ quan được giao chức năng thực hiện công tác dân tộc trên địa bàn có trách nhiệm:

a) Phối hợp với ngành Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính ở địa phương hướng dẫn, thực hiện chính sách hỗ trợ;

b) Phối hợp thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ.”

6. Sửa đổi cụm từ: “Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hoặc cơ quan thực hiện công tác dân số cấp huyện” thành cụm từ “Cơ quan được giao chức năng thực hiện công tác dân số cấp huyện”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2019.

2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 3, khoản 1 Điều 4 (bao gồm bãi bỏ cả Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐT'BXH), khoản 2 Điều 8, điểm c khoản 10 Điều 10 của Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐT'BXH kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

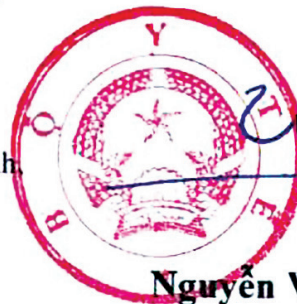
Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Y tế (Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Về các vấn đề xã hội của Quốc hội (để giám sát);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (Công báo, Công Thông tin điện tử Chính phủ);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế, Tài chính, Lao động-TBXH, Ban Dân tộc các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, Văn phòng, Thanh tra Bộ; Công Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, TCDS (05b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Viết Tiến

Mẫu số 01a (mặt 1)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45 /2018/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2018)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Đề nghị hỗ trợ kinh phí sinh con đúng chính sách dân số
 (Sử dụng khi đã được cấp sổ định danh cá nhân)

Họ, chữ đệm và tên khai sinh:
 Số định danh cá nhân:
 Nơi thường trú:
 Nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi thường trú):
 Thuộc hộ nghèo theo Quyết định số
 Là đối tượng được hỗ trợ quy định tại Điều 1 Nghị định số 39/2015/NĐ-CP:

TT	Các trường hợp sinh con đúng chính sách dân số được hỗ trợ	Đánh dấu "X" vào ô tương ứng
1.	Sinh một hoặc hai con.	
2.	Sinh con thứ ba, nếu cả hai vợ chồng hoặc một trong hai người thuộc dân tộc có số dân dưới 10.000 người hoặc thuộc dân tộc có nguy cơ suy giảm số dân.	
3.	Sinh lần thứ nhất mà sinh ba con trở lên.	
4.	Đã có một con đẻ, nhưng sinh lần thứ hai mà sinh hai con trở lên.	
5.	Sinh lần thứ ba trở lên, nếu tại thời điểm sinh chỉ có một con đẻ còn sống, kể cả con đẻ đã cho làm con nuôi.	
6.	Sinh con thứ ba, nếu đã có hai con đẻ nhưng một hoặc cả hai con bị dị tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo không mang tính di truyền, đã được Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương xác nhận.	
7.	Sinh một con hoặc hai con, nếu một trong hai vợ chồng đã có con riêng (con đẻ).	
8.	Sinh một con hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh, nếu cả hai vợ chồng đã có con riêng (con đẻ); không áp dụng cho trường hợp hai vợ chồng đã từng có hai con chung trở lên và các con hiện đang còn sống.	
9.	Phụ nữ thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số chưa kết hôn, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, sinh một hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh.	

Đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét, cấp hỗ trợ kinh phí sinh con đúng chính sách dân số.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và cam kết:

- (1) (*)..... là đối tượng được hỗ trợ, chưa từng nhận hỗ trợ kinh phí của chính sách này.
 (2) Sau khi nhận kinh phí hỗ trợ sẽ không sinh thêm con trái chính sách dân số, nếu vi phạm sẽ phải hoàn trả số tiền đã nhận và chịu các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật./.

Thông tin người khai thay
 Giấy CMND/Thẻ căn cước số:
 Ngày cấp:
 Nơi cấp:.....
 Quan hệ với đối tượng hưởng:
 Nơi thường trú/tạm trú:.....

..... ngày tháng năm 20
Người khai/Người khai thay
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ.
Trường hợp khai thay phải ghi đầy đủ thông tin
của người khai thay)

* Ghi "Tôi" nếu là đối tượng đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ trực tiếp kê khai; ghi họ và tên đối tượng đề nghị được hưởng chính sách hỗ trợ khi khai thay.

Mẫu số 01b (mặt 1)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2018/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Đề nghị hỗ trợ kinh phí sinh con đúng chính sách dân số

(Sử dụng khi chưa được cấp sổ định danh cá nhân)

Họ, chữ đệm và tên khai sinh:
 Sinh ngày tháng năm Dân tộc
 Nơi thường trú/tạm trú:
 Thuộc hộ nghèo theo Quyết định số
 Là đối tượng được hỗ trợ quy định tại Điều 1 Nghị định số 39/2015/NĐ-CP:

TT	Các trường hợp sinh con đúng chính sách dân số được hỗ trợ	Đánh dấu "X" vào ô tương ứng
1.	Sinh một hoặc hai con.	
2.	Sinh con thứ ba, nếu cả hai vợ chồng hoặc một trong hai người thuộc dân tộc có số dân dưới 10.000 người hoặc thuộc dân tộc có nguy cơ suy giảm số dân.	
3.	Sinh lần thứ nhất mà sinh ba con trở lên.	
4.	Đã có một con đẻ, nhưng sinh lần thứ hai mà sinh hai con trở lên.	
5.	Sinh lần thứ ba trở lên, nếu tại thời điểm sinh chỉ có một con đẻ còn sống, kể cả con đẻ đã cho làm con nuôi.	
6.	Sinh con thứ ba, nếu đã có hai con đẻ nhưng một hoặc cả hai con bị dị tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo không mang tính di truyền, đã được Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương xác nhận.	
7.	Sinh một con hoặc hai con, nếu một trong hai vợ chồng đã có con riêng (con đẻ).	
8.	Sinh một con hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh, nếu cả hai vợ chồng đã có con riêng (con đẻ); không áp dụng cho trường hợp hai vợ chồng đã từng có hai con chung trở lên và các con hiện đang còn sống.	
9.	Phụ nữ thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số chưa kết hôn, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, sinh một hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh.	

Đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét, cấp hỗ trợ kinh phí sinh con đúng chính sách dân số.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và cam kết:

- (1) (*) là đối tượng được hỗ trợ, chưa từng nhận hỗ trợ kinh phí của chính sách này.
- (2) Sau khi nhận kinh phí hỗ trợ sẽ không sinh thêm con trái chính sách dân số, nếu vi phạm sẽ phải hoàn trả số tiền đã nhận và chịu các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật./.

Thông tin người khai thay

Giấy CMND/Thẻ căn cước số:
 Ngày cấp:
 Nơi cấp:
 Quan hệ với đối tượng hưởng:
 Nơi thường trú/tạm trú:

..... ngày tháng năm 20

Người khai/Người khai thay

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ.

Trường hợp khai thay phải ghi đầy đủ thông tin của người khai thay)

* Ghi "Tôi" nếu là đối tượng đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ trực tiếp kê khai; ghi họ và tên đối tượng đề nghị được hưởng chính sách hỗ trợ khi khai thay.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA THỨ TRƯỞNG ĐỖ XUÂN TUYẾN TẠI HỘI THẢO TỔNG KẾT 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 39/NĐ-CP

Thưa các quý vị đại biểu, khách quý;

Thưa toàn thể các đồng chí.

Hôm nay, tôi rất vui mừng, phấn khởi đến tham dự Hội thảo Tổng kết 5 năm tình hình thực hiện Chính sách Hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số. Thay mặt Đảng ủy Bộ, lãnh đạo Bộ Y tế tôi xin gửi tới các đồng chí lãnh đạo tỉnh, các vị đại biểu lời chào trân trọng, tình cảm thân thiết và lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Nước ta có 54 dân tộc anh em, trong đó có 53 dân tộc thiểu số với 13,6 triệu người, chiếm 14,6% dân số cả nước, sinh sống thành cộng đồng. Đồng bào các dân tộc thiểu số có truyền thống đoàn kết, cần cù, chịu khó, thật thà, tốt bụng; tuyệt đối tin tưởng vào Đảng và Nhà nước, đã đóng góp xứng đáng công sức của mình vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong suốt tiến trình cách mạng, Đảng ta luôn xác định vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng; xác định nguyên tắc căn bản trong công tác dân tộc là bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giúp nhau cùng phát triển. Từ đó, đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp lớn, nhằm tăng cường sự đoàn kết, gắn bó keo sơn giữa các dân tộc anh em; ưu tiên nguồn lực đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số (DTTS), miền núi; đặc biệt quan tâm chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo, y tế nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Trong nhiều năm qua, với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, DTTS đã được tạo điều kiện để phát huy nội lực và đạt được những kết quả tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội. Nhìn chung, Việt Nam đã có những thành tựu đáng ghi nhận trong việc giảm bất bình đẳng trong xã hội, bao gồm cả bình đẳng giới và bình đẳng giữa các dân tộc. Mặc dù vậy, các con số thống kê cũng cho thấy, Phụ nữ DTTS là nhóm có nhiều nguy cơ tụt hậu hơn cả do tính dễ bị tổn thương “kép” với đặc thù vừa là phụ nữ, vừa là người DTTS

Tiếp cận các dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe của phụ nữ DTTS còn khoảng cách lớn. Theo báo cáo, vẫn còn 30,7% phụ nữ DTTS sinh con ở nhà so với 0,5% phụ nữ dân tộc Kinh; có tới 25 dân tộc có tỷ lệ sinh con tại nhà chiếm gần 50%, thậm chí có một số dân tộc, tỷ lệ sinh con tại nhà lên tới 90% như La Ha, La Hủ, Si la, Lự, Máng. Theo Kết quả khảo sát đề tài thuộc Chương trình Tây Nguyên 3, tỷ lệ phụ nữ DTTS không đến trạm y tế xã và không đi tư vấn sức khỏe bản thân đều cao hơn so với nam giới DTTS và so với phụ nữ dân tộc Kinh trên địa bàn (tỷ lệ lần lượt là 78,9%-74,5%-57,3% và 32%-23,6%-22,4%).

Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số là một chính sách nhân văn đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Chính sách đã tạo động lực trong việc thúc đẩy thực hiện chính sách dân số, nhất là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa. Khi được tuyên truyền và nhận hỗ trợ, nhận thức của người dân về công tác dân số ngày càng nâng cao, chấp nhận quy mô gia đình ít con, giúp giảm tỷ lệ sinh con thứ 3, sinh đủ 2 con để có điều kiện nuôi dạy cho tốt. Đồng thời, giúp kinh tế nhiều hộ gia đình ngày càng cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng dân số cho đồng bào dân tộc đặc biệt là đối với vùng có mức sinh cao.

Qua nghe báo cáo chúng tôi vui mừng nhận thấy rằng, trong những năm gần đây đã đạt được những kết quả đáng mừng thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP

- Công tác chỉ đạo, ban hành văn bản hướng dẫn: trong giai đoạn 5 năm thực hiện Nghị định Bộ Y tế ban hành 2 thông tư hướng dẫn, hơn 40 văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, giải đáp các vấn đề pháp lý, trả lời kiến nghị của Đại biểu Quốc hội, các Chi cục DS-KHHGD về thực hiện chính sách dân số của một số địa phương, những vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Tổng số có hơn 3.000 văn bản được ban hành tại các cấp.

- Triển khai thực hiện tại 53 tỉnh, 398 huyện và 3869 xã
- Tổng số đối tượng đã được hỗ trợ là 73.775 người
- Tương ứng kinh phí đã chi cho đối tượng là 147 tỷ 551 triệu đồng

Tại hội thảo ngày hôm nay, tôi ghi nhận những thành tích mà các đồng chí đã đóng góp trong 5 năm qua, đặc biệt là hệ thống cán bộ dân số cấp cơ sở để đạt được kết quả kể trên. Tôi mong muốn chúng ta phát huy những thuận lợi khắc phục những khó khăn để thực hiện tốt nhiệm vụ mà Thủ tướng Chính phủ đã giao góp phần nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân tộc. Tôi mong muốn và đề nghị các:

- Tiếp tục tăng cường sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc, các ban ngành đoàn thể, UBND cấp tỉnh, thành phố, Sở Y tế, Chi cục DS-KHHGD để triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Tiếp thu các ý kiến của Đại biểu Quốc hội, các ngành các cấp, thực hiện đánh giá khảo sát việc triển khai chính sách để sửa đổi, bổ sung các văn bản quản lý phù hợp với điều kiện thực tế khi triển khai Nghị định.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa ngành Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Dân tộc ở địa phương để hướng dẫn, thực hiện, phối hợp thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện.

- Tăng cường các hoạt động truyền thông nhằm tuyên truyền sâu rộng với nhiều hình thức phù hợp với văn hóa từng dân tộc và đặc thù vùng miền cho đối tượng nhằm giúp chị em phụ nữ dân tộc thiểu số nâng cao nhận thức về quyền, nghĩa vụ trong việc chăm sóc sức khỏe thực hiện mô hình gia đình ít con đúng chính sách dân số.

- Đảm bảo nguồn kinh phí hỗ trợ cho đối tượng theo quy định hiện hành. Bố trí kinh phí các hoạt động cho các đơn vị thực hiện theo nhiệm vụ đã được quy định tại các thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Triển khai hoạt động tuyên truyền, hội thảo, tập huấn và tư vấn chính sách cho các cán bộ dân số. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn đảm bảo thực hiện tốt Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Trong thời gian tới tiếp tục triển khai chính sách này, Bộ Y tế tăng cường công tác truyền thông đến các đối tượng, phổ biến tập huấn kỹ năng tư vấn pháp luật, hướng dẫn thủ tục hành chính, chính sách, kiểm tra giám sát để thực hiện có hiệu quả chính sách trong cuộc sống. Đề nghị UBND cấp tỉnh/thành phố quan tâm chỉ đạo công tác phối hợp với các cơ quan được giao nhiệm vụ trong địa phương để kịp thời hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng thực hiện các nhiệm vụ mà Chính phủ đã giao.

Cùng với triển khai chính sách hỗ trợ cho phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số, Bộ Y tế đề nghị Tổng cục DS-KHHGD tiếp tục tham mưu và đang xây dựng triển khai có hiệu quả các chính sách như: Chính sách Bảo hiểm y tế, Chương trình Tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; chương trình Điều chỉnh mức sinh giữa các vùng, đối tượng đến năm 2030; Chương trình Củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 nhằm góp phần thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ, nâng cao vai trò của phụ nữ dân tộc thiểu số.

Xin trân trọng cảm ơn các đại biểu và kính chúc sức khỏe các đồng chí!

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình và kết quả 5 năm thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số (Giai đoạn từ năm 2015-2020)

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số (sau đây gọi là Nghị định số 39/2015/NĐ-CP) và Thông tư số 45/2018/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP; Bộ Y tế báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình và kết quả 5 năm thực hiện (từ năm 2015 - tháng 9/2020) như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo điều hành

1.1. Tại trung ương ngay sau khi Nghị định số 39/2015/NĐ-CP được ban hành, Bộ Y tế đã chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và ban hành Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH ngày 15 tháng 4 năm 2016 hướng dẫn thực hiện Nghị định. Bộ Y tế, Bộ Tài chính đã ban hành nhiều văn bản đề hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện tới Ủy ban nhân dân (UBND), Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD) các tỉnh, thành phố. Các văn bản hướng dẫn tập trung vào các nội dung về việc rà soát đối tượng, định mức hỗ trợ, thời điểm hỗ trợ và phương thức hỗ trợ; hồ sơ xét hưởng chính sách hỗ trợ; trình tự, thủ tục đề nghị cấp kinh phí cho đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ; thu hồi kinh phí khi đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ vi phạm cam kết; nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ; chế độ báo cáo và trách nhiệm của các cơ quan trong việc tổ chức thực hiện chính sách. Tại hội nghị triển khai chương trình công tác hàng năm, Tổng cục DS-KHHGD (Bộ Y tế) đã tổ chức hội thảo phổ biến, hướng dẫn triển khai

tới Sở Y tế, Chi cục DS-KHHGD các tỉnh, thành phố về nội dung thực hiện chính sách hỗ trợ này.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1010/QĐ-TTg phê duyệt đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn thay thế Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2014, Bộ Y tế đã ban hành các văn bản hướng dẫn và yêu cầu các đơn vị rà soát lập danh mục các đối tượng thuộc Quyết định số 1010/QĐ-TTg.

Thực hiện Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng của Bộ Y tế, Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 45/2018/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH ngày 15 tháng 4 năm 2016 quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, Quyết định 792/QĐ-BYT ngày 04/3/2019 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Dân số thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế. Hàng năm Bộ Y tế ban hành văn bản hướng dẫn Sở Y tế, Chi cục DS-KHHGD các tỉnh, thành phố lập kế hoạch năm và triển khai thực hiện Nghị định.

1.2. Tại các địa phương, sau khi Nghị định số 39/2015/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực, UBND cấp tỉnh, Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thuộc thẩm quyền, có trách nhiệm trong việc rà soát đối tượng, bảo đảm kinh phí cấp cho đối tượng thụ hưởng chính sách, thực hiện kiểm tra, giám sát trên địa bàn, cụ thể:

Sở Tài chính tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh, thành phố vào dự toán ngân sách địa phương, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện; tham mưu cho UBND cấp tỉnh hướng dẫn lập, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí trong quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn và thu hồi kinh phí đối với đối tượng đã nhận hỗ trợ nhưng vi phạm cam kết theo quy định; thanh tra, kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ.

Năm 2016, Bộ Tài chính đã bố trí nguồn kinh phí trung ương để hỗ trợ cho các địa phương khó khăn mà chưa đảm bảo được nguồn kinh phí. Từ năm 2017 đến nay các địa phương chi bằng nguồn đảm bảo xã hội của tỉnh, thành phố.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành văn bản hướng dẫn Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, cán bộ làm công tác lao động - thương binh và xã hội cấp xã thực hiện chính sách hỗ trợ; thanh tra, kiểm tra, giám sát, rà soát, xác nhận đối tượng.

Sở Y tế đã chỉ đạo, hướng dẫn Chi cục DS-KHHGD, Trung tâm Y

tế/Trung tâm DS-KHHGD, cán bộ làm công tác dân số cấp xã trong việc rà soát đối tượng, lập dự toán chi cho đối tượng gửi cơ quan có thẩm quyền đảm bảo nguồn kinh phí chi cho các đối tượng.

Ban Dân tộc hoặc cơ quan được giao chức năng thực hiện công tác dân tộc ở địa phương có trách nhiệm phối hợp với ngành Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính ở địa phương hướng dẫn, thực hiện chính sách hỗ trợ; phối hợp thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ.

Chi cục DS - KHHGD tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ do Trung tâm Y tế, trung tâm DS-KHHGD; hướng dẫn Trung tâm xác nhận đối tượng sinh con đúng chính sách dân số, việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn; thanh tra, kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ; báo cáo thực hiện chính sách hỗ trợ.

Từ năm 2018-2020, cơ cấu tổ chức bộ máy hệ thống cơ quan DS - KHHGD cấp huyện có biến động đó là sáp nhập Trung tâm DS-KHHGD với Trung tâm Y tế cấp huyện, thay đổi lãnh đạo và cán bộ cấp huyện nên công việc quản lý và theo dõi đối tượng cấp huyện, cấp xã cũng gặp nhiều biến động và khó khăn đặc biệt trong quá tổ chức triển khai cho cấp xã, trình xác nhận hồ sơ và chi trả cho các đối tượng bị gián đoạn.

2. Công tác rà soát, thống kê đối tượng, lập hồ sơ chi trả

Hàng năm, thực hiện các văn bản và thông tư hướng dẫn của Bộ Y tế, Sở Y tế, Chi cục DS-KHHGD được giao chủ trì triển khai thực hiện Nghị định đều có văn bản triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị định xuống tuyến huyện thuộc địa bàn triển khai thực hiện Nghị định. Theo đó, huyện chỉ đạo cán bộ dân số xã phối hợp với cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ, cán bộ Tư pháp xã tuyên truyền phổ biến nội dung cơ bản của Nghị định và các văn bản liên quan đến cán bộ, đoàn viên, hội viên và nhân dân; tiến hành xác minh, rà soát, lập danh sách đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách; tuyên truyền, vận động các đối tượng đủ điều kiện cam kết thực hiện tốt chính sách dân số và hướng dẫn đối tượng hoàn thiện tờ khai, hồ sơ nhận hỗ trợ gửi về UBND huyện (qua Trung tâm DS-KHHGD, nay là Trung tâm Y tế huyện) thẩm định, khi đủ các điều kiện ban hành quyết định cấp kinh phí hỗ trợ. Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định hỗ trợ kinh phí và thông báo cho đối tượng đến UBND xã nhận tiền hỗ trợ.

Năm 2019, sau khi có Thông tư số 45/2018/TT-BYT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH, Thông báo số 31/TB-UBND ngày 25/3/2019 của Ủy ban Dân tộc, Quyết định 792/QĐ-BYT ngày 04/3/2019 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Dân số thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế, Sở Y tế đã có văn

bản yêu cầu các huyện cập nhật những thay đổi về địa bàn và quy định mới trong các văn bản mới và thống nhất triển khai áp dụng trong tỉnh kể từ ngày 01/01/2019, có văn bản hướng dẫn, triển khai đến các xã thuộc địa bàn.

Các xã thuộc địa bàn Nghị định đã tiến hành niêm yết thủ tục hành chính theo quy định. Tình hình triển khai cấp "Mã số định danh cá nhân" còn chậm hiện nay các địa phương vẫn đang trong giai đoạn triển khai, thu thập thông tin. Việc thu thập thông tin dân cư các địa phương đặc biệt là xã khó khăn có đồng bào dân tộc vẫn chưa hoàn thành do người dân đăng ký thường trú ở địa phương này nhưng thực tế đang cư trú ở địa phương khác, phải điều chỉnh thông tin về nơi cư trú của công dân do việc sáp nhập, chia tách, thành lập mới các đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện.

3. Công tác phối hợp, tuyên truyền, phổ biến, tập huấn

Sau khi Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ban hành, Bộ Y tế giao cho Tổng cục DS-KHHGD làm đầu mối thực hiện việc triển khai Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, Tổng cục đã tổ chức phổ biến Nghị định và các Thông tư hướng dẫn trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế, Tổng cục DS-KHHGD, đăng tải tin bài trên Báo Gia đình và Xã hội, Tạp chí Dân số và Phát triển. Tại trung ương đã xây dựng một số chuyên mục tuyên truyền như: hộp thư giải đáp pháp luật, phóng sự, tin bài theo chuyên đề của Nghị định số 39/NĐ-CP.

Tại địa phương công tác tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng, trang mạng trên website của Sở Y tế, các số bản tin Thông tin DS-KHHGD, tuy nhiên số lượng bài viết chưa nhiều. Trong 3 năm gần đây, việc tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện Nghị định tại một số tỉnh được chú trọng thực hiện thường xuyên hơn thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai, thực hiện lồng ghép trong các hoạt động tập huấn nâng cao năng lực và các hội nghị truyền thông của ngành cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, y tế từ tỉnh đến cơ sở. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn đối tượng là phụ nữ thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP tại xã thông qua đội ngũ cán bộ chuyên trách và cộng tác viên dân số. Cán bộ DS-KHHGD cấp xã, phối hợp với cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ, cán bộ Tư pháp cấp xã, tổ chức truyền thông, tư vấn, họp xóm, nhóm.

4. Mức hỗ trợ, nguồn kinh phí và tình hình thực hiện chi trả

Mức hỗ trợ trực tiếp cho người thụ hưởng là 2 triệu đồng/người và một lần duy nhất.

Nguồn kinh phí: Kinh phí hỗ trợ do ngân sách địa phương bảo đảm từ nguồn chi bảo đảm xã hội theo phân cấp ngân sách hiện hành. Năm 2016, ngân

sách Trung ương hỗ trợ cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách, các địa phương còn lại do ngân sách địa phương tự bảo đảm.

Công tác lập, tổng hợp dự toán, sử dụng, quản lý và quyết toán kinh phí hỗ trợ cho đối tượng được các đơn vị thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản quy định chi tiết thi hành. Hồ sơ của các đối tượng được thụ hưởng chính sách được lập và lưu trữ theo quy định. Kinh phí hỗ trợ do ngân sách địa phương bảo đảm từ nguồn chi bảo đảm xã hội của địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành. Một số tỉnh, thành phố đã tự cân đối được ngân sách và chi trả cho đối tượng kịp thời. Một số tỉnh chưa đảm bảo được kinh phí địa phương chi trả cho đối tượng như tỉnh Cao Bằng mới chỉ chi trả cho đối tượng năm 2016 theo nguồn hỗ trợ của Trung ương, còn lại từ 2017 đến nay tỉnh không có nguồn để bố trí kinh phí để chi trả cho đối tượng. Trong 2 năm 2019-2020 một số tỉnh chưa thực hiện chi trả cho đối tượng với lý do tỉnh chưa bố trí được ngân sách như tỉnh Nghệ An hoặc một số tỉnh đối tượng không dám nhận tiền hỗ trợ sợ vi phạm chính sách.

Từ năm 2019 đến nay, khi mô hình tổ chức cơ quan dân số tuyến huyện thay đổi nên phần lớn các tỉnh UBND cấp tỉnh đã bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP và giao Sở Y tế phân bổ kinh phí thực hiện thông qua Trung tâm Y tế cấp huyện.

5. Công tác kiểm tra giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị định 39/2015/NĐ-CP đã được thực hiện từ trung ương đến địa phương, tuy nhiên công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên, liên tục. Tổng cục DS-KHHGD đã tổ chức nhiều đoàn kiểm tra, giám sát về triển khai tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ, hướng dẫn và giải đáp kịp thời các ý kiến vướng mắc của địa phương, tạo điều kiện cho các địa phương thực hiện đúng các quy định của chính sách.

Tại địa phương: công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị định được thực hiện lồng ghép vào hoạt động kiểm tra, giám sát thường xuyên hàng năm và theo chuyên đề của các cơ quan chức năng trong tỉnh như đoàn giám sát liên ngành do Hội Liên hiệp Phụ nữ chủ trì, gồm đại diện các đơn vị: Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Chi cục DS-KHHGD đến kiểm tra, giám sát tại các huyện, xã. Nội dung kiểm tra, giám sát về việc chỉ đạo, triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách theo Nghị định 39/2015/NĐ-CP. Các Chi cục DS-KHHGD đã tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị định 39/2015/NĐ-CP tại các huyện, xã để đánh giá công tác triển khai, thực hiện về các nội dung rà soát, thống kê đối tượng và lập dự toán kinh phí hàng năm, chi trả cho đối tượng và các nội dung khác có liên quan.

Hàng năm, các cơ quan DS-KHHGD các cấp thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định. Bộ Y tế báo cáo Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở tổng hợp tình hình thực hiện Nghị định của các tỉnh/thành phố.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP trong 5 năm (2015-2020)

- Công tác chỉ đạo, ban hành văn bản hướng dẫn: trong giai đoạn 5 năm thực hiện Nghị định Bộ Y tế ban hành 2 thông tư hướng dẫn bao gồm: Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 4 năm 2016 quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP và Thông tư số 45/2018/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH. Đồng thời đã ban hành hơn 40 văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, giải đáp các vấn đề pháp lý, trả lời kiến nghị của Đại biểu Quốc hội, các Chi cục DS-KHHGD về thực hiện chính sách dân số của một số địa phương, những vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Tổng số có gần 3.000 văn bản được ban hành tại các cấp.

- Công tác rà soát, thống kê đối tượng phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách dân số theo 9 nhóm đối tượng quy định tại Nghị định số 39/2015/NĐ-CP triển khai thực hiện tại 53 tỉnh, 398 huyện và 3869 xã. Trong 2 năm gần đây tỷ lệ hộ nghèo thuộc các xã vùng khó khăn cũng ngày càng giảm nên đối tượng thực hiện Nghị định số 39/NĐ-CP cũng giảm hơn so với những năm trước.

- Trong 5 năm đã thực hiện được 54.512 cuộc truyền thông, tập huấn lồng ghép phổ biến nội dung của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP và một số tin bài về thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP đăng tải trên báo, truyền hình. Tổng cục DS-KHHGD chủ trì mở 03 lớp tập huấn hướng dẫn cho một số địa phương về thực thi chính sách hỗ trợ cho phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số tại tỉnh Lạng Sơn, Quảng Nam, Trà Vinh. Tổ chức 02 cuộc hội thảo phổ biến, giáo dục các quy định của pháp luật về nội dung mới của Thông tư số 45/2018/TT-BYT cho cán bộ của 20 tỉnh tại Điện Biên và Hà Nội và 02 cuộc hội thảo về nội dung tư vấn pháp lý về các chính sách tại tỉnh Hòa Bình, Quảng Ngãi. Năm 2020, Tổng cục DS-KHHGD đã xây dựng chuyên mục hộp thư giải đáp pháp luật, 02 phóng sự và các tin bài về nội dung của Nghị định số 39/NĐ-CP.

- Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện hàng năm, tuy nhiên chưa được thường xuyên và đồng đều trong các tỉnh. Trong 5 năm, tổng số có 1.561 cuộc giám sát về nội dung rà soát xác minh đối tượng, lập dự toán kinh phí, công tác phối hợp truyền thông và lập hồ sơ chi trả cho đối tượng thụ hưởng.

2. Kết quả hỗ trợ cho đối tượng trong 5 năm (2015-2020)

Trong 5 năm, theo báo cáo tổng hợp của 53 tỉnh, thành phố kết quả chi trả cho đối tượng thực hiện Nghị định số 39/2015-NĐ-CP tính từ thời điểm tháng 6/2015-30/9/2020 cụ thể như sau:

- Tổng số đối tượng đã được hỗ trợ là 73.775 người
- Tương ứng kinh phí đã chi cho đối tượng là 147 tỷ 551 triệu đồng
- Trong đó 20 tỉnh đạt kết quả cao nhất đã chi cho đối tượng là 123 tỷ 983 triệu đồng với 61.991 người được hỗ trợ gồm: Sơn La, Hòa Bình, Tuyên Quang, Hà Giang, Thanh Hóa, Yên Bái, Lạng Sơn, Quảng Nam, Nghệ An, Gia Lai, Lai Châu, Lào Cai, Điện Biên, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Đắk Lắk, Quảng Ngãi, Phú Thọ, Bình Định, Bắc Giang.

Theo báo cáo tổng hợp của 53 tỉnh, thành phố có 1.176 người đã nhận tiền nhưng vi phạm chính sách do sinh thêm con vi phạm chính sách dân số, kinh phí đã chi cho đối tượng này là 2 tỷ 346 triệu, trong đó số tiền đã thu hồi của các đối tượng vi phạm là 1 tỷ 422 triệu đồng (tương ứng 712 người đã nộp), số đối tượng vi phạm còn lại các tỉnh tiếp tục được rà soát thu hồi kinh phí theo đúng quy định.

3. Đánh giá tính hiệu quả của Nghị định số 39/2015NĐ-CP

Nghị định số 39/2015/NĐ-CP được ban hành là cơ sở pháp lý để triển khai một chính sách nhân văn đối với đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và phụ nữ nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa là đồng bào dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách dân số nói riêng.

Việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ này thể hiện chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về công tác dân tộc và dân số. Chính sách thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với người đồng bào dân tộc thiểu số, chính sách đã được người dân đồng tình hưởng ứng. Chính sách đã tạo động lực trong việc thúc đẩy thực hiện chính sách dân số, nhất là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa. Khi được tuyên truyền và nhận hỗ trợ, nhận thức của người dân về công tác dân số ngày càng nâng cao, chấp nhận quy mô gia đình ít con, giúp giảm tỷ lệ sinh con thứ 3, sinh đủ 2 con để có điều kiện nuôi dạy cho tốt. Đồng thời, giúp kinh tế nhiều hộ gia đình ngày càng cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng dân số cho đồng bào dân tộc. Chính sách không chỉ tác động tích cực đến nhận thức người dân mà còn tạo thuận lợi cho đội ngũ làm công tác dân số trong công tác truyền thông vận động người dân thực hiện KHHGD, chăm sóc sức khỏe sinh sản nhằm nâng cao chất lượng dân số, góp phần thực hiện mục tiêu của Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

III. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

Hệ thống các văn bản về công tác dân số trong tình hình mới đã được ban hành, đây là những văn bản chỉ đạo có tính chiến lược, kim chỉ nam để thực hiện trong giai đoạn tới của ngành dân số như: Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới. (1) Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, (2) Kế hoạch kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số, (3) Chương trình Truyền thông dân số đến năm 2030, (4) Chương trình điều chỉnh mức sinh giữa các vùng, đối tượng đến năm 2030, (5) Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030, (6) Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình đến năm 2030, (7) Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030.

Thực hiện công tác dân số có sự vào cuộc và phối hợp chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể như đã thành lập được Ban Chỉ đạo công tác DS-KHHGD các cấp và hệ thống cán bộ dân số kiêm nhiệm cấp xã. Ban Chỉ đạo công tác DS-KHHGD thường xuyên quan tâm chỉ đạo nên việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ trên địa bàn toàn tỉnh được thuận lợi và đạt hiệu quả.

Cấp ủy, Chính quyền địa phương sẵn sàng bố trí đảm bảo nguồn kinh phí địa phương để chi trả cho đối tượng. Thường xuyên quan tâm, chỉ đạo sâu sát các hoạt động tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

Sự phối hợp, tham gia của UBND các cấp và các ban, ngành, đoàn thể đặc biệt là sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ chuyên trách, cộng tác viên dân số trong việc truyền thông hướng dẫn thực hiện kê khai biểu mẫu rà soát và thống kê đối tượng tại địa bàn.

2. Khó khăn

- Đối tượng được hưởng chính sách đều là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, trình độ dân trí thấp, một số địa phương tồn tại nhiều hủ tục, tập quán lạc hậu trọng nam kinh nữ, địa bàn rộng, hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số nhiều nơi không biết tiếng phổ thông nên công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, phổ biến chính sách về dân số còn gặp nhiều hạn chế, hiệu quả chưa cao. Một số đối tượng còn muốn sinh con nên đã từ chối hoặc không muốn ký cam kết nhận chính sách vì sợ phải hoàn lại kinh phí nếu vi phạm. Tỷ lệ hộ nghèo thường xuyên thay đổi tại các xã rộng, đối tượng biến động do đối tượng đi làm

ăn xa nên việc xác định đối tượng không kịp thời dẫn đến việc chi trả cho đối tượng khi sinh con cũng chậm trễ hoặc không được nhận hỗ trợ.

- Một số cấp ủy đảng cán bộ lãnh đạo địa phương chưa đánh giá đúng vị trí của công tác dân số nên chưa chỉ đạo quyết liệt dẫn đến việc triển khai thực hiện chính sách ở địa phương còn bị gián đoạn, chưa kịp thời.

- Công tác phối hợp giữa các ngành, đoàn thể chưa chặt chẽ đặc biệt là sự phối kết hợp của các sở ngành chưa nhịp nhàng trong việc thực hiện Nghị định số 39/NĐ-CP trên địa bàn. Công tác tuyên truyền, vận động, giải thích, thuyết phục người dân hiểu và tham gia thực hiện chính sách chưa thường xuyên, chưa sâu nên ở một số địa phương người dân chưa hiểu kỹ.

- Về công tác tổ chức: trong 2 năm gần đây có sự thay đổi do sáp nhập tổ chức bộ máy cấp huyện và xã của ngành dân số nên có sự thay đổi về lãnh đạo và cán bộ, mạng lưới cán bộ và cộng tác viên cơ sở đang có sự sắp xếp lại, thiếu hụt cán bộ nên theo dõi, cập nhật thông tin đối tượng bị gián đoạn, chưa kịp thời. Trình độ, năng lực và kinh nghiệm của một số cán bộ cấp xã, cộng tác viên dân số còn hạn chế nên việc triển khai thực hiện ở một số địa phương còn chậm và lúng túng.

- Nguồn kinh phí đảm bảo địa phương để chi trả cho đối tượng của một số tỉnh thành phố để thực hiện chính sách hiện nay còn eo hẹp, có tỉnh chưa tự cân đối bằng nguồn ngân sách đảm bảo địa phương được để chi trả cho đối tượng dẫn đến việc thực hiện chính sách chưa kịp thời.

- Các đơn vị thường không bố trí kinh phí hoạt động quản lý để thực hiện các nhiệm vụ đã được quy định trong thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/NĐ-CP như công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, giám sát, hỗ trợ đi lại, ăn ở để cộng tác viên một số địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn khi đi tới từng hộ rà soát đối tượng, không có kinh phí in ấn biểu mẫu, hồ sơ.

- Việc thu hồi kinh phí rất khó khăn đối với đối tượng đã nhận chính sách hỗ trợ vi phạm cam kết đã sinh thêm con trái chính sách dân số vì đối tượng đều là hộ nghèo, thu nhập rất thấp.

- Thay đổi cơ chế phân bổ dự toán, lập kế hoạch, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ cho đối tượng thuộc Nghị định số 39/NĐ-CP từ UBND cấp huyện về Sở Y tế.

III. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục rà soát đánh giá việc triển khai chính sách để sửa đổi, bổ sung các văn bản phù hợp với điều kiện thực tế và sự phát triển kinh tế - xã hội khi triển khai thực hiện Nghị định trong giai đoạn tới; căn cứ vào mức tăng trưởng kinh tế-xã hội hàng năm đề xuất tăng mức chi trả trực tiếp cho đối tượng.

2. Tăng cường chỉ đạo, ban hành văn bản hướng dẫn các Trung tâm Y tế cấp huyện, trạm Y tế cấp xã triển khai thực hiện công tác dân số và Nghị định số 39/2015/NĐ-CP trên địa bàn đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị định. Cùng cố, nâng cao chất lượng mạng lưới cô đỡ thôn bản và đảm bảo chất lượng thù lao cho các cán bộ này. Hướng dẫn chi tiết cán bộ dân số thuộc trạm Y tế cấp xã để tổng hợp đối tượng, kinh phí báo cáo UBND cấp tỉnh để phân bổ kinh phí kịp thời thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

3. Tăng cường các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức đối với các cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, đảng viên về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới và các chính sách dân tộc ít người ở vùng sâu vùng xa.

Cần tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức phù hợp với văn hóa, ngôn ngữ từng dân tộc và đặc thù vùng miền cho đối tượng nhằm giúp chị em phụ nữ dân tộc thiểu số nâng cao nhận thức về quyền, nghĩa vụ trong việc chăm sóc sức khỏe thực hiện mô hình gia đình ít con đúng chính sách dân số.

4. Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa ngành Y tế, Dân số, Lao động-Thương binh và Xã hội, Tài chính, Dân tộc, các Tổ chức Chính trị Xã hội các cấp để phối hợp thực hiện Nghị định và thanh tra, kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện.

5. Đảm bảo nguồn kinh phí hỗ trợ cho đối tượng theo quy định; bố trí kinh phí các hoạt động cho các đơn vị thực hiện theo nhiệm vụ đã được quy định tại các thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Triển khai hoạt động tuyên truyền, hội thảo, tập huấn và tư vấn chính sách cho các cán bộ dân số.

6. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chi trả cho đối tượng, thực hiện chặt chẽ ngay từ giai đoạn đầu để tránh các vi phạm về chính sách dân số, kiên quyết thu hồi kinh phí đã hỗ trợ cho đối tượng vi phạm.

Vậy, Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để b/c);
- Các Đ/c Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ LĐTBXH;
- Ủy ban Dân tộc;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố;
- Chi cục DS-KHHGD các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, TCDS (4b).



Đỗ Xuân Tuyên

BỘ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 39/2015/NĐ-CP

GIAI ĐOẠN 2015-2020

(Kèm theo Báo cáo số 12 /BC-BYT ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ Y tế)

STT	Tỉnh	Số xã	Số huyện	Số văn bản ban hành	Số cuộc giám sát	Cuộc truyền thông/tập huấn
1	Lai Châu	106	8	73	39	4.295
2	Điện Biên	117	10	59	7	1.583
3	Sơn La	178	12	100	16	32.124
4	Lào Cai	137	9	144	42	1.637
5	Yên Bái	132	8	148	41	1.446
6	Hà Giang	154	10	105	211	3.476
7	Tuyên Quang	108	6	72	7	36
8	Cao Bằng	188	12			
9	Lạng Sơn	171	10	71	55	1.087
10	Bắc Kạn	101	7	183	91	818
11	Thái Nguyên	96	8	57	5	431
12	Hòa Bình	143	10	51	53	898
13	Quảng Ninh	47	8	40	15	525
14	Bắc Giang	106	8	54	11	151
15	Phú Thọ	140	9	133	55	117
16	Vĩnh Phúc	11	4	11	6	45
17	Hà Nội	4	2	23	6	14
18	Hải Dương	2	1	1	1	-
19	Ninh Bình	25	1	26	1	-
20	Thanh Hóa	196	15			
21	Nghệ An	126	12	42	4	8
22	Hà Tĩnh	119	10	66	1	-
23	Quảng Bình	10	2	20	1	4
24	Quảng Trị	35	5	75	1	39
25	Thừa Thiên Huế	58	7			

STT	Tỉnh	Số xã	Số huyện	Số văn bản ban hành	Số cuộc giám sát	Cuộc truyền thông/tập huấn
26	Quảng Nam	72	10	93	12	361
27	Quảng Ngãi	67	9	115	3	285
28	Bình Định	32	5	21	-	
29	Phú Yên	10	3	326	4	99
30	Khánh Hòa	30	6	49	28	88
31	Ninh Thuận	23	6	56	61	124
32	Bình Thuận	28	7	48	35	100
33	Gia Lai	168	16	13	189	2.414
34	Kon Tum	77	9	92		1.164
35	Đắk Lắk	121	14	97	13	83
36	Đắk Nông	55	8	5	34	76
37	Lâm Đồng	54	10	71	2	167
38	Bình Phước	28	9	12	41	5
39	Tây Ninh	20	5	26		
40	B. Rịa-V. Tàu	8	2	26	28	22
41	Long An	2	6	3	1	
42	Đồng Tháp	143	12	21	74	48
43	Tiền Giang	11	3	9		
44	An Giang	33	6	80	36	144
45	Bến Tre	30	6	21	5	-
46	Vĩnh Long	5	3	11	45	76
47	Trà Vinh	56	7	66	156	333
48	Cần Thơ	1	1			
49	Hậu Giang	18	5	9	69	4
50	Sóc Trăng	109	11	25	12	104
51	Kiên Giang	49	10	111	10	
52	Bạc Liêu	64	7	17	11	36
53	Cà Mau	45	8	57	30	45
	Tổng	3.869	389	3.034	1.568	54.512

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2

**KẾT QUẢ CHI TRẢ CHO ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 39/2015/NĐ-CP GIAI ĐOẠN 2015-2020**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BYT ngày tháng năm 202 của Bộ Y tế)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tỉnh/ Thành phố	Đã thực hiện 2015-2020		Đã nhận tiền nhưng vi phạm bị thu hồi kinh phí		Đã thu hồi kinh phí	
		Số đối tượng (người)	Số tiền	Số đối tượng (người)	Số tiền	Số đối tượng (người)	Số tiền
1	Lai Châu	2.802	5.604.000	3	6.000	3	6.000
2	Điện Biên	2.415	4.830.000	53	106.000	39	78.000
3	Sơn La	6.173	12.346.000	26	52.000	24	48.000
4	Lào Cai	2.798	5.596.000	65	130.000	65	130.000
5	Yên Bái	3.539	7.078.000	63	126.000	35	70.000
6	Hà Giang	4.799	9.598.000	41	82.000	41	82.000
7	Tuyên Quang	4.945	9.890.000	271	542.000	198	396.000
8	Cao Bằng	2.000	4.000.000	-	-	-	-
9	Lạng Sơn	3.461	6.922.000	61	122.000	34	68.000
10	Bắc Kạn	2.075	4.150.000	19	38.000	10	20.000
11	Thái Nguyên	2.341	4.682.000	43	86.000	20	40.000
12	Hòa Bình	5.615	11.230.000	65	130.000	53	106.000
13	Quảng Ninh	186	372.000	4	8.000	1	2.000
14	Bắc Giang	1.399	2.798.000	38	76.000	26	52.000
15	Phú Thọ	1.634	3.268.000	13	26.000	7	14.000
16	Vĩnh Phúc	27	54.000	6	12.000	6	12.000
17	Hà Nội	102	204.000	3	6.000	1	2.000
18	Hải Dương	4	8.000	-	-	-	-
19	Ninh Bình	70	140.000	1	2.000	-	-
20	Thanh Hóa	3.862	7.724.000	4	8.000	4	8.000
21	Nghệ An	2.993	5.986.000	4	8.000	4	8.000
22	Hà Tĩnh	16	32.000		-		-
23	Quảng Bình	106	212.000	2	4.000	-	-
24	Quảng Trị	586	1.172.000	48	96.000	13	26.000
25	T.Thiên Huế	474	948.000	-	-	-	-

STT	Tỉnh/ Thành phố	Đã thực hiện 2015-2020		Đã nhận tiền nhưng vi phạm bị thu hồi kinh phí		Đã thu hồi kinh phí	
		Số đối tượng (người)	Số tiền	Số đối tượng (người)	Số tiền	Số đối tượng (người)	Số tiền
26	Quảng Nam	3.010	6.020.000	72	144.000	18	36.000
27	Quảng Ngãi	2.064	4.128.000	3	6.000	-	-
28	Bình Định	1.433	2.866.000	14	28.000	12	24.000
29	Phú Yên	738	1.476.000	16	32.000	9	16.300
30	Khánh Hòa	863	1.726.000	3	6.000	3	6.000
31	Ninh Thuận	923	1.846.000	4	8.000	1	2.000
32	Bình Thuận	86	172.000		-		-
33	Gia Lai	2.812	5.624.000	56	112.000	17	34.000
34	Kon Tum	1.164	2.328.000	23	46.000	23	46.000
35	Đắk Lắk	1.821	3.643.000	47	94.000	14	28.000
36	Đắk Nông	378	756.000	31	62.000	10	20.000
37	Lâm Đồng	1.509	3.018.000	66	132.000	16	32.000
38	Bình Phước	465	930.000		-		-
39	Tây Ninh	1	2.000		-		-
40	B. Rịa-V. Tàu	1	2.000		-		-
41	Long An	2	4.000		-		-
42	Đồng Tháp		-		-		-
43	Tiền Giang	6	12.000		-		-
44	An Giang	140	280.000		-		-
45	Bến Tre	11	22.000	-	-	-	-
46	Vĩnh Long	135	270.000	2	4.000	2	4.000
47	Trà Vinh	861	1.722.000	3	6.000	2	4.000
48	Cần Thơ	12	24.000	-	-	-	-
49	Hậu Giang	133	266.000		-		-
50	Sóc Trăng	398	796.000		-		-
51	Kiên Giang	115	230.000		-		-
52	Bạc Liêu	135	270.000	3	-	1	2.000
53	Cà Mau	137	274.000		-		-
	Tổng	73.775	147.551.000	1.176	2.346.000	712	1.422.300

Ghi chú: Số liệu được thống kê từ năm 2015 -30/9/2020 theo báo cáo của 53 tỉnh, thành phố.

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
GỬI BÁO CÁO CÁC TỈNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 39/2015/NĐ-CP
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BYT ngày tháng năm 202 của Bộ Y tế)

STT	Tỉnh/Thành phố	STT	Tỉnh/Thành phố
1	Hà Giang	28	Bình Định
2	Tuyên Quang	29	Phú Yên
3	Cao Bằng	30	Khánh Hòa
4	Lạng Sơn	31	Ninh Thuận
5	Lào Cai	32	Bình Thuận
6	Yên Bái	33	Đắk Lắk
7	Thái Nguyên	34	Đắk Nông
8	Bắc Kạn	35	Gia Lai
9	Phú Thọ	36	Kon Tum
10	Bắc Giang	37	Lâm Đồng
11	Hòa Bình	38	Bình Phước
12	Sơn La	39	Tây Ninh
13	Lai Châu	40	Bà Rịa - Vũng Tàu
14	Điện Biên	41	Long An
15	Hà Nội	42	Tiền Giang
16	Quảng Ninh	43	Bến Tre
17	Hải Dương	44	Trà Vinh
18	Vĩnh Phúc	45	Vĩnh Long
19	Ninh Bình	46	Cần Thơ
20	Thanh Hóa	47	Hậu Giang
21	Nghệ An	48	Sóc Trăng
22	Hà Tĩnh	49	An Giang
23	Quảng Bình	50	Đồng Tháp
24	Quảng Trị	51	Kiên Giang
25	Thừa Thiên Huế	52	Bạc Liêu
26	Quảng Nam	53	Cà Mau
27	Quảng Ngãi		

Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, chìa khóa giúp phụ nữ dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách dân số

1/ Thứ trưởng Bộ Y tế Đỗ Xuân Tuyên:

“Bộ Y tế với vai trò chủ trì đã phối hợp với Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Bộ ngành có liên quan đã ban hành thông tư liên tịch hướng dẫn để các địa phương triển khai thực hiện. Sau khi có Nghị định và Thông tư hướng dẫn các địa phương đã tích cực tổ chức triển khai thực hiện.

Theo báo cáo tổng kết sau 5 năm tất cả các văn bản từ Trung ương đến địa

phương đã ban hành trên 3.000 văn bản từ đó các cấp các ngành triển khai tương đối đồng bộ, góp phần quan trọng kết quả dân số của Việt Nam. Đặc biệt, tại Nghị quyết 21 Hội nghị Trung ương VI khóa XII đã đánh giá đó là chúng ta đã đạt được chỉ số dân số vàng. Từ đó chúng ta có những hoạch định mới về chính sách dân số trong thời gian tới, đặc biệt dân số và phát triển”.



Thứ trưởng Bộ Y tế Đỗ Xuân Tuyên.

2/ Ông Nguyễn Doãn Tú – Tổng Cục trưởng Tổng cục DS-KHHGD

Phát biểu tại Hội nghị Tổng kết 5 năm thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP nhấn mạnh: “Tổng Cục DS-KHHGD được Bộ Y tế giao thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa. Qua quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ cho thấy sự quan tâm, ủng hộ rất to lớn của các Bộ - Ban ngành, đoàn thể cũng như chỉ đạo sâu sát các hoạt động, đồng thời với sự hỗ trợ nỗ lực của cán bộ dân số, chính sách hỗ trợ đã mang lại hiệu quả tích cực”.

Tổng Cục trưởng Tổng Cục DS-KHHGD cũng nêu lên những kết quả tích cực trong 5 năm qua: “Tính từ thời điểm từ tháng 6/2015-9/2020 theo số liệu báo cáo chưa đầy đủ của các tỉnh, thành phố đã có 73.755 người được hỗ trợ với kinh phí tương ứng là 147 tỷ 551 triệu đồng. Ngoài việc hỗ trợ trực tiếp trên, Nghị định không chỉ hỗ trợ, động viên phụ nữ người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo mà còn có tác động đến người dân thực hiện tốt chính sách Kế hoạch hóa gia đình tốt hơn”.



Ông Nguyễn Doãn Tú – Tổng Cục trưởng Tổng cục DS-KHHGD

3/ TS Phạm Vũ Hoàng - Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục DS-KHHGD

Nghị định số 39/2015/NĐ-CP là một chính sách thiết thực, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào DTTS, thể hiện chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về công tác dân tộc và dân số trong quá trình phát triển KT-XH nói chung và KT-XH vùng đồng bào dân tộc ít người nói riêng. Chính sách đầy ý nghĩa này đã góp phần động viên các gia đình phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số, đồng thời cũng tạo động lực giúp người dân thực hiện tốt chính sách Dân số.



TS Phạm Vũ Hoàng - Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục DS-KHHGD.

Việc hỗ trợ 2 triệu đồng đối với cặp vợ chồng là hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số cam kết sinh con đúng chính sách dân số, tuy chưa thật nhiều, nhưng lại có ý nghĩa lớn với đối tượng được hỗ trợ. Bởi thực tế, phần lớn phụ nữ nghèo, nhất là phụ nữ nghèo vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số gặp rất nhiều khó khăn khi sinh con, nhất là thiếu thốn về kinh tế. Chính sách này được người dân đồng tình hưởng ứng, nhận thức của người dân tộc thiểu số đã có bước chuyển biến rõ rệt, chấp nhận quy mô gia đình ít con, giúp giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 ở vùng khó khăn. Đồng thời, giúp kinh tế nhiều hộ gia đình ngày càng cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng dân số và giảm tỷ lệ hộ nghèo.

4/ Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk Võ Văn Cảnh:

“Là một tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên, Đắk Lắk có một vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng an ninh, là thủ phủ của vùng Tây Nguyên. Đắk Lắk có 49 dân tộc anh em sống tại 184 xã phường thị trấn và cư trú ở 2481 thôn, buôn, tổ dân phố. Đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm 33%. Trong thời gian qua, công tác dân số tại tỉnh Đắk Lắk nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND qua việc ban hành, triển khai, thực hiện các văn bản. Riêng tỉnh Đắk Lắk có trên 1800 đối tượng được hỗ trợ kinh phí với số tiền trên 3,6 tỷ đồng khi triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP”.



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk Võ Văn Cảnh.

5/ Ông Phạm Minh Sơn (Vụ trưởng Vụ Pháp chế-Thanh Tra-Tổng Cục DS-KHHGD)

Tổng cục DS-KHHGD tổ chức đoàn kiểm tra, giám sát độc lập về triển khai tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ, hướng dẫn và giải đáp kịp thời các ý kiến vướng mắc của địa phương, tạo điều kiện cho các địa phương thực hiện đúng các quy định của chính sách. Thăm hỏi trực tiếp một số đối tượng được thụ hưởng chính sách tại gia đình.



Ông Phạm Minh Sơn (Vụ trưởng Vụ Pháp chế - Thanh Tra - Tổng Cục DS-KHHGD)

Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị định tuyển tỉnh được thực hiện lồng ghép vào hoạt động kiểm tra, giám sát thường xuyên hàng năm và theo chuyên đề của các cơ quan chức năng trong tỉnh như đoàn giám sát liên ngành do Hội Liên hiệp Phụ nữ chủ trì, gồm đại diện các đơn vị: Chi cục DS-KHHGD, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đến giám sát tại các huyện, xã. Nội dung giám sát việc chỉ đạo, triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ. Các Chi cục DS-KHHGD đã tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP tại các huyện, xã để đánh giá công tác triển khai, thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP về các nội dung rà soát, thống kê đối tượng và lập dự toán kinh phí hàng năm, chi trả cho đối tượng.

Trong 5 năm, tổng số đã có 1,561 cuộc giám sát trong đó trung ương đã tiến hành kiểm tra, giám sát gần 20 đoàn về nội dung rà soát xác minh đối tượng, lập dự toán kinh phí, công tác phối hợp truyền thông và lập hồ sơ chi trả cho đối tượng thụ hưởng.

1/ Ông Nguyễn Xuân Đài-Trưởng Phòng Y tế huyện Tiên Yên (Quảng Ninh)

Công tác phổ biến tuyên truyền được cấp ủy chính quyền địa phương, các xã, thị trấn thực hiện rất tốt. Cơ quan chuyên môn là Trung tâm Y tế và Phòng Y tế đã tổ chức lồng ghép phổ

biến Nghị định đến thôn bản và yêu cầu các đồng chí làm công tác dân số phối hợp với chính quyền địa phương rà soát các đối tượng chính xác từ đó gửi về huyện có chi trả kịp thời.



Ông Nguyễn Xuân Đài-Trưởng Phòng Y tế huyện Tiên Yên (Quảng Ninh).

2/ Bà Lô Thị Kim - cán bộ chuyên trách dân số xã Lục Hồn - huyện Bình Liêu - tỉnh Quảng Ninh

Thực hiện theo văn bản hướng dẫn của cấp trên, ban chỉ đạo xã đã tham mưu với chính quyền ban hành các chương trình, kế hoạch và triển khai phổ biến tại các buổi giao ban với các cộng tác viên dân số nhằm tuyên truyền đến các thôn bản. Bên cạnh đó ban chỉ đạo đã giao cho các đoàn thể như đoàn thanh niên, hội phụ nữ để phổ biến chính sách của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP đến toàn thể người dân

tại địa phương.

Sau khi các đối tượng đăng ký thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP đã chủ động sử dụng các biện pháp tránh thai, không vi phạm chính sách, từ đó có điều kiện để nuôi dạy con cái, tập trung phát triển kinh tế. Tại địa phương, nhiều đối tượng sau khi ký cam kết thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP đã thoát nghèo, có cuộc sống ổn định, gia đình ấm no, hạnh phúc.



Bà Lô Thị Kim-cán bộ chuyên trách dân số xã Lục Hồn-huyện Bình Liêu-tỉnh Quảng Ninh.

3/ Chị Phùn Thị Nhân (xã Lục Hồn - huyện Bình Liêu - Quảng Ninh)

“Khi hai vợ chồng lấy nhau cũng xác định sẽ sinh nhiều con cho đông con đông cái, nhưng khi được cán bộ dân số tuyên truyền cũng như vận động ký cam kết thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ và giải thích được những lợi ích của việc sinh con đúng quy định gia đình tôi đã thực hiện. Hiện nay, cuộc sống gia đình

đã thoát nghèo, con cái được học hành, chăm sóc đầy đủ.

Khi tôi sinh cháu trong tháng đầu, chồng là người lên UBND xã nhận số tiền 2 triệu đồng hỗ trợ từ Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Với số tiền này, vợ chồng chúng tôi dành dụm để mua sữa, mua quần áo, thức ăn để bồi bổ sau sinh cũng như nuôi dạy con lớn khôn”.



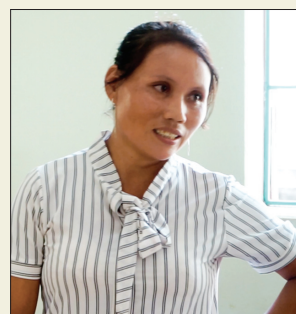
Chị Phùn Thị Nhân (xã Lục Hồn-huyện Bình Liêu-Quảng Ninh).

4/ Chị Chì Sắt Múi (Dân tộc Dao - 36 tuổi trú tại xã Hà Lâu-huyện Bình Liêu-tỉnh Quảng Ninh)

Sau khi gia đình được cán bộ dân số xã vận động sinh đúng, đủ 2 con và cam kết thực hiện đúng theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP thì gia đình tôi đã được nhận số tiền là 2 triệu đồng sau khi vừa sinh xong cháu thứ 2. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên với chúng tôi, số tiền 2 triệu đồng có ý nghĩa to lớn. Chúng tôi

đã sử dụng số tiền đó để mua sữa, mua thức ăn, quần áo cho con mặc.

Hiện nay, vợ chồng chúng tôi luôn cam kết thực hiện đúng chính sách dân số, sử dụng các biện pháp tránh thai để không sinh thêm con, chú tâm lo cho cuộc sống của gia đình, nuôi dạy con cái được tốt.



Chị Chì Sắt Múi (Dân tộc Dao-36 tuổi trú tại xã Hà Lâu-huyện Bình Liêu-tỉnh Quảng Ninh).



Phụ nữ dân tộc thiểu số là hộ nghèo được tuyên truyền về những chính sách dân số khi sinh.

Bắc Giang triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP đến 100% số xã theo đúng quy định

Trong 5 năm qua, có ít nhất 1.399 phụ nữ dân tộc thiểu số là hộ nghèo đã nhận được chính sách hỗ trợ khi sinh con đúng chính sách dân số, với tổng số kinh phí là 2,798 tỷ đồng.

106 xã, thị trấn thuộc vùng khó khăn

Liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho đối tượng là phụ nữ dân tộc thuộc hộ nghèo sinh con đúng chính sách dân số tại tỉnh Bắc Giang,

bà Lê Tố Quyên – Chi Cục trưởng Chi cục Dân số KHHGD tỉnh Bắc Giang đã có nội dung báo cáo rất cụ thể tại Hội thảo Tổng kết 5 năm thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, mặc dù trong quá trình thực hiện việc hỗ trợ phụ nữ dân tộc thuộc hộ nghèo trên địa bàn gặp không ít khó khăn, nhưng với sự nỗ lực của Chi cục Dân số KHHGD tỉnh Bắc Giang, cùng các đơn vị liên quan tại địa phương, đến nay, đã có 1.399 trường hợp được hỗ trợ kinh phí khi sinh con đúng chính

sách dân số.

Bắc Giang là tỉnh miền núi có 10 huyện, thành phố, 209 xã với 21 dân tộc anh em cùng sinh sống trên địa bàn. Trong đó, có 106 xã, thị trấn thuộc vùng khó khăn trên địa bàn 8 huyện.

Bắc Giang đã triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP đến 100% số xã, thị trấn thuộc địa bàn theo đúng quy định. Tuy nhiên, qua rà soát thì có 3 huyện là Tân Yên, Yên



Chi cục Dân số KHHGD tuyên truyền về chính sách dân số.



Dũng, Hiệp Hoà đều không có đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

Hàng năm, chúng tôi đều có văn bản triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị định xuống tuyến huyện thuộc địa bàn triển khai thực hiện Nghị định. Chúng tôi tập trung tuyên truyền phổ biến nội dung cơ bản của Nghị định. Đồng thời, tiến hành xác minh, rà soát, lập danh sách đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách; tuyên truyền, vận động các đối tượng đủ điều kiện cam kết thực hiện tốt chính sách dân số và hướng dẫn đối tượng

hoàn thiện tờ khai, hồ sơ nhận hỗ trợ gửi về UBND huyện (qua Trung tâm Dân số - KHHGD, nay là Trung tâm Y tế huyện) thẩm định, khi đủ các điều kiện ban hành quyết định cấp kinh phí hỗ trợ.

Công tác lập dự toán và chi trả cho đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách giai đoạn 2015-2018 ở tỉnh Bắc Giang thì có 4/5 địa bàn có đối tượng trong tỉnh là: Sơn Động, Lục Ngạn, Yên Thế, Lục Nam là chưa được thực hiện kịp thời. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của UBND tỉnh và giám sát, đôn đốc của cơ quan chủ trì, đến nay, vướng mắc này đã cơ bản được tháo gỡ.

Riêng UBND các huyện Lục Ngạn, Yên Thế, Sơn Động đã bố trí kinh phí và tiến hành chi trả đầy đủ cho các đối tượng, trong các năm qua.

Còn lại, UBND huyện Lục Nam đã có kết luận kỳ họp tháng 9/2020 về việc bố trí kinh phí ngân sách của năm 2020 để chi trả cho 232 đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách giai đoạn 2015-2018 của huyện.

Công tác kiểm tra, giám sát tuyến huyện cũng được thực hiện hàng năm, tuy nhiên, sự quan tâm của các huyện chưa được thường xuyên và đồng đều. Trong 5 năm qua, tuyến huyện đã tổ

chức được 21 đoàn kiểm tra, giám sát đến 158 lượt xã về công tác thực hiện Nghị định.

Buộc thu hồi hỗ trợ nhiều trường hợp do vi phạm chính sách

Trong quá trình thực hiện, chúng tôi gặp không ít khó khăn như bộ máy cán bộ làm công tác dân số, đặc biệt là mạng lưới cán bộ và CTV cơ sở đang có sự sắp xếp lại nên theo dõi, triển khai thực hiện Nghị định, cập nhật thông tin đối tượng không được liên tục, kịp thời. Địa bàn các xã thuộc Nghị định rộng, đối tượng đi làm ăn xa nên việc tuyên truyền tới đối tượng, hướng dẫn đối tượng lập hồ sơ còn khó khăn.

Ngoài ra, UBND một số huyện bước đầu chưa vào cuộc, chưa quan tâm dẫn đến việc triển khai thực hiện chính sách ở địa phương còn bị gián đoạn, chưa kịp thời.

Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực của UBND tỉnh Bắc Giang, Chi cục Dân số KHHGD cùng các đơn vị, địa phương trong 5 năm qua (2015-2020), đã có 1.399 đối tượng được chi trả chính sách khi sinh con theo đúng chính sách dân số.

Tổng số kinh phí đã chi cho các đối tượng là 2.798.000.000 đồng. Trong đó, chi từ nguồn Trung ương là: 1.132.000.000 đồng và nguồn của địa phương là 1.666.000.000 đồng.

Tuy nhiên, có 38 người buộc phải thu hồi chính sách do không ký cam kết hoặc vi phạm chính sách dân số, sinh con thứ 3, với tổng số tiền là 76 triệu đồng.

Ngoài ra, số đối tượng còn phải chi trả đến 31/12/2020 là 270 người, số tiền là: 540.000.000 đồng.

Trong đó, năm 2020 có 31 người (do chưa hoàn thiện hồ sơ hoặc đến cuối năm mới sinh), những năm trước là 239 người (Lục Nam là 232 người từ 2015-2018, Lạng Giang là 06 người năm 2016 do kinh phí Trung ương cấp thiếu, Lục Ngạn là 01 người do rà soát sót đối tượng).

CHI CỤC DÂN SỐ TỈNH BẮC GIANG

ĐIỆN BIÊN:

2.415 người đã được hưởng chính sách hỗ trợ từ Nghị định số 39/2015/NĐ-CP



Dù là tỉnh miền núi với địa bàn khá rộng, giao thông đi lại khó khăn nhưng trong quá trình triển khai Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, ngày 27/4/2015 của Chính Phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số đã đạt kết quả rất tốt.

Những thành tích đã đạt được

Trong công tác Dân số-KHHGD của tỉnh Điện Biên luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp Ủy Đảng, Chính quyền, sự tham gia tích cực của các ban ngành, đoàn thể các cấp trên địa bàn, sự hưởng ứng mạnh mẽ của nhân dân các dân tộc trong tỉnh công tác Dân số-KHHGD của tỉnh Điện Biên đã đạt được kết quả quan trọng. Tuy nhiên tỉnh Điện Biên là một tỉnh miền núi, biên giới thu nhập bình quân đầu người còn thấp, chất lượng dân số chưa cao, tỷ lệ sinh và tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh còn cao. Lực lượng hoạt động trong lĩnh vực dân số tại tuyến

tỉnh khá mỏng 14/15 biên chế... là những thách thức trong việc thực hiện công tác Dân số-KHHGD tại tỉnh.

Trong thời gian thực hiện Nghị số 39/2015/NĐ-CP (2015-30/9/2020) Chi cục Dân số Điện Biên đã ra 39 văn bản, trong đó, cấp tỉnh: Chi cục Dân số-KHHGD tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành tổng số 14 văn bản; Ủy ban nhân dân tỉnh 2 văn bản; Sở Y tế 01 văn bản; Chi cục Dân số-KHHGD 11 văn bản. Cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện /BCĐ công tác dân số-KHHGD: 7/10 đơn vị đã ban hành 21 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Trung tâm Dân số-

KHHGD cấp huyện (phòng Dân số thuộc Trung tâm Y tế cấp huyện): 10/10 huyện đã ban hành 24 công văn hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

Để chính sách đến đúng tay đối tượng công tác rà soát, thống kê, lập hồ sơ và xác minh đối tượng được triển khai khá kỹ càng. Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh Điện Biên căn cứ vào Nghị định số 39/2015/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH, Thông tư số 45/2018/TT-BYT và các văn bản quy phạm pháp luật để triển khai tới tuyến huyện, tuyến xã hướng dẫn các quy trình trong việc hoàn thiện thủ tục, hồ sơ và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh Điện Biên.

Công tác rà soát, thống kê, lập hồ sơ và xác minh đối tượng được triển khai thuận lợi và theo quy định. Các đối tượng hưởng chế độ chính sách

làm hồ sơ thủ tục để ràng có sự trợ giúp của cán bộ chuyên trách Dân số-KHHGD cấp xã và UBND cấp xã. Từ đó đảm bảo chỉ đúng đối tượng, chỉ đủ định mức và chỉ trả kịp thời cho các đối tượng được hưởng chính sách của Nhà nước.

Phối hợp với ban ngành đoàn thể tích cực phổ biến, tuyên truyền, tập huấn

Chi cục Dân số-KHHGD đã phối hợp với Đài PTTH, báo Điện Biên Phủ và các ban ngành đoàn thể của tỉnh thực hiện tuyên truyền Nghị định số 39/2015/NĐ-CP; Phối hợp Sở lao động-Thương binh xã hội, Ban dân tộc tỉnh rà soát và thẩm định danh sách các xã đủ điều kiện hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số theo quyết định 1010/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ.

UBND cấp huyện, xã đã chỉ đạo các ban ngành đoàn thể cùng cấp phối hợp tuyên truyền Nghị định số 39/2015/NĐ-CP bằng nhiều hình thức, lồng ghép như sinh hoạt câu lạc bộ, họp bản, tư vấn trực tiếp tại hộ gia đình, qua các CLB của hội phụ nữ...

Trong quá trình triển khai thực hiện từ tỉnh đến cơ sở luôn luôn phối hợp chặt chẽ với các ban ngành, đoàn thể có liên quan trong công tác tuyên truyền vận động, rà soát đối tượng. Hướng dẫn làm thủ tục hồ sơ và tổ chức thực hiện việc chi trả hỗ trợ cho đối tượng kịp thời theo quy định.

Với công tác tập huấn, từ năm 2016-30/9/2020 Chi cục Dân số-KHHGD đã tổ chức lồng ghép được 25 lớp (mỗi năm 5 lớp) cho 70 cán bộ cấp huyện và 130 cán bộ, viên chức dân số cấp xã về việc triển khai hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP; Thông tư số 07/2016/TT-LT-BYT-BTC-BLĐTBXH & Thông tư số 45/2018/TT-BYT, ngày 28/12/2018 thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số với tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ Dân số-KHHGD.

Công tác kiểm tra thanh tra, giám sát, năm 2017: Chi cục Dân số-KHHGD đã tổ chức lồng ghép việc

kiểm tra, giám sát thực hiện các nội dung của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP với công tác Dân số-KHHGD trên địa bàn cụ thể: Tỉnh giám sát tuyến huyện, xã: 20 lần (2lần/huyện, Thị xã, Thành phố); 114 xã /130 xã; Huyện giám sát, hỗ trợ tuyến xã 2lần/xã/năm tại 114 xã triển khai, thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

Ngoài ra trong năm 2017 Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh đã thành lập đoàn giám sát theo Quyết định số 60/QĐ-BTV, ngày 18/9/2017 gồm (Thường trực Hội LHPN tỉnh; Mặt trận Tổ quốc tỉnh; Chi cục DS-KHHGD; Sở LĐ TB&XH) đã tiến hành giám sát tại huyện Mường Ảng; huyện Tuần Giáo.

Năm 2018: Chi đạo Trung tâm Dân số-KHHGD cấp huyện tiến hành kiểm tra, theo dõi, hỗ trợ toàn bộ các đối tượng đã được chi trả và thực hiện lồng ghép với các cuộc kiểm tra, giám sát thường xuyên: 117 xã triển khai/10 huyện, thị xã, thành phố; Chi cục Dân số - KHHGD đã tiến hành thanh tra độc lập việc thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, ngày 27/4/2015 1 cuộc tại 3 huyện: Điện Biên, Điện Biên Đông, Mường Ảng.

Năm 2019: Chi cục Dân số-KHHGD đã tiến hành thanh tra độc lập việc thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP 1 cuộc tại 3 huyện: Mường Chà; Mường Nhé; Tuần Giáo.

Năm 2020: Chi cục Dân số-KHHGD đã tiến hành thanh tra độc lập việc thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP tại huyện Nậm Pồ.

Chi gần 5 tỷ cho 2.515 đối tượng

Kết quả sau 5 năm thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP tổng số đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã nhận kinh phí hỗ trợ là 2.415 người, với mức kinh phí là 4.830.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn tỷ tám trăm ba mươi triệu đồng chẵn; Trong đó, ngân sách trung ương: 2.290.000.000 đồng; ngân sách địa phương: 2.540.000.000 đồng. Tổng số đối tượng phải thu hồi do vi phạm chính sách dân số: 39 đối tượng, với số tiền: 78.000.000 đồng (Bảy mươi tám triệu đồng). Trong đó: 25 đối



Bà Vũ Thị Thùy, Chi cục trưởng Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh Điện Biên đang thực hiện tuyên truyền phổ biến kiến thức về Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

tượng đã thu hồi nộp ngân sách nhà nước; còn 14 đối tượng chưa thu hồi do vi phạm cam kết, sinh con thứ 3.

Việc triển khai, thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, hỗ trợ trực tiếp của Sở Y tế, sự phối hợp tham gia của các ban ngành, đoàn thể các cấp trên địa bàn, đặc biệt là sự phối hợp của các đơn vị trong ngành Y tế trong công tác tuyên truyền, vận động các đối tượng thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

UBND/Ban chỉ đạo Công tác Dân số-KHHGD các huyện, thị xã, thành phố quan tâm chỉ đạo sát sao trong việc triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn. Chính sách hỗ trợ cho công tác Dân số-KHHGD theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ được UBND tỉnh và Trung ương quan tâm và cấp kinh phí đầy đủ theo nhu cầu hàng năm.

Đội ngũ cán bộ làm công tác dân số-KHHGD từ tỉnh đến cơ sở an tâm công tác, nhiệt tình trong công tác tuyên truyền vận động các đối tượng thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Thường xuyên theo dõi, giám sát tiến độ hoạt động của các đơn vị để đôn đốc, điều chỉnh kịp thời nhằm thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

CHI CỤC DÂN SỐ TỈNH ĐIỆN BIÊN

Những đổi thay từ việc hỗ trợ phụ nữ người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách ở Sơn La



Đoàn công tác của Tổng cục Dân số-KHHGD làm việc tại huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Sơn La là một tỉnh miền núi vùng cao biên giới nằm ở phía Tây Bắc của Tổ quốc, có diện tích tự nhiên là 14.174 km². Đây là địa phương có địa hình tương đối phức tạp, giao thông đi lại khó khăn với 17 xã, 319 bản biên giới.

Vươn lên trong khó khăn bốn bề

Trình bày cáo báo thành tích tại Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ, bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, phó Chi cục trưởng Chi cục Dân số -KHHGD tỉnh Sơn La thông tin. Sơn La là một trong những tỉnh khó khăn của cả nước, kinh tế xã hội còn nhiều hạn chế, nhưng với sự quan tâm của Đảng,

Chính phủ, sự nỗ lực, cố gắng vươn lên của nhân dân các dân tộc tỉnh Sơn La, kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh đang có những đổi thay rõ rệt: Nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng hướng. Văn hoá xã hội có nhiều tiến bộ, tỷ lệ hộ xem được Đài truyền hình Việt Nam đạt 93,5%; tỷ lệ hộ nghe được Đài tiếng nói Việt Nam đạt 96,6%.

Đặc biệt là triển khai có hiệu quả khai chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo tinh thần Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của chính phủ, cụ thể:

UBND tỉnh Sơn La, Sở Y tế và Chi

cục Dân số-KHHGD tỉnh Sơn La đã ban hành các văn bản đề hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện. Hàng năm tổng hợp danh sách và trình Sở Tài chính cấp kinh phí hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách theo quy định của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

Để có kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng năm 2015, 2016, UBND tỉnh đã trình Bộ Tài chính bổ xung kinh phí hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số. Hàng năm Sở Y tế cũng tham mưu cho UBND tỉnh duyệt bổ sung dự toán kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số khi



Hàng năm, Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh Sơn La lồng ghép với các hoạt động kiểm tra giám sát về chuyên môn với giám sát việc triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

sinh con đúng chính sách dân số. Đồng thời hàng năm chỉ đạo Chi Cục Dân số-KHHGD, các đơn vị trực thuộc tiếp tục rà soát và thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

Về rà soát, thống kê, lập hồ sơ và xác minh đối tượng, hàng năm căn cứ các Quyết định về việc công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I,II,III, Chi cục đã tổ chức rà soát, thống kê, lập hồ sơ, xác minh đối tượng đối tượng phụ nữ là người dân tộc thiểu số hoặc phụ nữ là người Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn. Trên cơ sở hướng dẫn của Sở Y tế, Trung tâm y tế các huyện, thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo hướng dẫn Cán bộ chuyên trách/Cộng tác viên dân số xã, thị trấn phối hợp với cán bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Hội Liên hiệp phụ nữ, cán bộ Tư pháp xã, thị trấn tiến hành rà soát đối tượng được hỗ trợ và thực hiện hướng dẫn đối tượng trong diện được hưởng lập hồ sơ theo các biểu mẫu quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

Về công tác phối hợp với các ban, ngành đoàn thể, phổ biến tuyên truyền, tập huấn, duy trì thường xuyên hoạt động tuyên truyền vận động thực hiện chính sách Dân số & Phát triển thông qua đội ngũ cán bộ Dân số- KHHGD cơ sở, tiếp tục vận động nhân dân thực hiện “Mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ 2 con”. Tổ chức các hoạt động truyền thông về chính

sách Dân số-KHHGD với việc lồng ghép, phổ biến các nội dung về thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP tại các xã vùng sâu, vùng xa, đặc biệt khó khăn trong tỉnh; Phối hợp với cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh lồng ghép tuyên truyền, phổ biến chính sách; Tổ chức tuyên truyền, nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt nhóm, tư vấn tại hộ gia đình và lồng ghép với hội nghị hội thảo trên 32.500 buổi thu hút trên 1.000.000 lượt người tham dự; thực hiện phát các bản tin trên hệ thống phát thanh của xã, thị trấn được trên 5.000 lần.

Trong năm 2019, Sở Y tế tỉnh đã tổ chức 4 lớp tập huấn nâng cao kỹ năng, kiến thức tuyên truyền cho Cán bộ chuyên trách Dân số và gia đình, Cộng tác viên dân số và một số cán bộ cấp huyện về triển khai thực hiện phổ biến, giáo dục các quy định của pháp luật về chính sách dân số có liên quan; các chính sách quy định tại Nghị định số 39/2015/NĐ-CP cho lãnh đạo Phòng Dân số-Truyền thông thuộc Trung tâm Y tế các huyện, cán bộ chuyên trách Dân số và Cộng tác viên của các xã vùng II, vùng III với 260 học viên tham gia.

Công tác kiểm tra lồng ghép vào các hoạt động chuyên môn

Về Công tác lập dự toán và chi trả cho đối tượng và đảm bảo nguồn lực tài chính, hàng năm, trên cơ sở số đối tượng thuộc diện hỗ trợ của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, Chi cục Dân số-KHHGD tham mưu cho Sở Tài chính,

Bên cạnh những thuận lợi đạt được, công tác Dân số- KHHGD tỉnh Sơn La cũng gặp phải một số khó khăn do phong tục tập quán, còn một số đối tượng không muốn nhận tiền hỗ trợ vì muốn sinh thêm con để có con trai. Một số phụ nữ sinh con theo quy định tại điều 1 của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP nhưng vi phạm Luật Hôn nhân và Gia đình và chính sách Dân số (tảo hôn).

UBND tỉnh bổ xung kinh phí hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số; Đồng thời, chỉ đạo Trung tâm Y tế huyện xây dựng dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, kế hoạch chi trả chế độ cho đối tượng.

Về công tác kiểm tra, giám sát, trong những năm qua Sở Y tế đã chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc phối hợp hoạt động giữa các cơ quan, ban, ngành, địa phương, các đoàn thể liên quan trong việc triển khai thực hiện chế độ Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Hệ thống làm công tác Dân số-KHHGD các cấp thực hiện chế độ tổng hợp, báo cáo thực hiện chế độ theo quy định. Nội dung kiểm tra, giám sát được lồng ghép vào các hoạt động chuyên môn, nội dung giám sát việc chỉ đạo, triển khai thực hiện về chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

Hàng năm lồng ghép với các hoạt động kiểm tra giám sát về chuyên môn với giám sát việc triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Trong năm 2020, Sở Y tế tỉnh Sơn La tiếp tục chỉ đạo Chi cục Dân số- KHHGD và các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc triển khai, thực hiện các hoạt động về công tác Dân số tại các huyện và việc rà soát, thống kê đối tượng và việc lập dự toán kinh phí thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ.

Tham Luận

3.518 người nhận chính sách đều biểu lộ lòng biết ơn Đảng, Nhà nước đã quan tâm, chăm sóc người đồng bào dân tộc thiểu số

Thực hiện sự phân công nội dung tham luận của Tổng cục Dân số - Bộ Y tế tại Hội thảo Tổng kết 5 năm thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số; Chi cục Dân số-KHHGDSD tỉnh Hòa Bình tham luận về chủ đề “Triển khai nguồn kinh phí thực hiện chính sách” như sau:

Công tác phối hợp, tuyên truyền, phổ biến, tập huấn

Hòa Bình là một tỉnh miền núi thuộc vùng Tây Bắc Việt Nam; Phía bắc giáp với tỉnh Phú Thọ; Phía nam giáp với các tỉnh Hà Nam, Ninh Bình; Phía đông và đông bắc giáp với thủ đô Hà Nội; Phía tây, tây bắc, tây nam giáp với các tỉnh Sơn La, Thanh Hóa. Gồm 9 huyện và 01 thành phố, với 151 xã, phường, thị trấn Diện tích tự nhiên 4.662,5 km²; dân số cuối năm 2019 là 885.390 người, có nhiều dân tộc cùng chung sống, đồng nhất là người Mường 63,3% dân số, người Kinh 27,73%, còn lại là các dân tộc khác, trong đó có một số dân tộc ít người như H'Mông, Dao, Tày, Thái

Địa bàn rộng, địa hình phức tạp, giao thông đi lại khó khăn giữa các vùng, trình độ dân trí chưa cao, nền kinh tế chưa phát triển mạnh, người dân sống chủ yếu dựa vào kinh tế nông nghiệp và đòi rừng, mức thu nhập bình quân thấp, hộ nghèo còn nhiều.

Nghị định số 39/2015/NĐ-CP được



Bs Nguyễn Thị Minh Phương
Chi cục trưởng Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh Hòa Bình.

triển khai 10/10 huyện, thành phố (tỷ lệ đạt 100%) với tổng số 107/107 xã khó khăn/151 xã, phường, thị trấn (tỷ lệ đạt 100%). Số đối tượng được nhận hỗ trợ: 5.615 người.

Chi cục Dân số-KHHGĐ Hòa Bình căn cứ vào các quy định, hướng dẫn của các văn bản quy phạm pháp luật đề thể chế thành quy trình thực hiện gồm 05 bước trong việc hoàn thiện thủ tục, hồ sơ và chỉ đạo, tổ chức triển khai trên toàn tỉnh Hòa Bình.

Công tác rà soát, thống kê, lập hồ sơ và xác minh đối tượng được triển khai thuận lợi thông qua sổ sách quản lý đối tượng của công tác viên dân số, phối hợp với các cán bộ phụ trách các lĩnh vực khác của thôn/xóm, cùng với cán bộ quản lý thôn/xóm, lập danh sách và tiếp tục rà soát, đối chiếu xác minh đối tượng với các ban, ngành của xã như Lao động, Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Phụ nữ.... Danh sách phụ nữ được hưởng chế độ theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP được công khai tại Ủy ban nhân dân xã. Từ đó, đảm bảo chi đúng đối tượng, chi đủ định mức và chi trả kịp thời cho các đối tượng được hưởng chính sách của Nhà nước.

Ban Chỉ đạo Dân số-KHHGĐ các cấp ban hành các Văn bản chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể là thành viên của Ban Chỉ đạo dân số tỉnh, huyện, xã phối hợp tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp tổ chức các hoạt động truyền thông về chính sách Dân số-KHHGĐ với việc lồng ghép, phổ biến các nội dung về thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn khi sinh con đúng chính sách dân số.

Trung tâm Y tế huyện, thành phố hướng dẫn/tập huấn cho chuyên trách dân số xã, phối hợp với các cán bộ của ban, ngành, đoàn thể của xã như: cán bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, cán bộ Phụ nữ, cán bộ Tư pháp cách thức tiến hành rà soát đối tượng được

hỗ trợ và lập hồ sơ theo các bước và biểu mẫu quy định.

Đặc biệt, nhiều Ban Dân số xã đã trao tiền hỗ trợ của Nhà nước trong các Hội nghị Sơ kết, Tổng kết các công tác, hoạt động của xã hoặc với hình thức đơn giản hơn là lồng ghép trong các cuộc họp của thôn/xóm; đây chính là một hình thức truyền thông tích cực, có hiệu quả về việc thực hiện chính sách Dân số-KHHGĐ, như vậy chính sách hỗ trợ của Nhà nước có ý nghĩa hơn nhiều.

Kiểm tra, thanh tra, giám sát

Hàng năm, hệ thống dân số tỉnh, huyện xây dựng kế hoạch giám sát hỗ trợ các xã tổ chức, triển khai thực hiện. Do kinh phí dành riêng cho công tác này không có nên đa phần Hòa Bình thực hiện lồng ghép trong công tác kiểm tra, giám sát về công tác dân số nói chung.

Riêng năm 2020, Chi cục Dân số-KHHGĐ Hòa Bình đã tiến hành tổ chức 01 Đoàn thanh tra, kiểm tra riêng về thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP tới 03 huyện/06 xã/trực tiếp gặp gỡ 24 đối tượng thụ hưởng chính sách.

Kết quả: Hồ sơ của các đối tượng được thực hiện đầy đủ, đúng quy định. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành thực hiện tốt. Người dân hưởng ứng và ủng hộ tích cực chính sách của Nhà nước.

Các chị em phụ nữ được nhận hỗ trợ của Nhà nước rất phấn khởi và đã sử dụng tiền hỗ trợ để nâng cao sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em trong thời kỳ đầu thai sản hoặc sử dụng vào những công việc có ý nghĩa của gia đình như mua bàn học cho con, mua quạt cây phục vụ cả gia đình.... Nhiều hộ gia đình đến nay đã tương đối khá giả và vẫn còn những vật dụng đó. Đa số chị em tiếp tục cam kết tích cực thực hiện tốt chính sách dân số-KHHGĐ. Tuy nhiên, qua trao đổi tâm sự sâu kín, có chị em còn muốn sinh thêm con... mặc dù đã nhận tiền hỗ trợ và ký cam kết ở thời điểm trước đó, lý do là muốn nhiều con, muốn có con trai...

Chính vì vậy, sau đợt thanh, kiểm

tra đó chúng tôi đã có đề nghị với địa phương cũng như có nội dung này trong Báo cáo Thanh tra gửi đi cho tất cả các huyện, thành phố về việc vẫn rất cần phải quan tâm, theo dõi, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của từng đối tượng đã ký cam kết và nhận tiền hỗ trợ của Nhà nước, từ đó kịp thời động viên, tư vấn, vận động giúp họ vượt qua giai đoạn tư tưởng bị chi phối, để tiếp tục thực hiện tốt chính sách dân số-KHHGĐ như đã ký cam kết.

Kết quả sau 5 năm thực hiện Nghị định 39

Tổng số đối tượng đã chi trả: 5.615 người. Tổng kinh phí đã chi cho đối tượng: 11 tỷ 230 triệu đồng; nguồn kinh phí địa phương. Số đối tượng phải thu hồi do vi phạm chính sách là: 65 người; kinh phí: 130.000.000 đồng. Số đối tượng đã thu hồi là: 53 người; kinh phí: 106.000.000 đồng. Số đối tượng còn phải thu hồi là: 12 người; kinh phí: 24.000.000 đồng do vi phạm cam kết, sinh con thứ 3. Số đối tượng dự kiến còn phải chi trả đến 31/12/2020 là: 80 người; số tiền là: 160.000.000 đồng.

Ngày 02/12/2016, Vụ Pháp chế Thanh tra-Tổng cục Dân số tổ chức tập huấn, phổ biến và triển khai Nghị định số 39/2015/NĐ-CP cho một số tỉnh tại Hòa Bình do đó, cán bộ địa phương được tiếp cận hiểu rõ mục tiêu của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Tuy nhiên, năm 2016 và đầu năm 2017 Chi cục Dân số có nhiều văn bản đề nghị cũng như tham mưu với Sở Y tế trình các cơ quan, các cấp có thẩm quyền xem xét và cấp kinh phí để thực hiện chính sách theo hướng dẫn, nhưng không được cấp, lý do là: Năm 2016 đã xây dựng kế hoạch ngân sách từ đầu năm, trước khi triển khai các nội dung thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP; ngân sách tỉnh Hòa Bình còn nhiều khó khăn, chưa tự cân đối được; Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cũng đã có văn bản 1515/UBND-KGVX ngày 15/11/2016, báo cáo Bộ Y tế và đề nghị trung ương hỗ trợ kinh phí với tổng số đối tượng năm 2015 và 2016 là 2.430 người.

Tới ngày 13/4/2017, Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình cùng các thành



viên của đoàn giám sát là lãnh đạo các Sở, ngành có buổi làm việc đối với Sở Y tế. Chi cục Dân số đã có báo cáo tình hình thực hiện công tác dân số nói chung và một số vấn đề khó khăn, vướng mắc nói riêng, trong đó có nội dung kinh phí cấp cho việc triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Sau khi thảo luận, đồng chí Trưởng đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh có kết luận là: Các Sở liên quan tham mưu tích cực để Hòa Bình thực hiện được chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính Phủ.

Đến ngày 04/5/2017 (sau 20 ngày giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh), Chi cục Dân số-KHHGĐ Hòa Bình nhận được Quyết định của Sở Y tế Hòa Bình về việc giao dự toán tạm ứng chi ngân sách thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số, khi sinh con đúng chính sách dân số trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, năm 2017. Đến ngày 26/7/2017, tiếp tục được giao kinh phí để chi cho các đối tượng của năm 2015 và năm 2016.

Như vậy là trong quý 2 và đầu quý 3

năm 2017, Hòa Bình đã cấp đủ kinh phí để chi cho các đối tượng theo quy định của Chính phủ, kể từ 15/6/2015 đến hết năm 2017 với tổng số đối tượng: 3.518 người, kinh phí: 7 tỷ 036 triệu đồng.

Từ năm 2018 đến nay, Chi cục Dân số Hòa Bình xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ, đều được phê duyệt 100% theo kế hoạch và đều được cấp ngay từ đầu năm giao dự toán cùng với kinh phí quản lý hành chính. Trong 5 năm, tổng kinh phí được giao là 16,4 tỷ đồng; tổng kinh phí thực hiện là 11,2 tỷ đồng.

Những kết quả đạt được nêu trên thể hiện sự quan tâm, ủng hộ của lãnh đạo địa phương trong việc thực hiện các chính sách về dân số, mặc dù Hòa Bình là tỉnh miền núi, ngân sách còn rất nhiều khó khăn.

Tóm lại, trong 5 năm qua tỉnh Hòa Bình tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ đã đạt được kết quả tương đối tốt. Cho tới nay và những năm tiếp theo, hy vọng ngân sách tỉnh vẫn sẽ tiếp tục đáp ứng được nhu cầu theo kế hoạch đề xuất của cơ quan tham

mưu. Với tỉnh Hòa Bình còn nghèo và số đối tượng được hưởng chính sách theo quy định cũng tương đối lớn, mà có thể đảm bảo được nguồn kinh phí thì các tỉnh khác có lẽ cũng không gặp nhiều khó khăn.

Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành và được tổ chức triển khai thực hiện đã thể hiện sự quan tâm, chăm sóc của Đảng, của Nhà nước đối với người đồng bào dân tộc thiểu số. Chính sách đã được người dân đồng tình hưởng ứng, nhận thức của người dân tộc thiểu số đã có bước chuyển biến rõ rệt. Chính sách hỗ trợ đã góp phần cải thiện đời sống, nâng cao sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là phụ nữ nghèo vùng sâu, vùng xa gặp rất nhiều khó khăn khi sinh con, thiếu thốn về kinh tế. Ngoài ra, với những địa phương sáng tạo, có những hình thức tổ chức trao tiền hỗ trợ của Chính phủ cho các đối tượng trong các dịp có đông người thì đây cũng là một hình thức tuyên dương, truyền thông có hiệu quả về thực hiện chính sách Dân số-KHHGĐ.

CHI CỤC DÂN SỐ TỈNH HÒA BÌNH

Ban hành 105 văn bản, thực hiện hiệu quả Nghị định số 39/2015/NĐ-CP hỗ trợ phụ nữ nghèo người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số



Tại cuộc Hội thảo tổng kết hoạt động thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 17/4/2015 của Chính Phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số giai đoạn 2015-2019, ông Nguyễn Công Khanh, Chi cục trưởng, Chi cục Dân số- KHHGD tỉnh Hà Giang

Các chỉ tiêu đề ra đều đạt và vượt dự kiến ban đầu

Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh Hà Giang có 17 cán bộ với 3 phòng chức năng, số cán bộ nhân viên không nhiều nhưng với cách làm việc khoa học đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Trong những năm qua, dưới sự lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy,

HĐND, UBND tỉnh, Tổng cục Dân số-KHHGD, Sở Y tế. Tập thể Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh Hà Giang đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao sau 5 năm triển khai Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 17/4/2015 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

Các chỉ tiêu kế hoạch đề ra Chi cục DS-KHHGD tỉnh Hà Giang đều hoàn thành đạt và vượt. Do đã làm tốt công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, phối hợp tổ chức thực hiện các giải pháp một cách đồng bộ đó là tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện chính sách DS-KHHGD như: Tỉnh ủy ban hành chương trình số 40-CTr/TU, ngày 04-5-2018 Chương

trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND, ngày 19/7/2019 hỗ trợ kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu Y tế-Dân số trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

UBND tỉnh ban hành hoạch số 161/KH-UBND ngày 13/7/2020 Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh Hà Giang; Kế hoạch số 162/KH-UBND, ngày 22/5/2018 kế hoạch thực hiện trình số 40-CTr/TU, ngày 04-5-2018 Chương trình hành động của Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị

Quyết số 21-NQ/TW, ngày 25-10-2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Ngoài ra, Sở Y tế đã ban hành Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch hoạt động hàng năm, trên cơ sở đó Chi cục DS-KHHGD tỉnh đã phân bổ, giao chỉ tiêu và hướng dẫn cho Trung tâm Dân số-KHHGD các huyện, thành phố triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao. Do đó, tỷ suất sinh thô giảm từ 21,73‰ năm 2015 xuống còn 19,19‰ năm 2019 và ước thực hiện năm 2020 là 18,79‰. Đặc biệt là tỷ lệ sinh con thứ 3 trở giảm từ 16% năm 2015 xuống còn 12,7% năm 2019 và ước thực hiện năm 2020 là 11,7%; tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại tăng từ 68,01 năm 2015 lên 68,8% 2019 và 69,01 năm 2020.

Trong công tác chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ cũng được quan tâm trú trọng, hàng năm đơn vị đã tham mưu với UBND tỉnh ban hành các Quyết định giao dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số; xây dựng báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ theo quy định. Trong 05 năm tổng số văn bản đã ban hành là 105 văn bản, trong đó tuyến tỉnh: 23 văn bản. (gồm: 07 báo cáo, 09 tờ trình, 07 công văn); Tuyên huyện: 82 văn bản.

Xác định đây là nhiệm vụ thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước hỗ trợ chính sách cho công tác dân số nhằm ổn định mức sinh, vì vậy Chi cục DS-KHHGD đã phối hợp chặt chẽ với các ban ngành, đoàn thể như: Ban Tuyên giáo, Hội Phụ nữ, Ban Dân tộc, Hội Nông dân... tổ chức nhiều buổi lồng ghép giữa các hoạt động dân số với tuyên truyền và tập huấn triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP đến các cán bộ làm công tác dân số cơ sở và mọi tầng lớp nhân dân; Tổ chức tập huấn 05 lớp. Cùng với các hoạt động khác, Trung tâm Dân số-KHHGD các huyện thường xuyên phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể

tổ chức được 1.401 buổi tuyên truyền; 70 lớp tập huấn về Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

Rà soát chặt chẽ đảm bảo trao quyền lợi đúng đối tượng

Công tác rà soát, thống kê, lập hồ sơ và xác minh đối tượng được thực hiện định kỳ theo quy định. Hàng năm, Chi cục dân số-KHHGD đã chỉ đạo Trung tâm Dân số-KHHGD các huyện phối hợp các đơn vị liên quan rà soát, thống kê, lập danh sách các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP gửi Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh gửi Sở Tài chính trình UBND tỉnh cấp kinh phí hỗ trợ. Việc lập hồ sơ và xác minh đối tượng được thực hiện đúng hướng dẫn tại Thông tư số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH, Thông tư số 45/2018/TT-BYT về sửa đổi một số điều của TTLT số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH.

Công tác lập dự toán và chi trả cho đối tượng được thực hiện đúng quy định theo quyết định số 1049/QĐ-TTg, ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn và quyết định số 1010/QĐ-TTg, ngày 10/8/2018. Chi cục Dân số KHHGD tỉnh có công văn hướng dẫn các huyện, thành phố rà soát danh sách đối tượng và lập dự toán gửi về Chi cục Dân số KHHGD để gửi Sở Tài chính cấp kinh phí về các huyện để chi trả cho đối tượng. Kết quả từ năm 2015-30/9/2020 tổng số đối tượng đã được nhận kinh phí hỗ trợ là: 4.799 đối tượng, số kinh phí đã chi hỗ trợ cho đối tượng: 9.598.000.000 đồng. Trong đó: chi từ nguồn Trung ương là: 3.636.000.000 đồng, Địa phương là: 5.962.000.000 đồng.

Ngoài công việc chuyên môn được giao, tập thể cán bộ công nhân viên chức cơ quan tích cực tham gia học tập, nghiên cứu có những sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được áp dụng có hiệu quả cao như: Phương thức truyền thông, sản phẩm truyền thông, cách tiếp cận đối tượng, các mô hình can thiệp... Trong phong trào thi đua hàng năm được phát động ngay từ đầu năm với chức năng

nhiệm vụ cụ thể của từng phòng, từng cá nhân, kết quả hàng năm toàn thể 100% cán bộ đã hoàn thành nhiệm vụ và 100% đạt danh hiệu Lao động tiến tiến, trong đó có hơn 20 lượt cán bộ đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và 06 cán bộ đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, 10 cán bộ có thành tích xuất sắc đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng khen, 01 cán bộ có thành tích xuất sắc đề nghị. Tập thể Chi cục DS-KHHGD luôn hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ hàng năm và được các cấp khen thưởng. Năm 2015 được UBND tỉnh tặng Bằng khen tại Quyết định số 1514/QĐ-UBND, ngày 18/8/2015 về thực hiện xuất sắc nhiệm vụ công tác DS-KHHGD giai đoạn 2011-2015; năm 2016 được Bộ trưởng Bộ Y tế tặng Bằng khen tại Quyết định số 3052/QĐ-BYT, ngày 27/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ về DS-KHHGD.

Với các thành tích mà Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh đã đạt được trong năm qua là do có sự lãnh chỉ đạo tích cực, quyết liệt của Ban lãnh đạo Chi cục, cùng với sự đoàn kết thống nhất cao trong tập thể, sự năng động, sáng tạo, tích cực nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm cao trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của mỗi cán bộ công chức trong cơ quan cũng như các hoạt động ở tại cơ sở đã được phát động trong các phong trào thi đua của cơ quan, của ngành.

Trên đây là bản thành tích của Tập thể Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh Hà Giang về thực hiện các hoạt động của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính Phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số giai đoạn 2015-2020. Kính mong Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Tổng cục Dân số-KHHGD-Bộ Y tế xem xét và động viên kịp thời để cán bộ tập thể Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh Hà Giang cố gắng hơn trong những năm tiếp theo.

CHI CỤC DÂN SỐ TỈNH HÀ GIANG

76 văn bản được ban hành trong quá trình thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP

Tại tỉnh Tuyên Quang, chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ được triển khai tại 108 xã thuộc 6 huyện bao gồm huyện Lâm Bình, Na Hang, Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn và huyện Sơn Dương.

Triển khai chặt chẽ công tác rà soát, thống kê, lập hồ sơ và xác minh đối tượng

Tuyên Quang là tỉnh miền núi phía Bắc có diện tích 5.868 km²., mật độ dân số trung bình khoảng 134 người/Km², nền kinh tế nông nghiệp là chủ yếu. Tỉnh Tuyên Quang có 7 đơn vị hành chính, bao gồm 01 thành phố và 06 huyện. Toàn tỉnh có 138 đơn vị hành chính cấp xã (124 xã, 10 phường và 04 thị trấn), 1.739 thôn bản.

Chi cục Dân số-KHHGĐ đã tham mưu cho Sở Y tế trình UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai và thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách Dân số; Thông tư 07/2016/TTTL-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/6/2016 của liên tịch Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Thông tư số 45/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế;

Trong quá trình thực hiện có tổng số là 76 văn bản, trong đó cấp tỉnh ban hành 20 văn bản; Cấp huyện ban hành 55 văn bản (UBND huyện: 16 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn; Trung tâm Y tế



huyện (phòng Dân số) đã ban hành 39 công văn hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP).

Nghị định số 39/2015/NĐ-CP được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang tại 108 xã thuộc 06 huyện bao gồm: Lâm Bình, Na Hang, Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương với tổng số đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ là 4.945 người.

Rà chuẩn đối tượng được cấp kinh phí từ chính sách

Cấp tỉnh, Chi cục Dân số-KHHGĐ căn cứ số lượng, đối tượng dự kiến được hỗ trợ kinh phí do Trung tâm Y tế các huyện báo cáo, Chi cục lập dự toán kinh phí thực hiện hỗ trợ chính sách trình Sở Y tế, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp và phân bổ kinh phí trực tiếp về các huyện để phối hợp với UBND các xã tổ chức cấp hỗ trợ kinh phí cho đối tượng, kiểm tra hồ sơ, hướng dẫn đối tượng được hưởng

chính sách hỗ trợ hoặc thân nhân đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ lập hồ sơ, xác nhận đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Thông tư 07/2016/TTTL-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/6/2016 của liên tịch Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Thông tư số 45/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 07/2016/TTTL-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/6/2016 Quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ.

Cấp huyện, Trung tâm Y tế huyện tham mưu cho UBND huyện hướng dẫn Ban Chỉ đạo Dân số-KGHHGĐ cấp huyện, cấp xã phối hợp với các ban ngành, đoàn thể huyện và các ban ngành, đoàn thể cấp xã như: Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên, cán bộ tư pháp xã, cộng tác viên Dân số thôn bản tiến hành rà soát các đối tượng được hỗ trợ lập hồ

sơ theo các biểu mẫu quy định tại Thông tư 07/2016/TTTL-BYT-BTC-BLĐT BXH ngày 15/6/2016 và Thông tư số 45/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018;

Cấp xã, tiến hành điều tra, rà soát số phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo 09 nhóm đối tượng được quy định tại Điều 1 của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, đồng thời công khai danh sách phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số được hưởng chính sách hỗ trợ của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP tại trụ sở UBND xã.

UBND các xã làm tờ trình và lập danh sách đề nghị UBND huyện và các đơn vị có thẩm quyền ra quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ các đối tượng là phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số. Căn cứ vào quyết định đã được phê duyệt, UBND xã tiến hành chi trả kinh phí cho các đối tượng theo quy định hiện hành.

Phối hợp hiệu quả với ban ngành đoàn thể, phổ biến, tuyên truyền, tập huấn, giám sát

Đối với cấp tỉnh, Chi cục Dân số-KHHGD đã có văn bản chỉ đạo và hướng dẫn các huyện tổ chức các hoạt động tuyên truyền về chính sách Dân số-KHHGD lồng ghép phổ biến các nội dung về thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách Dân số; Thông tư 07/2016/TTTL-BYT-BTC-BLĐT BXH ngày 15/6/2016 của liên tịch Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Thông tư số 45/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 07/2016/TTTL-BYT-BTC-BLĐT BXH ngày 15/6/2016 Quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ. Hàng năm, Chi cục đã phối hợp với Đài Phát thanh-Truyền hình, báo Tuyên Quang và các ban ngành đoàn thể của tỉnh thực hiện

lồng ghép tuyên truyền Nghị định số 39/2015/NĐ-CP với các hoạt động công tác Dân số-KHHGD.

Đối với cấp huyện, Trung tâm Y tế 06 huyện đã tổ chức quán triệt, phổ biến và triển khai các văn bản hướng dẫn về việc thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP; Chỉ đạo Ban Dân số-KHHGD xã cùng phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tiến hành rà soát các đối tượng được hỗ trợ khi sinh con đúng chính sách dân số kể từ ngày 15/6/2015 mới được hưởng chính sách hỗ trợ (không áp dụng đối với các đối tượng sinh con đúng chính sách dân số trước thời điểm 15/6/2015).

Phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình huyện phổ biến và thông báo các nội dung có liên quan đến việc triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP tới toàn thể nhân dân được biết và theo dõi.

Đối với cấp xã, ban Chỉ đạo công tác Dân số-KHHGD cấp xã tham mưu cho UBND xã ban hành văn bản chỉ đạo các ngành, đoàn thể xã phối hợp với cán bộ dân số xã, cán bộ văn hóa, cán bộ phụ nữ xã, cán bộ tư pháp xã tổ chức tuyên truyền trên loa truyền thanh của xã, tư vấn trực tiếp tại hộ gia đình, tới từng đối tượng phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

Trong quá trình triển khai thực hiện hệ thống Dân số-KHHGD đã phối hợp chặt chẽ với với các ban ngành, đoàn thể có liên quan trong công tác tuyên truyền vận động, rà soát đối tượng. Hướng dẫn làm thủ tục hồ sơ và tổ chức thực hiện việc chi trả hỗ trợ cho đối tượng kịp thời theo quy định.

Hàng năm, Ban Văn hóa xã hội HĐND tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Chi cục Dân số-KHHGD đã tổ chức lồng ghép việc kiểm tra, giám sát thực hiện các nội dung của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP với công tác Dân số-KHHGD trên địa bàn. Tỉnh giám sát tuyến huyện: 30 lần (01lần/huyện/năm); Huyện giám sát, hỗ trợ tuyến xã 01lần/xã/năm tại 108 xã triển khai, thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP; Năm 2018, Tổng cục Dân số-KHHGD tổ chức kiểm tra

công tác thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số (Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015) tại xã Lăng Quán huyện Yên Sơn và xã Trung Yên huyện Sơn Dương.

Kết quả cụ thể trong 5 năm thực hiện

Tổng số đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã nhận kinh phí hỗ trợ là: 4.945 người. Tổng số kinh phí đã chi cho đối tượng: 9.890.000.000 đồng (bằng chữ: Chín tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng chẵn); Trong đó Ngân sách trung ương: 0 đồng. Ngân sách địa phương: 9.890.000.000 đồng. Tổng số đối tượng phải thu hồi do vi phạm chính sách dân số: 271 người, với số tiền: 542.000.000 đồng. Số đối tượng đã thu hồi: 198 người (396.000.000 đồng). Số đối tượng còn phải thu hồi; 73 người, với số tiền là: 146.000.000 đồng với lý do vi phạm chính sách do sinh con thứ 3 trở lên; rà soát nhầm, từ chối nhận kinh phí do muốn sinh thêm con.

Trong quá trình triển khai thực hiện việc rà soát của một số cộng tác viên, cán bộ chuyên trách tuyến xã còn nhầm lẫn thông tin giữa các đối tượng, việc thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 07/2016/TTTL-BYT-BTC-BLĐT BXH đôi khi chưa được chính xác. Công tác tuyên truyền vận động hiệu quả chưa cao, trong khi nhận thức của người dân thụ hưởng về chính sách Dân số-KHHGD còn hạn chế, dễ ngộ nhận đây là chính sách Nhà nước cho tiền khi sinh con.

Đối tượng thụ hưởng tự nguyện cam kết nếu vi phạm phải hoàn trả lại kinh phí đã nhận hỗ trợ, tuy nhiên, đây là một việc rất khó thực hiện vì những đối tượng được thụ hưởng đều thuộc hộ nghèo, khi vi phạm chính sách sinh con thì đối tượng không có gì để thu hồi. Số đối tượng còn phải chi trả đến 31/12/2020 là: 248 người, số tiền là: 496.000.000 đồng.

CHI CỤC DÂN SỐ TỈNH TUYÊN QUANG

Lạng Sơn đề xuất cần có chế tài khi thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP



Công tác truyền thông được triển khai bằng nhiều hình thức như tư vấn nhóm nhỏ tại các địa bàn trọng điểm-nơi tập trung nhiều phụ nữ là dân tộc thuộc hộ nghèo.

Theo Chi cục Dân số KHHGD tỉnh Lạng Sơn, mặc dù đối tượng thụ hưởng chính sách về sinh con đúng chính sách dân số phải hoàn trả lại kinh phí hỗ trợ đã nhận khi vi phạm, tuy nhiên, với những trường hợp không hoàn trả thì cần xem xét, bổ sung chế tài xử lý.

3.461 phụ nữ dân tộc thiểu số thuộc diện nghèo nhận hỗ trợ

Thông tin tới PV Báo Gia đình & Xã hội, ông Nguyễn Quang Bằng- Chi Cục trưởng Chi Cục Dân số KHHGD tỉnh Lạng Sơn cho biết, là tỉnh nằm ở phía Bắc nên Lạng Sơn có số lượng lớn người dân tộc sinh sống trên địa bàn. Trong đó, có đến 79,55% là người dân sinh sống ở khu vực nông thôn.

Những năm gần đây, điều kiện kinh tế trên địa bàn tỉnh đã có sự thay đổi tích cực, song vẫn còn có những khó khăn nhất định, đặc biệt đối với người dân tộc thiểu số sinh sống ở các vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ dân trí chưa đồng đều.

Tuy nhiên, từ năm 2015 đến nay, việc triển khai Nghị định số 39/2015/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đã góp phần ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Đặc biệt là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn.

Các hoạt động tuyên truyền về Nghị định 39 được thực hiện xuyên suốt từ tỉnh đến cơ sở, thông qua nhiều hình thức khác nhau như qua hệ thống loa, đài phát thanh của xã, thôn, bản,

truyền thông tư vấn nhóm nhỏ tại các địa bàn trọng điểm...

Do nguồn kinh phí cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP từ năm 2016 đến nay không có. Bên cạnh đó, nguồn kinh phí thường xuyên của đơn vị không đủ chi nên việc kiểm tra, giám sát được thực hiện lồng ghép với các cuộc kiểm tra, giám sát khác theo định kỳ hằng năm.

Trong 5 năm thực hiện Nghị định, đến nay, đã có 3.461 trường hợp là dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo đã nhận được hỗ trợ sinh con đúng chính sách dân số, với tổng mức kinh phí là hơn 6,9 tỷ đồng.

Khó khăn từ chính hủ tục, tập quán

Theo Chi cục Dân số KHHGD tỉnh



Các đối tượng được hưởng chính sách tại địa bàn tỉnh Lạng Sơn đều là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

Lạng Sơn, mặc dù có sự chỉ đạo xuyên suốt từ cấp Trung ương đến cấp cơ sở và sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể trong việc rà soát, thống kê và chi trả chính sách cho đối tượng thụ hưởng, tuy nhiên, vẫn có không ít trường hợp buộc phải thu hồi hỗ trợ do vi phạm chính sách về dân số (62 người).

Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện cũng vấp phải những trở ngại cả ở mặt khách quan, lẫn chủ quan.

Đầu tiên là các đối tượng thuộc diện hưởng chính sách đều là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, cư trú tại các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, trình độ dân trí thấp nên công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách gặp nhiều khó khăn.

Thứ hai, công tác rà soát và lập hồ

sơ đối tượng hưởng chính sách đôi khi chưa kịp thời, bị bỏ sót. Một số đối tượng từ chối kê khai nhận hỗ trợ kinh phí vì sợ vi phạm cam kết, một số đối tượng khác sinh con đúng chính sách đã kê khai nhận kinh phí hỗ trợ tuy nhiên do kinh phí hỗ trợ được chi trả chậm nên khi được chi trả đối tượng từ chối nhận vì có ý định sinh thêm con.

Thứ ba, việc thu hồi kinh phí đôi với một số đối tượng đã nhận hưởng chính sách nhưng vi phạm chính sách khó thực hiện và còn chậm, do 100% các đối tượng thuộc diện hộ nghèo sống tại các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn.

Thứ tư, đối tượng được hưởng chính sách đều là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

Do đó, trình độ dân trí thấp, tồn tại nhiều hủ tục, tập quán lạc hậu nên công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách còn gặp nhiều hạn chế, hiệu quả chưa cao. Trong khi đó, Nghị định và Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTĐBXH không hướng dẫn bố trí kinh phí cho công tác tuyên truyền, kiểm tra và giám sát.

Chi cục Dân số KHHGD tỉnh Lạng Sơn cho rằng, để đảm bảo thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP trong thời gian tiếp theo, ngành y tế tỉnh Lạng Sơn đề xuất có thể xem xét, sửa đổi hoặc bổ sung một số vấn đề như: Chế tài xử phạt đối với đối tượng được hỗ trợ nhưng vi phạm Pháp lệnh về dân số (hộ nghèo không có tiền hoàn trả).

CHI CỤC DÂN SỐ TỈNH LẠNG SƠN

Chuyển biến trong chất lượng tổ chức thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của tỉnh Yên Bái

Sau 5 năm tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số, Yên Bái đã đạt được những kết quả quan trọng về lĩnh vực Dân số/Sức khỏe sinh sản, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Chủ động phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng ngành

Chịu trách nhiệm báo cáo trước Hội nghị tổng kết sau 5 năm tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số ông Lê Quang Lộc, Chi cục trưởng Chi cục Dân số-KHHGĐ tỉnh Yên Bái đã thông tin:

Triển khai thực hiện chiến lược, hàng năm Ban Chỉ đạo công tác Dân số-KHHGĐ từ cấp tỉnh đến cơ sở đã được thành lập và kiện toàn. Đồng thời, công tác truyền thông về dân số được đẩy mạnh dưới nhiều hình thức phù hợp, các mô hình truyền thông có hiệu quả tiếp tục được duy trì và nhân rộng.

Đặc biệt, đội ngũ cán bộ chuyên trách, cộng tác viên dân số, tuyên truyền viên, nhân viên y tế thôn, bản nỗ lực tuyên truyền tại khu dân cư... Qua đó, nhận thức và hành động của người dân về dân số đã có những chuyển biến tích cực. Toàn tỉnh Yên Bái có 132 xã/173 xã, phường, thị trấn và 8/9 huyện, thị xã, thành phố đang triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

Căn cứ Thông tư liên tịch của Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ



Tuyên truyền về chính sách dân số/sức khỏe sinh sản đến đồng bào người Mông trên địa bàn huyện Mù Cang Chải (Yên Bái).

cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số, hàng năm Chi cục Dân số-KHHGĐ tỉnh Yên Bái đã chỉ đạo Trung tâm Dân số-KHHGĐ (trước đây) và Trung tâm tế hiện nay hướng dẫn UBND các xã rà soát các đối tượng phụ nữ sinh thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách dân số tại 132 xã.

Trên cơ sở danh sách rà soát đối tượng tại từng thôn bản, người làm công tác dân số thống kê, phối hợp với người phụ trách công tác lao động, xã hội cấp xã hướng dẫn đối tượng được hưởng chế độ lập tờ khai đề nghị hỗ trợ kinh phí sinh con đúng chính sách dân số và lập thành hồ sơ xét hưởng chính sách hỗ trợ. Đồng thời danh sách thống kê đối tượng của xã được gửi về cơ quan phụ trách công tác dân số cấp huyện tổng hợp và gửi Sở Y tế tổng hợp số đối tượng toàn tỉnh theo 9 nhóm đối tượng được quy định tại Điều 1 của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

Cùng với việc tuyên truyền thực hiện các chính sách dân số nói chung, công tác tuyên truyền về nội dung Nghị định số 39/2015/NĐ-CP được các ban, ngành, đoàn thể trong Ban Chỉ đạo công tác Dân số-KHHGĐ các cấp thường xuyên lồng ghép trong hoạt động của từng ngành, trong đó nổi bật là các hoạt động tuyên truyền của Hội Phụ nữ các cấp thông qua các hoạt động sinh hoạt nhóm, tư vấn trực tiếp đã cũng cấp thông tin đầy đủ cho chị em hiểu và thực hiện các quy định của Nghị định. Ngành Tài chính, Y tế, Lao động-Thương binh và Xã hội đã chủ động phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, đảm bảo kinh phí hỗ trợ đầy đủ, đúng đối tượng. Mặt trận Tổ quốc các cấp và các đoàn thể đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền Nghị định số 39/2015/NĐ-CP gắn liền với cuộc vận động xây dựng nông thôn mới. Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền, phổ biến chính sách Nghị định số 39/2015/NĐ-CP trên sóng phát thanh-



Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống góp phần nâng cao chất lượng dân số là mục tiêu quan trọng được Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh Yên Bái đặt ra hàng năm.

truyền hình tỉnh và hệ thống truyền thanh của huyện, xã.

Trong công tác lập dự toán và chi trả cho đối tượng và đảm bảo nguồn lực tài chính, cơ quan làm công tác dân số cấp huyện đã lập dự toán kinh phí thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP hàng năm theo quy định gửi cơ quan tài chính cùng cấp. Công tác chi trả cho đối tượng do Trung tâm Y tế căn cứ hồ sơ xét hưởng chính sách hỗ trợ của UBND các xã tổng hợp để thực hiện thanh toán chế độ cho đối tượng. Ngân sách tỉnh đảm bảo đủ nguồn lực tài chính cho việc thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP hàng năm.

Kiến nghị giảm bớt các quy định hồ sơ xét hưởng chính sách

Về công tác kiểm tra giám sát, năm 2018, thực hiện Kết luận số 186, Thường trực Tỉnh ủy Yên Bái đã giao Hội phụ nữ tỉnh chủ trì phối hợp với Mặt trận tổ quốc, Sở Y tế, Sở Tài chính tổ chức một đợt kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP tại 3 huyện và 6 xã

trên địa bàn tỉnh. Qua kiểm tra, giám sát không phát hiện vi phạm trong triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh.

Đối với Ban Chỉ đạo công tác Dân số-KHHGD các cấp và ngành Y tế hoạt động kiểm tra giám sát tình hình thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP được thực hiện thường xuyên dưới hình thức lồng ghép vào kiểm tra giám sát công tác Dân số-KHHGD và công tác chuyên môn chung của Sở Y tế, Chi cục Dân số-KHHGD.

Về thuận lợi, việc thực hiện chính sách theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh. UBND huyện, xã và các ban, sở, ngành có liên quan có sự phối hợp chặt chẽ trong rà soát đối tượng, tham mưu chính sách cho đối tượng. Các đoàn thể tích cực tuyên truyền hội viên, đoàn viên thực hiện cam kết theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

Khó khăn được đặt ra do nhận thức của người dân còn hạn chế, tâm lý muốn sinh nhiều con còn tồn tại rất lớn trong cộng đồng, có nhiều trường hợp đã rà soát, thống kê đưa vào danh sách

đối tượng được nhận chính sách nhưng khi thực hiện chi trả lại không nhận tiền hỗ trợ vì muốn sinh thêm con. Vì vậy tình trạng chênh lệch giữa số người đã rà soát, thống kê và số người nhận tiền hỗ trợ còn khá phổ biến tại các xã, các năm. Đồng thời do địa hình phức tạp nên việc chi trả chế độ tại các xã còn nhiều hạn chế về tiến độ, thời gian thanh quyết toán chế độ chính sách kéo dài dẫn đến tình trạng chậm muộn trong thanh quyết toán hàng năm.

Từ thực tế trên, Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh Yên Bái đề xuất, kiến nghị chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số có tính chất đặc thù và trở thành động lực trong việc thúc đẩy việc thực hiện chính sách dân số-KHHGD của vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đề chính sách được thực hiện thuận lợi đề nghị Tổng cục Dân số-KHHGD xem xét tham mưu các cơ quan có thẩm quyền giảm bớt các quy định hồ sơ xét hưởng chính sách hỗ trợ tại Điều 4 của Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH.

CHI CỤC DÂN SỐ TỈNH YÊN BÁI



Bà Hồ Thị Thanh Thủy (Chi cục trưởng Chi cục DS-KHHGD tỉnh Thái Nguyên) đi kiểm tra triển khai Nghị định 39 tại các cơ sở.

Chi cục DS-KHHGD Thái Nguyên triển khai hiệu quả Nghị định số 39/2015/NĐ-CP

Công tác truyền thông, tập huấn thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chi cục DS-KHHGD Thái Nguyên được triển khai từ tỉnh đến huyện đến xã với các hình thức tuyên truyền phong phú, lồng ghép tại các hội nghị, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề...

Chú trọng rà soát, thống kê đúng đối tượng

Chi cục Dân số-KHHGD Thái Nguyên gồm 3 phòng: Phòng Tổ chức-Hành chính-Kế hoạch và Tài vụ; phòng DS-KHHGD; phòng Truyền thông-Giáo dục với tổng số cán bộ, công chức được giao là 12 người. Bên cạnh đó, Phòng DS-KHHGD Trung tâm Y tế của 9 huyện, thành phố, thị xã mỗi đơn vị có từ 5-7 người; Ban DS-KHHGD xã/phường: 180/180 xã, phường; Cộng tác viên thôn, bản có:

3.032 người. Với mạng lưới cộng tác viên dân số cơ sở phủ khắp, các hoạt động truyền thông DS-KHHGD của tỉnh Thái Nguyên đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, đặc biệt trong công tác triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ.

Cụ thể, hàng năm Chi cục Dân số - KHHGD tham mưu cho Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên ban hành các văn bản chỉ đạo và xây dựng Kế hoạch kiểm tra liên ngành đối với các huyện, xã thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Trong giai đoạn 2015-2020, từ năm 2016-2020 tỉnh Thái Nguyên đã xây dựng và tổ chức 04 đợt kiểm tra liên ngành.

Về Công tác rà soát, thống kê, lập hồ sơ và xác minh đối tượng, thực hiện Thông tư liên tịch số 07/2016/TT-LT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/4/2016 và Thông tư số 45/2018/TT-BYT sửa đổi bổ

sung một số điều của Thông tư liên tịch số 07/2016 quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính Phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

Công tác rà soát, thống kê, lập hồ sơ và xác minh đối tượng, địa phương đã triển khai thực hiện theo trình tự, thủ tục và kịp thời, tại các huyện Trung tâm Y tế phối hợp với Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội rà soát, thống kê, lập danh sách đối tượng được thụ hưởng theo quy định trên địa bàn huyện.

Tại UBND các xã chỉ đạo cán bộ chuyên trách dân số xã phối hợp với cán bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Hội phụ nữ, cán bộ Tư pháp xã tiến hành rà soát đối tượng được hỗ trợ và hướng dẫn đối tượng thực hiện theo trình tự, thủ tục và kịp thời chính xác theo đúng quy định.



Về công tác phối hợp với ban ngành đoàn thể, phổ biến, tuyên truyền, tập huấn

Triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính Phủ, tỉnh đã chỉ đạo các huyện/thị xã phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tổ chức các đợt tuyên truyền, phổ biến các chính sách, chế độ đến người dân để biết và thực hiện.

Công tác truyền thông, tập huấn thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP được triển khai hàng năm từ tỉnh đến huyện đến xã; hình thức tuyên truyền triển khai chủ yếu lồng ghép tại các hội nghị, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề tuyên truyền vận động thực hiện chính sách Dân số trong tình hình mới; thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt hệ thống loa truyền thanh của xã và các thôn/xóm.

Kịp thời đảm bảo nguồn kinh phí chi trả cho đối tượng

Về công tác lập dự toán và chi trả

cho đối tượng và đảm bảo nguồn lực tài chính

Hàng năm đơn vị đã tổ chức rà soát các đối tượng thuộc diện sinh con đúng chính sách dân số để hỗ trợ kinh phí theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Việc lập dự toán thực hiện đầy đủ, kịp thời đảm bảo nguồn kinh phí chi trả cho đối tượng. Trung tâm Y tế huyện là cơ quan đầu mối, tổng hợp số lượng đối tượng thụ hưởng theo kết quả rà soát đầu năm của UBND các xã sau đó trình Sở Y tế phối hợp Sở Tài chính phê duyệt kinh phí trong năm.

Sau khi có kinh phí được thẩm định, căn cứ vào hồ sơ các xã, Trung tâm DS-KHHGD huyện (nay là Trung tâm Y tế) tiến hành cấp tiền về UBND các xã để chi trả cho các đối tượng.

Trong công tác kiểm tra giám sát, sau khi triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính Phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số. Hàng năm

tuyên tỉnh và tuyên huyện đều xây dựng kế hoạch phối hợp với các ban, ngành, kiểm tra, giám sát đến các huyện, xã. Trong quá trình triển khai Nghị định số 39/2015/NĐ-CP giai đoạn 2015-2020 tại tỉnh Thái Nguyên luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của HĐND, UBND tỉnh, Sở Y tế và sự phối hợp của các sở, ban, ngành do đó việc triển khai thực hiện đạt kết quả cao.

Từ những kết quả đạt được sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ về việc thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số giai đoạn 2015-2020 của tỉnh Thái Nguyên, Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh Thái Nguyên đã đề nghị Tổng cục DS-KHHGD tặng giấy khen để động viên kịp thời.

CHI CỤC DÂN SỐ TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÚ THỌ:

Tập trung mọi nỗ lực để ngăn chặn xu hướng tăng tỷ lệ sinh và tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên



Hội nghị của Chi cục Dân số KHHGD tỉnh Phú Thọ về truyền thông lồng ghép chi trả hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách năm 2018, tại huyện Thanh Sơn.

Theo Chi Cục dân số KHHGD tỉnh Phú Thọ, Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ không những là chính sách nhất quán của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc, dân số, mà còn nhận được sự quan tâm đặc biệt của phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con.

Nghị định số 39/2015/NĐ-CP là sự quan tâm của phụ nữ dân tộc

Báo cáo tại Hội nghị tổng kết, ông Nguyễn Việt Phương-Chi Cục trưởng Chi cục Dân số KHHGD tỉnh Phú Thọ cho biết, Phú Thọ là tỉnh thuộc vùng Trung du miền núi phía Bắc có 21 dân tộc anh em đang sinh sống trên địa bàn 225 xã, phường, thị trấn.

Tỉnh Phú Thọ đã triển khai Nghị định số 39/2015/NĐ-CP trên địa bàn

là 10 huyện và 140 xã, tổng số người được hỗ trợ là 1.634 người với tổng số tiền 3.254 triệu đồng.

Ông Nguyễn Việt Phương cho hay, 5 năm qua, công tác Dân số và Phát triển trên địa bàn tỉnh Phú Thọ luôn được sự quan tâm của các cấp Ủy Đảng.

Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số không những là cơ sở pháp lý để triển khai một chính sách xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và phụ nữ nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa là đồng bào dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách dân số nói riêng.

Chính sách này được ban hành đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của

phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số và có tác động lớn đến đối tượng thụ hưởng chính sách.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, đơn vị cấp cơ sở đã gặp không ít khó khăn. Khó khăn nhất là đối tượng được hưởng chính sách đều là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn nên công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách còn gặp nhiều hạn chế, hiệu quả chưa cao.

Để khắc phục những khó khăn trong quá trình thực hiện, đơn vị tuyến cơ sở đã đẩy mạnh tích cực từ công tác tham mưu, phối hợp tích cực, chặt chẽ giữa các ban, ngành liên quan đến chuyên đổi hành vi truyền thông; kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy làm công tác dân số...

Ngoài ra, hoạt động giám sát, kiểm tra thực hiện các chính sách và tình hình triển khai công tác dân số cơ sở được chú trọng, kịp thời đã phát hiện đề chấn chỉnh tình hình và kiến nghị xử lý số cán bộ, đảng viên vi phạm chính sách dân số.

Do đó, việc thực hiện những nội dung về công tác dân số đã đạt được kết quả cao. Một số chỉ tiêu chủ yếu về Dân số và Phát triển đã đạt kế hoạch và tăng so với cùng kỳ. Năm 2020, có 2 xã Tân Sơn và xã Vinh Tiên thuộc huyện Tân Sơn và 1.115 khu dân cư đạt thành tích không có người sinh con thứ 3 trở lên.

Nỗ lực ngăn chặn việc sinh con thứ 3

Theo ông Nguyễn Việt Phương, trong những năm tới, tỉnh Phú Thọ nói chung và Chi Cục dân số KHHGD nói riêng tiếp tục tập trung mọi nỗ lực để ngăn chặn xu hướng tăng tỷ lệ sinh và tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên. Đặc biệt là chú trọng ở những vùng có mức sinh cao, vùng khó khăn; hạn chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh.

Ngoài ra, tiếp tục thực hiện có hiệu quả các mô hình, đề án nâng cao chất lượng dân số.

Tổ chức tốt các hoạt động truyền thông thường xuyên và lưu động đến các nhóm đối tượng khó tiếp cận như người di cư, người tàn tật, người cao tuổi. Tuyên truyền vận động gắn với cung cấp các dịch vụ, tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ SKSS/KHHGD đến vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Dừng ở hai con để nuôi dạy cho tốt”, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tổ chức các hoạt động cung cấp dịch vụ KHHGD tại các cơ sở theo phân cấp kỹ thuật cùng sự hỗ trợ kỹ thuật và chỉ đạo tuyến của đội lưu động tuyến huyện. Đào tạo nâng cao kỹ thuật và kỹ năng tư vấn cho đội ngũ cán bộ cung cấp dịch vụ CSSKSS/KHHGD, đảm bảo cung cấp đầy đủ các phương tiện tránh thai miễn phí, đẩy mạnh tiếp thị xã hội và xã hội hóa các



Tính đến nay, đã có 1.634 phụ nữ dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo trên địa bàn 140 xã, đã nhận được hỗ trợ sinh con đúng chính sách dân số.



Phụ nữ dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo ở các vùng sâu, vùng xa sớm được tiếp cận với thông tin truyền truyền về giảm tỷ lệ khi sinh và tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên.

PTTT. Nâng cao chất lượng hệ thống kho hậu cần PTTT thông qua việc nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo quản PTTT đáp ứng kịp thời các nhu cầu về số lượng, chất lượng PTTT.

Tham mưu thực hiện Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; Kế hoạch Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030; Kế hoạch tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ DS-KHHGD cho vị thành niên/thanh niên.

Triển khai đồng bộ các giải pháp về truyền thông, giáo dục, chuyên môn kỹ thuật nhằm tạo chuyên biến rõ rệt trong hoạt động nâng cao chất lượng

dân số.

Cuối cùng là mở rộng địa bàn, đối tượng cung cấp phương tiện tránh thai ở cả 3 kênh: Miễn phí, tiếp thị xã hội, xã hội hóa... đảm bảo đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu sử dụng các dịch vụ KHHGD/SKSS của người dân.

Nâng cao chất lượng quản lý hậu cần PTTT và chất lượng dịch vụ KHHGD bao gồm bảo quản, vận chuyển và cung cấp PTTT, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện dịch vụ KHHGD và đảm bảo hậu cần PTTT tại các tuyến...

CHI CỤC DÂN SỐ TỈNH PHÚ THỌ

QUẢNG NAM:

Định kỳ hàng quý, phụ nữ sinh con đúng chính sách dân số được mời đến nhận hỗ trợ

Theo Chi cục Dân số KHHGD tỉnh Quảng Nam, cứ định kỳ hàng quý, Trung tâm Y tế huyện yêu cầu UBND xã mời đối tượng được hỗ trợ về tại trụ sở UBND xã để nhận kinh phí hỗ trợ cho đối tượng. Việc nhận này có sự chứng kiến của đại diện Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Công an xã, UBMTTQVN xã và UBND.

“Kim chỉ nam” là tăng cường công tác tuyên truyền

Theo đại diện lãnh đạo Chi cục Dân số KHHGD tỉnh Quảng Nam, là địa bàn nằm ở miền Trung của Việt Nam, phía Tây giáp với Kon Tum và nước Lào nên trong tổng dân số khoảng 1,638 triệu người thì có đến 146,69 ngàn người là đồng bào dân tộc thiểu số (chiếm 8,95% dân số cả tỉnh).

Với 15 huyện, 2 thành phố và 1 thị xã, Quảng Nam đã và đang triển khai những nội dung của Nghị định 39/2015 của Chính phủ tại 72 xã tại 10 huyện. Chiếm 29,5% tổng số xã trên địa bàn tỉnh.

Từ năm 2015-30/11/2020, Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh phối hợp với các địa phương thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các nội dung về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số trong việc sinh con đúng chính sách dân số.

Công tác tuyên truyền qua các lớp tập huấn cũng được triển khai tại các huyện: Hiệp Đức, Phước Sơn, Nam Trà My, Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, với hơn 400 học viên là cán bộ viên chức dân số-KHHGD xã và Cộng tác viên dân số.



Hỗ trợ nhận hỗ trợ định kỳ hàng quý

Theo Chi cục Dân số KHHGD tỉnh Quảng Nam, trong 5 năm qua, song song với công tác tuyên truyền đến từng địa phương, Chi cục Dân số KHHGD tỉnh Quảng Nam đã thực hiện công tác rà soát, thống kê đối tượng phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách dân số theo 9 nhóm đối tượng, tại 10 huyện và 60 xã trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, cứ định kỳ hàng quý, Trung tâm Y tế huyện đều yêu cầu UBND xã mời đối tượng được hỗ trợ về tại UBND xã để được cấp kinh phí hỗ trợ, trước sự chứng kiến của các ban ngành, đoàn thể tại địa phương.

Cụ thể, trong 5 năm triển khai Nghị định 39, đã có 3.010 người là phụ nữ dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo được chi trả hỗ trợ sinh con đúng chính sách dân số, với tổng số tiền là hơn 6 tỷ đồng.

Tuy nhiên, trong tổng số 3.010 người được hỗ trợ thì có đến 72 người buộc phải thu hồi hỗ trợ do vi phạm chính sách sinh, với tổng số tiền thu lại là 144 triệu đồng. Trong đó, đã thu

hồi hỗ trợ của 18 người.

Để có được những kết quả trên, Chi cục Dân số KHHGD tỉnh Quảng Nam đã bám sát vào chương trình, chỉ tiêu, kế hoạch đề ra ngay từ đầu năm với từng hoạt động cụ thể.

Thường xuyên phối hợp với các ngành liên quan để tổ chức tuyên truyền, vận động đến với các đối tượng hiểu về Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

Đồng thời, không ngừng củng cố về bộ máy tổ chức ở cơ sở, tổ chức tập huấn, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ DS-KHHGD ở cơ sở để nâng cao trình độ về chuyên môn cũng như nắm vững về nghiệp vụ.

Ngoài ra, sự năng nổ, nhiệt tình của đội ngũ cán bộ làm công tác Dân số-KHHGD từ tỉnh đến cơ sở, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự hưởng ứng của người dân đã đem lại thành công chung trong việc triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

CHI CỤC DÂN SỐ TỈNH QUẢNG NAM



Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh Bắc Kạn phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách với những hình thức phù hợp đến các đối tượng thụ hưởng.

Chi cục DS-KHHGD Bắc Kạn thực hiện tốt công tác dân số, tạo nền móng vững chắc cho phát triển kinh tế-xã hội

Là tỉnh miền núi có quy mô dân số ít nhất toàn quốc, trong đó có trên 88% số dân là dân tộc thiểu số, những năm qua Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh Bắc Kạn đã đẩy mạnh thực hiện công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số nhằm góp phần phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh nhanh và bền vững.

Tăng cường kiểm tra, kịp thời tháo gỡ khó khăn

Theo báo cáo, Bắc Kạn thuộc số các tỉnh có mức sinh cao theo Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng tỷ suất

sinh (TFR) năm 2019 đạt 2,14 con/phụ nữ. Xu thế giảm sinh tiếp tục được duy trì, tỷ suất sinh thô toàn tỉnh năm 2019 còn 13,7%; tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên bình quân hàng năm khoảng 8,3% trong tổng số trẻ sinh; tỷ

số giới tính khi sinh năm 2019 là 112 bé trai/100 bé gái; tuổi thọ bình quân năm 2019 là 72,6 tuổi; tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh năm 2019 là 31%; tỷ lệ trẻ em mới sinh được sàng lọc sơ sinh năm 2019

là 5,13%; tỷ suất nhập cư năm 2019 là 7,8%; tỷ suất xuất cư năm 2019 là 48%.

Về kết quả thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, từ năm 2015 đến 30/9/2020, tỉnh Bắc Kạn đã ban hành 183 văn bản hướng (trong đó cấp tỉnh 31 văn bản; cấp huyện 152 văn bản).

Thực hiện công tác rà soát đối tượng được hỗ trợ kinh phí thực hiện theo Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn. Trên cơ sở số đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn tại thời điểm báo cáo, đơn vị cấp huyện phối hợp với Ban Chỉ đạo công tác Dân số-KHHGĐ cấp xã, người làm công tác Dân số-KHHGĐ cấp xã rà soát, xác minh đối tượng để thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP đảm bảo điều kiện hỗ trợ đúng đối tượng theo quy định; chú trọng triển khai, ưu tiên nguồn lực, tuyên truyền tại các xã thuộc vùng có mức sinh cao.

Đối với các đối tượng chưa được hỗ trợ kinh phí cần tiếp tục xem xét, rà soát và xác minh đưa vào kế hoạch thực hiện bổ sung trong năm hoặc các năm tiếp theo; chỉ hỗ trợ cho các đối tượng sinh con thứ nhất hoặc thứ hai được sinh ra sau ngày 15/6/2015 (ngày có hiệu lực của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP) và đảm bảo đối tượng thỏa mãn các điều kiện của Thông tư đã hướng dẫn. Các trường hợp tảo hôn không được chi hỗ trợ.

Trong công tác phối hợp với ban ngành đoàn thể, phổ biến tuyên truyền, tập huấn, thường xuyên có sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng với các đoàn thể để thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ trên địa bàn; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách với những hình thức phù hợp, giúp đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ nâng cao nhận thức về quyền, nghĩa vụ trong việc thực hiện đúng chính sách dân số.

Đặc biệt, địa phương này đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát để

phát hiện kịp thời, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tại cơ sở, đảm bảo chi đúng, chi đủ và chi kịp thời cho đối tượng của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Đối với các hồ sơ đã chi nhưng phát hiện chi không đúng đối tượng phải thu hồi kinh phí nộp ngân sách nhà nước theo quy định; đối với đơn vị có đối tượng đã nhận tiền nhưng vi phạm chính sách và bị thu hồi phải rà soát, hướng dẫn và phối hợp với Ban Chỉ đạo công tác Dân số-KHHGĐ cấp xã thu hồi kinh phí của đối tượng vi phạm nộp ngân sách nhà nước theo quy định. Số lượng đoàn giám sát từ năm 2015 đến 30/9/2020: 91 đoàn; số huyện đã giám sát: 6 huyện; số lượt xã đã giám sát 151 xã.

Đạt và vượt chỉ tiêu, kế hoạch đề ra

Về nguồn kinh phí thực hiện chính sách, từ năm 2016 đến nay, Chi cục Dân số-KHHGĐ tỉnh Bắc Kạn xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ đều được phê duyệt và cấp 100% theo kế hoạch. (Nguồn kinh phí trung ương là 3.774.000.000 đồng; Kinh phí địa phương là 376.000.000 đồng).

Những kết quả đạt được nêu trên đã chứng tỏ lãnh đạo địa phương đã rất quan tâm đến việc thực hiện các chính sách về dân số, mặc dù Bắc Kạn là tỉnh miền núi, còn nhiều khó khăn.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ Sở Y tế, của Chi bộ, nội bộ cơ quan từ lãnh đạo Chi cục, lãnh đạo các Phòng đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức và người lao động luôn có sự đoàn kết thống nhất chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế làm việc của cơ quan, tích cực tham gia cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, không có người vi phạm pháp luật, những điều đảng viên không được làm.

Thực hiện tốt nghĩa vụ nơi cư trú, 100% gia đình công chức người lao động Chi cục Dân số-KHHGĐ tỉnh Bắc Kạn đạt danh hiệu “Gia đình văn hoá” hàng năm.

Để đạt được những kết quả trên, Chi cục Dân số-KHHGĐ tỉnh Bắc Kạn thường xuyên theo dõi, giám sát tiến độ hoạt động của các đơn vị để đôn đốc, điều chỉnh kịp thời nhằm thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu, kế hoạch đề ra; Tăng cường phối hợp với các ngành liên quan nhằm đẩy mạnh công tác Tuyên truyền-Giáo dục thông qua hợp đồng trách nhiệm, thực hiện lồng ghép chương trình đạt kết quả; Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác Dân số-KHHGĐ, tập trung tập huấn, đào tạo tại chỗ về chuyên môn, nghiệp vụ...

Với sự phấn đấu và những kết quả đã đạt được của tập thể trong giai đoạn năm 2015 đến năm 2019, Chi cục Dân số-KHHGĐ tỉnh Bắc Kạn đã được cấp có thẩm quyền xếp loại đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cụ thể

Năm 2015: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tại Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 07/4/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn.

Năm 2016: Bằng khen có nhiều thành tích trong giai đoạn 2011-2015 tại Quyết định số 3052/QĐ-BYT ngày 27/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Hoàn thành tốt nhiệm vụ tại Quyết định số 07/QĐ-SYT ngày 06/01/2017 của Sở Y tế

Năm 2017: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tại Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn

Năm 2018: Hoàn thành tốt nhiệm vụ tại Quyết định số 11/QĐ-SYT ngày 11/01/2019 của Sở Y tế

Năm 2019: Hoàn thành tốt nhiệm vụ tại Quyết định số 27/QĐ-SYT ngày 14/01/2020 của Sở Y tế.

Hàng năm, cơ quan Chi cục Dân số-KHHGĐ đều được Ban Chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” thành phố Bắc Kạn công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”.



Công tác tuyên truyền về các chính sách Dân số-Kế hoạch hóa gia đình luôn được lồng ghép khéo léo tại Quảng Ngãi.

Quảng Ngãi cán mốc 5 năm thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP với hơn 2.000 đối tượng được hỗ trợ hoàn toàn từ kinh phí địa phương

Xác định ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP với người dân, Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Quảng Ngãi trong 5 năm qua (2015 đến 2020) đã thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả với tinh thần quyết liệt. Tính đến thời điểm 30/09/2020, Quảng Ngãi đã thực hiện chi trả cho 2.064 đối tượng là phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số với nguồn kinh phí 4.128.000 đồng hoàn toàn tự chủ từ địa phương.

Ban hành 76 văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định

Tỉnh Quảng Ngãi có diện tích tự nhiên 5.152,69 km², dân số hiện nay khoảng 1.231.697 người phân bố tại 13 huyện, thị xã, thành phố (5 huyện miền núi, 5 huyện đồng bằng, 1 huyện đảo, 1 thị xã và 1 thành phố trung tâm tỉnh).

Tuy đã có nhiều đột phá trong phát triển kinh tế xã hội nhưng một bộ phận người dân ở Quảng Ngãi hiện vẫn còn chưa nhận thức đầy đủ về chính sách dân số, còn tư tưởng sinh đẻ nhiều, dẫn đến công tác truyền thông vận động gặp khó khăn. Bên cạnh đó, một số ban ngành đoàn thể các xã, thị trấn chưa có sự phối hợp nhịp nhàng trong quá trình điều tra thu thập thông tin hồ sơ đối tượng được thụ hưởng chính sách nên quá

trình rà soát đối tượng chưa kịp thời và còn thiếu sót.

Nhằm khắc phục tình trạng này để Nghị định số 39/2015/NĐ-CP thực sự đi vào thực tiễn đời sống của người dân trong 5 năm qua (từ 2015-30/9/2020), Chi cục dân số và Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành tổng số 76 văn bản hướng dẫn, trong đó có 17 văn bản cấp tỉnh, 59 văn bản cấp huyện. Các văn bản hướng dẫn đã góp phần thiết yếu giúp các cán bộ dân số nắm bắt được cách triển khai nhằm tạo ra hiệu quả chung trong công tác thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP trên địa bàn toàn tỉnh Bình Định.

Theo báo cáo của Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Quảng Ngãi, toàn tỉnh hiện nay đang có 62 xã

(cả tỉnh 173 xã) thuộc 5 huyện thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Ngay từ khi có chủ trương triển khai Nghị định, Chi cục đã nêu cao tầm quan trọng của việc xác định rõ tình hình thực tiễn thực tế của địa phương nhằm tạo sự chính xác, đồng bộ và hợp lý trong công tác hướng dẫn đến từng địa phương khi áp dụng Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

Tuyên truyền chính sách đến từng ngõ, từng nhà

Nhằm tạo ra sự gắn kết và đồng bộ khi triển khai, Chi cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Quảng Ngãi đã huy động tổng lực hệ thống cán bộ, nhân viên chuyên trách của Chi cục và cơ sở. Đồng thời, phối hợp chặt



Nhiều lớp tập huấn cho cán bộ Dân số-Kế hoạch hóa gia đình đã được tổ chức nhằm đảm bảo tốt hiệu quả tuyên truyền.

chê với các cơ quan, ban ngành có liên quan trong lĩnh vực thiết lập hồ sơ, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng và cơ sở.

Ngay sau khi Nghị định số 39/2015/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH quy định chi tiết việc thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực, Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh Quảng Ngãi tại các cuộc họp giao ban định kỳ, tập huấn, Hội nghị tại tỉnh, huyện, xã đã phối hợp với các đơn vị liên quan như Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đài Truyền thanh - Phát lại truyền hình huyện tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn, phổ biến chính sách hỗ trợ bằng nhiều hình thức và trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng.

Cụ thể, tỉnh Quảng Ngãi đã được tổ chức được 13 lớp tập huấn và 272 cuộc truyền thông cho cán bộ thôn, xã, cộng tác viên dân số, người dân thuộc vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách hỗ trợ.

Sự kết hợp này nhằm mục đích không bỏ sót, xác định sai đối tượng tại các địa phương trên toàn tỉnh Quảng Ngãi trong quá trình thực hiện Nghị định. Chi cục DS-KHHGD Quảng Ngãi còn phối hợp với Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện phổ biến và thông báo các nội dung trên các phương tiện thông tin đại chúng về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng được thụ hưởng theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Các Trung tâm Y tế các huyện cũng

đã tổ chức các hoạt động truyền thông về chính sách DS-KHHGD với việc lồng ghép, phổ biến các nội dung về thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP tại các xã có phần đông là người đồng bào dân tộc thiểu số.

Đồng thời các cán bộ dân số thuộc địa bàn Quảng Ngãi cũng đã chủ động phối hợp với cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ, cán bộ Tư pháp, ban quản lý thôn làng của các xã, thị trấn tổ chức truyền thông, tư vấn, vận động đến từng chị em phụ nữ là người dân tộc thiểu số. Nhờ phối hợp đồng bộ trong công tác tuyên truyền đã giúp thông tin được đưa đến tận thôn bản, đối tượng.

Chi trả đối tượng với nguồn kinh phí hoàn toàn tự chủ từ địa phương

Nhằm đảm bảo chi trả đúng và kịp thời với đối tượng hưởng chính sách, Chi cục DS-KHHGD tỉnh Quảng Ngãi tiến hành lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh vào dự toán ngân sách địa phương, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện nhằm thực hiện đúng quy định kinh phí hỗ trợ do ngân sách địa phương đảm bảo từ nguồn chi đảm bảo xã hội theo phân cấp hiện hành.

Trung tâm DS-KHHGD các huyện có đối tượng thụ hưởng chính sách lập dự toán chi trả theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP gửi về Chi cục DS-

KHHGD, trình Sở Y tế ban hành Quyết định phân bổ kinh phí trực tiếp về các Trung tâm Y tế. Kinh phí được cấp để chi trả cho đối tượng thụ hưởng được thực hiện đầy đủ, đúng và đảm bảo theo quy định về công tác lập dự toán, rút tiền, chi trả cho đối tượng và thu hồi kinh phí khi đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ vi phạm cam kết, đảm bảo nguồn lực tài chính.

Tính riêng trong khoảng năm 2018 đến 2020, đã có 3 lượt giám sát bởi Chi cục DS-KHHGD tại 9 huyện và 26 xã nhằm đánh giá, theo dõi việc triển khai, công tác tuyên truyền, đối tượng được hỗ trợ, hồ sơ sổ sách quản lý đối tượng, việc cấp kinh phí cho đối tượng thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

Với nhiều giải pháp đồng bộ, Quảng Ngãi đã cán mốc 5 năm với 2.064 đối tượng thuộc diện hưởng hỗ trợ theo Nghị định. Đáng chú ý tổng kinh phí hỗ trợ là 4.128.000.000 đồng hoàn toàn tự chủ bởi địa phương. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, Chi cục DS-KHHGD tỉnh Quảng Ngãi chỉ phát hiện 03 đối tượng vi phạm cam kết cũng như đang gấp rút tiến hành thu hồi tiền hỗ trợ với các đối tượng này. Đây thực sự là một kết quả đáng mừng và là tiền đề quan trọng để Chi cục DS-KHHGD tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục có những thành quả mới trong việc thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP nói riêng, công tác Dân số-Kế hoạch hóa gia đình nói chung trên địa bàn toàn tỉnh.

CHI CỤC DÂN SỐ TỈNH QUẢNG NGÃI

Bình Định thực hiện chi trả hỗ trợ cho hơn 1.400 phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số

Nắm bắt rõ tình hình địa phương, Chi cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Bình Định trong 5 năm qua (2015-2020) đã thực hiện nghiêm túc Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Tính đến thời điểm 30/09/2020, Bình Định đã thực hiện chi trả cho 1.433 đối tượng là phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số với nguồn kinh phí 2.866.000 đồng.



Tư vấn sức khỏe sinh sản kế hoạch hóa gia đình cho người dân.

ẢNH: BÍCH HUỆ/TTXVN

Xác định rõ tình hình thực tế tại địa phương

Theo báo cáo của Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Bình Định, toàn tỉnh hiện nay đang có 5 huyện thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Ngay từ khi có chủ trương triển

khai Nghị định, Chi cục đã nêu cao tầm quan trọng của việc xác định rõ tình hình thực hình thực tế của địa phương nhằm tạo sự chính xác, đồng bộ và hợp lý trong công tác hướng dẫn đến từng địa phương khi áp dụng Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

Cụ thể, địa bàn tỉnh Bình Định có

05 huyện là An Lão, Vân Canh, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Hoài Ân đang triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP với 32 xã, thị trấn. Trong đó, Vân Canh, An Lão, Vĩnh Thạnh là những huyện miền núi, người dân tộc thiểu số chiếm khá cao trong tổng dân cư của huyện. Có chủ

yếu 03 dân tộc đang sinh sống, đó là dân tộc Kinh, Hore và Bana.

Người đồng bào dân tộc thiểu số ở Bình Định sinh sống ở ven các vùng núi đồi, công việc hàng ngày chủ yếu là lên nương làm rẫy, làm nông, trồng lúa nước, bảm rừng trồng cây keo, cây mỳ,... nên đời sống của người dân còn nhiều khó khăn.

Nguồn thu cuộc sống của bà con tại đây đa phần vẫn phải dựa vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Do đó, ý thức bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, thực hiện công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình, chính sách dân số, chất lượng dân số của người dân còn nhiều hạn chế.

Đi sâu đi sát, nắm bắt tình hình thực tế, trong 5 năm qua (từ 2015-30/9/2020), Chi cục dân số và Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Bình Định đã ban hành tổng số là 48 văn bản, trong đó có 27 văn bản cấp tỉnh, 21 văn bản cấp huyện. Các văn bản hướng dẫn đã góp phần thiết yếu giúp các cán bộ dân số cơ sở xác định đúng đối tượng, cách triển khai nhằm tạo ra hiệu quả chung trong công tác thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP trên địa bàn toàn tỉnh Bình Định.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban ngành

Nhằm tạo ra sự gắn kết và đồng bộ khi triển khai, Chi cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Bình Định đã huy động tổng lực hệ thống cán bộ, nhân viên chuyên trách của Chi cục và cơ sở. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban ngành có liên quan trong lĩnh vực thiết lập hồ sơ, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng và cơ sở.

Ngay sau khi Nghị định số 39/2015/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực, UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo Sở Y tế, Chi cục DS-KHHGD ban hành văn bản hướng dẫn, cụ thể: Công văn số 46/CCD-SKHHGD-TCHC ngày 29/3/2017 V/v hướng dẫn lập hồ sơ, cấp kinh phí hỗ trợ cho đối tượng quy định tại Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

Các nhiệm vụ liên quan đến Nghị định này đã được UBND tỉnh phối hợp với Chi cục Dân số phân bổ rõ ràng đến từng xã, thị trấn. Cụ thể, các xã, thị trấn rà soát, lập danh sách đối tượng và dự toán kinh phí triển khai

Nghị định số 39/2015/NĐ-CP nộp Trung tâm Y tế huyện tổng hợp gửi về Chi cục DS-KHHGD tỉnh. Chuyên trách Dân số hướng dẫn đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ lập tờ khai, phối hợp với cán bộ làm công tác Lao động-thương binh và xã hội xã, thị trấn rà soát đối tượng là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo được hưởng chính sách hỗ trợ đúng theo quy định.

Các UBND xã, thị trấn sẽ có nhiệm vụ xác minh đối tượng được hưởng chính sách đủ điều kiện; ban hành Quyết định hỗ trợ kinh phí theo. Chuyên trách Dân số mang toàn bộ chứng từ hồ sơ đã được UBND xã xác minh nộp cho Trung tâm Y tế huyện. Khi nhận hồ sơ, Trung tâm Y tế huyện tiếp tục phối hợp Phòng Lao động rà soát một lần nữa và xác nhận đối tượng thuộc hộ nghèo. Kiểm tra toàn bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiến hành lập dự toán rút kinh phí bằng tiền mặt để chi cho đối tượng theo đúng quy định.

Chính sự phối hợp chặt chẽ này đã tạo thành vòng tròn khép kín trong việc thực thi Nghị định nhằm không bỏ sót, xác định sai đối tượng tại các địa phương trong toàn tỉnh Bình Định.

Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Bình Định đã tổ chức nhiều buổi họp, trao đổi, hướng dẫn về công tác thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ.



Không chỉ vậy, Chi cục DS-KHHGD Bình Định còn phối hợp với Đài Truyền thanh-Truyền hình huyện phổ biến và thông báo các nội dung trên các phương tiện thông tin đại chúng về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng được thụ hưởng theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

Các Trung tâm Y tế các huyện cũng đã tổ chức các hoạt động truyền thông về chính sách DS-KHHGD với việc lồng ghép, phổ biến các nội dung về thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP tại các xã có phần đông là người đồng bào dân tộc thiểu số; chỉ đạo cho cán bộ DS-KHHGD xã, thị trấn phối hợp với cán bộ Lao động -Thương binh và Xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ, cán bộ Tư pháp, ban quản lý thôn làng của các xã, thị trấn tổ chức truyền thông, tư vấn, vận động phụ nữ là người dân tộc thiểu số thực hiện tốt chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP tại các địa phương, qua hình thức tư vấn nhóm nhỏ, các buổi họp thôn, làng tại các địa bàn trọng điểm.

Rà soát, thống kê và đảm bảo chi trả đúng đối tượng

Nhằm đảm bảo chi trả đúng và kịp thời với đối tượng hưởng chính sách, Chi cục DS-KHHGD tỉnh Bình Định đã tham mưu với Sở Y tế, phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh vào dự toán ngân sách địa phương, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện nhằm thực hiện đúng quy định kinh phí hỗ trợ do ngân sách địa phương đảm bảo từ nguồn chi đảm bảo xã hội theo phân cấp hiện hành.

Các đơn vị Trung tâm Y tế huyện chỉ đạo các xã phối hợp với các đơn vị chức năng liên quan tiến hành rà soát, tổng hợp các đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng theo các văn bản hướng dẫn và tiến hành lập dự toán kinh phí báo cáo Chi cục DS-KHHGD tổng hợp trình Sở Y tế cấp kinh phí, phối hợp với UBND các xã thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ cho đối tượng.



Chi Đính Thị Lái chuyên trách DS-KHHGD xã An Nghĩa, huyện An Lão đang cấp tiền cho chị em sinh con đúng Chính sách Dân số.

Kinh phí được cấp để chi trả cho đối tượng thụ hưởng được thực hiện đầy đủ, đúng và đảm bảo theo quy định về công tác lập dự toán, rút tiền, chi trả cho đối tượng và thu hồi kinh phí khi đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ vi phạm cam kết, đảm bảo nguồn lực tài chính.

Trong thời gian từ 2016 đến 2020, Trung tâm Y tế các huyện đã tổ chức 92 lượt giám sát việc triển khai, công tác tuyên truyền, đối tượng được hỗ trợ, hồ sơ sổ sách quản lý đối tượng, việc cấp kinh phí cho đối tượng thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

Sau 5 năm thực hiện, dù được sự hỗ trợ từ UBND tỉnh cùng các cấp, ban, ngành đoàn thể tuy nhiên đối tượng được hưởng là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, trình độ dân trí còn thấp nên công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách và rà soát kê khai đối tượng còn gặp nhiều hạn chế, hiệu quả chưa cao. Nhiều đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ nhưng không nhận chế độ hỗ trợ theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP vì sợ vi phạm cam kết. Không chỉ vậy, thủ tục hồ sơ của một số trường hợp còn gặp khó khăn như mất giấy chứng nhận hộ nghèo, ngày tháng năm sinh

đối tượng không trùng khớp với giấy tờ tùy thân.

Tính đến ngày 30/09/2020, Bình Định đã thực hiện chi trả cho 1.433 đối tượng thuộc diện hưởng hỗ trợ theo Nghị định với tổng kinh phí là 2.866.000 đồng. Trong đó chi từ nguồn Trung ương là 1.712.000 ngàn đồng, địa phương là 1.154.000 ngàn đồng. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, Chi cục DS-KHHGD tỉnh Bình Định cũng đã phát hiện 14 đối tượng vi phạm cam kết và đã tiến hành thu hồi tiền hỗ trợ với các đối tượng này.

Tuy có những chỉ số đáng mừng cho quá trình 5 năm thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP nhưng Chi cục Dân số và Kế hoạch hóa Gia đình tỉnh Bình Định vẫn nhìn nhận rõ những khó khăn trước mắt. Trong thời gian tới, Chi cục xác định sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông cơ sở cũng như truyền thông trực tiếp nhằm tăng tính hiệu quả khi thực thi Nghị định với các đối tượng thụ hưởng.

CHI CỤC DÂN SỐ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Đắc Lắc đi đầu trong công tác thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP với kết quả cao



Thủ trưởng Bộ Y tế Đỗ Xuân Tuyên phát biểu trong Hội thảo Tổng kết 5 năm thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP được tổ chức tại Đắc Lắc ngày 04/12 vừa qua.



Chi cục trưởng Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Đắc Lắc phát biểu tại một hoạt động triển khai Nghị định số 39/2015/NĐ-CP tại cơ sở.

Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Đắc Lắc trong thời gian 5 năm qua đã tích cực triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP với nhiều thành tựu đáng kể. Tính đến thời điểm hiện nay, Chi cục đã tiến hành chi trả cho hơn 2.000 đối tượng với nguồn kinh phí hoàn toàn từ sự tự chủ của địa phương.

Ban hành 97 văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định, hơn 2000 đối tượng được hưởng chính sách

Nhằm tạo ra sự gắn kết và đồng bộ khi triển khai để việc thực hiện Nghị

định số 39/2015/NĐ-CP đạt hiệu quả tốt nhất, Chi cục Dân số-KHHGD đã tiến hành tham mưu chỉ đạo một số cơ quan tại địa phương, ban hành tổng cộng 97 văn bản cấp tỉnh và cấp huyện. Trong số đó, có 17 cấp tỉnh và 80 văn bản cấp huyện.

Các văn bản là các công văn, quyết định, tờ trình thể hiện sự phối hợp chặt chẽ từ các ban ngành liên quan từ UBND tỉnh, Sở Y tế, Sở Lao động Thương binh và Xã hội,...cho đến sự vào cuộc chặt chẽ của các cán bộ Dân số-Kế hoạch hóa gia đình tại từng địa phương, cơ sở.

Đồng thời, Chi cục Dân số-

KHHGD phối hợp với ban ngành đoàn thể để thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền, tập huấn, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban ngành có liên quan trong lĩnh vực thiết lập hồ sơ, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng và cơ sở.

Bằng việc thúc đẩy tốt quá trình tuyên truyền, truyền thông, giám sát chặt chẽ, Đắc Lắc đã chi trả tiền hỗ trợ cho 1.821,5 đối tượng (tính đến 30/09/2020) với tổng số kinh phí đã chi cho đối tượng là 3.643.000.000 đồng. Đây hoàn toàn là nguồn kinh phí từ địa phương.

Song song với việc chi trả cho các

đối tượng địa phương cũng đã thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra nhằm thu hồi hỗ trợ đối với các đối tượng vi phạm chính sách. Chi cục DS-KHHGD tỉnh đã phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường kiểm tra giám sát phát hiện kịp thời, tháo gỡ khó khăn tại địa phương với 13 đoàn giám sát của tỉnh, 14 đoàn giám sát của huyện và 58 đoàn giám sát của xã được thành lập để phục vụ công tác này. Cụ thể, qua giám sát phát số đối tượng phải thu hồi do vi phạm chính sách là 47 người (94.000.000 đồng). Trong đó, số đối tượng đã thu hồi là 14 người (28.000.000 đồng), số đối tượng còn phải thu hồi là 33 người (66.000.000 đồng).

Những thách thức và giải pháp

Chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo và phối hợp thực hiện đưa lại hiệu quả thiết thực cho bà con tại Đăk Lăk. Tuy nhiên, Chi cục DS-KHHGD tỉnh cũng đã thẳng thắn nhìn nhận những thách thức trong thời gian 5 năm qua cũng như trong thời gian tới.

Hiện nay, UBND tỉnh Đăk Lăk vẫn chưa có nguồn hỗ trợ cho các đối tượng sinh con đúng chính sách dân số. Đồng thời, đối tượng được hưởng lại là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn nên công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách còn gặp nhiều khó khăn. Đa phần các đối tượng đã nhận tiền hỗ trợ hầu hết ở độ tuổi còn khá trẻ, do đó khả năng phá vỡ cam kết là rất cao. Một số đối tượng không muốn nhận tiền hỗ trợ vì muốn sinh thêm con thứ 3.

Không chỉ vậy, công tác thu hồi kinh phí hỗ trợ ở những trường hợp vi phạm rất khó khăn vì là đối tượng thuộc hộ nghèo nên không có tiền để nộp lại. Một số đối tượng tại thời điểm rà soát lập danh sách đề nghị hỗ trợ thì đủ tiêu chuẩn, nhưng khi thẩm định lại để cấp tiền lại không đủ tiêu chuẩn nữa (Không còn là hộ nghèo, đã chuyển sang hộ cận nghèo hoặc



Các cán bộ dân số, đội ngũ tuyên truyền viên tại cơ sở của Đăk Lăk.

thoát nghèo hoặc có thai con thứ 3, chuyển đi huyện khác...).

Ngoài những nguyên nhân khách quan thì trình độ, kỹ năng tuyên truyền, vận động của đội ngũ cộng tác viên dân số còn hạn chế, hiệu quả chưa cao cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế khi triển khai nghị định tại Đăk Lăk. Khi thu hồi kinh phí hỗ trợ ở những trường hợp vi phạm rất khó khăn vì là đối tượng thuộc hộ nghèo nên không có tiền để nộp lại.

Dự kiến, đến ngày 31/12/2020, Chi cục DS-KHHGD Đăk Lăk sẽ chi trả tổng số 2.614,5 đối tượng với số tiền 5.229.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ năm 2018 đến nay cấp trên không phân bổ kinh phí để triển khai thực

hiện (Mới chi trả được 01 lần vào năm 2018) cũng là một trong những thách thức lớn đặt ra với Chi cục.

Tuy có nhiều thành quả đáng tự hào trong thời gian 5 năm thực hiện Nghị định 39 của Chính phủ nhưng Chi cục DSKHHGD vẫn xác định nhiệm vụ quan trọng trước mắt, vượt qua các khó khăn hiện tại. Thời gian tới, Chi cục sẽ tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến chính sách với những hình thức phù hợp, giúp đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ nâng cao được nhận thức về quyền, nghĩa vụ trong việc thực hiện đúng chính sách dân số, nêu gương các điển hình đã được hưởng lợi từ chính sách.

CHI CỤC DÂN SỐ TỈNH ĐĂK LĂK

Gia Lai vượt qua khó khăn, hoàn thành mục tiêu thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP

5 năm qua, Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Gia Lai đã vượt qua nhiều khó khăn để phối hợp với các ban ngành trong địa bàn thực hiện triển khai Nghị định số 39/2015/NĐ-CP với nhiều kết quả đáng kể.

Địa bàn khó khăn với nhiều đồng bào dân tộc thiểu số

Gia Lai là tỉnh miền núi, biên giới nằm ở phía Bắc vùng Tây Nguyên, có diện tích tự nhiên 15.536,9 km², so với cả nước gần bằng 4,7%. Phía Bắc giáp tỉnh Kon Tum, phía Nam giáp tỉnh Đắk Lắk, phía Đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, phía Tây giáp nước bạn Campuchia.

Gia Lai có 17 đơn vị hành chính bao gồm: Thành phố Pleiku, thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa và 14 huyện: Đức Cơ, Đak Đoa, Chư Pưh, Chư Păh, Chư Prông, Kông Chro, Mang Yang, Chư Sê, Phú Thiện, Ia Grai, Đak Pơ, Ia Pa, Krông Pa, KBang. Toàn tỉnh có 222 xã, phường, thị trấn trong đó có 24 phường, 14 thị trấn và 184 xã (có 61 xã đặc biệt khó khăn).

Địa bàn thực hiện nhiệm vụ là tỉnh miền núi Tây Nguyên, diện tích tự nhiên gần 16 ngàn km² với 34 dân tộc sinh sống - dân tộc Kinh chiếm 55,2%, dân tộc thiểu số chiếm 44,8% (trong đó dân tộc Jrai 33,3%, dân tộc Bahnar chiếm 12,4%); Dân số trung bình năm 2020 là 1.541.400 người; Có 17 đơn vị hành chính cấp huyện, 222 đơn vị cấp xã, trên 2000 thôn, làng.

Người đồng bào dân tộc thiểu số tại Gia Lai hiện nay đa số trình độ dân trí còn thấp, sống ở vùng sâu vùng xa nên việc nhận thức về chương trình DS-KHHGD chưa cao, vẫn còn tư tưởng sinh đẻ nhiều, dễ ngộ nhận đây là chính sách Nhà nước cho tiền khi sinh



Cấp phát tờ rơi chính sách dân số cho chị em trong độ tuổi sinh đẻ ở làng Mơ Tôn (xã Kông Long Khong, huyện Kbang).
ẢNH: Đ.Y

con. Ở một số địa phương, bộ phận người dân theo Đạo Thiên chúa, đạo Tin lành, dẫn đến công tác truyền thông vận động còn gặp khó khăn, nhất là tuyên truyền thực hiện Nghị định.

Nắm bắt tình hình, trong 5 năm qua (từ 2015-30/9/2020), Chi cục dân số và Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Gia Lai đã ban hành 13 văn bản hướng dẫn, trong đó có 3 văn bản cấp tỉnh, 06 văn bản của Sở Tài Chính, Hội LHPN tỉnh, Sở Y tế và 4 văn bản của ngành DS-KHHGD. Các văn bản hướng dẫn đã góp phần thiết yếu giúp các cán bộ dân số cơ sở xác định đúng đối tượng, cách triển khai nhằm tạo ra hiệu quả chung trong công tác thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP trên địa bàn toàn tỉnh Gia Lai.

Kết hợp chặt chẽ để đưa Nghị định đến với đồng bào

Xác định rõ các khó khăn tại địa bàn, Chi cục DS-KHHGD tỉnh Gia Lai đã chú trọng nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực

hiện chương trình cho đội ngũ cán bộ làm công tác DS-KHHGD ở các cấp. Đồng thời, liên tục tập trung thực hiện các hoạt động tập huấn nghiệp vụ và trao đổi kinh nghiệm trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số (Nghị định số 39/2015/NĐ-CP).

Ngay sau khi Nghị định số 39/2015/NĐ-CP Thông tư Liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH của Liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Chi cục DS-KHHGD đã có công văn số 78/CCDS-TCHC ngày 23/9/2016 đề nghị tổng hợp báo cáo danh sách đối tượng, kinh phí thực hiện Nghị định gửi Trung tâm DS-KHHGD và báo cáo về Tổng cục DS-KHHGD.

Ngày 26/10/2016 Chi cục DS-KHHGD có công văn số 92/CCDS-KHTC về việc báo cáo tổng hợp danh sách và đề nghị cấp kinh phí thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP gửi Sở Y tế, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.



Một buổi làm việc của Chi cục DS-KHHGD tỉnh Gia Lai với Tổng cục DS-KHHGD.

Sau khi có văn bản đề xuất cấp kinh phí trong nguồn cấp bổ sung có mục tiêu năm 2016 của Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp hỗ trợ cho các đối tượng được hưởng từ ngày 15/6/2015 đến 31/12/2016; Chi cục DS-KHHGD đã có công văn số 110/CCDS-KHTV ngày 30/11/2016 đề nghị cơ quan được giao chức năng thực hiện công tác dân số cấp huyện phối hợp chỉ đạo rà soát lại các đối tượng được nhận hỗ trợ và triển khai cấp phát đúng quy định.

Hàng năm, Chi cục DS-KHHGD đều có các văn bản đề nghị cơ quan được giao chức năng thực hiện công tác dân số cấp huyện báo cáo dự toán số đối tượng, số kinh phí triển khai mỗi năm; đồng thời hướng dẫn triển khai các văn bản, quy định mới của cấp trên về thực hiện Nghị định tại địa phương.

Để có được quy trình chặt chẽ này, Chi cục DS-KHHGD tỉnh Gia Lai đã tổ chức 04 hội nghị tập huấn thực hiện Nghị định cho cán bộ làm công tác dân số của 15 huyện, thị xã phổ biến nội dung của Nghị định 39. Không chỉ vậy, Chi cục còn phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh, UBND các huyện, cán bộ dân số địa phương, Hội LHPN tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh... Công tác truyền thông trên phương tiện truyền thông đại chúng, truyền thông lồng ghép trong các chương trình cũng bước đầu có hiệu quả.

Những thành tựu bước đầu

Theo báo cáo của Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Gia Lai, toàn tỉnh hiện nay có 16/17 huyện, thị xã với

168 xã triển khai Nghị định. Tính đến ngày 30/9/2020, toàn tỉnh Gia Lai đã hỗ trợ được cho 2.812 đối tượng với số tiền hỗ trợ là 5.624.000.000 đồng.

Xác định chi trả kịp thời cho các đối tượng là mục tiêu quan trọng tuy nhiên Chi cục DS-KHHGD tỉnh Gia Lai vẫn quyết tâm hỗ trợ phải đúng đối tượng được hưởng chính sách. Chi cục DS-KHHGD đã phối hợp chặt chẽ với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và các ngành chức năng liên quan. Chi cục DS-KHHGD tổ chức 02 cuộc thanh tra chuyên ngành tại huyện Ia Pa và Đức Cơ trong năm 2019.

Ngoài ra, hàng năm, việc kiểm tra, giám sát đều được lồng ghép thực hiện trong các cuộc kiểm tra, giám sát thực hiện các chỉ tiêu về DS-KHHGD của đơn vị. Cơ quan được giao chức năng thực hiện công tác dân số cấp huyện phối hợp với Hội liên hiệp Phụ nữ

huyện, Phòng Lao động, thương binh và Xã hội huyện tổ chức rà soát, kiểm tra, đối chiếu đối tượng được thụ hưởng.

Trong số 2.812 đối tượng được chi trả tiền, số đối tượng phải thu hồi do vi phạm chính sách là 12 người (24.000.000 đồng). Số đối tượng đã thu hồi: 12 người (24.000.000 đồng). Các đối tượng đều vi phạm chính sách sinh thêm con thứ 3.

Vượt qua nhiều khó khăn, Nghị định 39 của Chính phủ đã thực sự đi vào cuộc sống người dân Gia Lai và đến đúng đối tượng thụ hưởng, nhận sự quan tâm sâu sắc, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, sự phối hợp đồng bộ của các cơ quan liên quan trong việc tuyên truyền các nội dung của Nghị định đến nhân dân, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tổ chức rà soát chặt chẽ những đối tượng được thụ hưởng, hướng dẫn sâu kỹ các quy trình thủ tục và đảm bảo nguồn kinh phí hỗ trợ cho đối tượng theo quy định của Nghị định.

Mặt khác, vai trò của các tổ chức đoàn thể chính trị trong giám sát việc thực thi chính sách được thể hiện mạnh mẽ rõ ràng. Đây là chính sách thiết thực góp phần giảm tình trạng sinh con thứ 3 trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, có tác động lớn đến việc ổn định dân số của địa phương.

CHI CỤC DÂN SỐ TỈNH GIA LAI



Bà mẹ, trẻ em xã Ayun-huyện Mang Yang thường xuyên quan tâm sức khỏe để nâng cao chất lượng dân số.

ẢNH: Đ.Y

Quảng Ngãi vượt qua khó khăn triển khai hiệu quả Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ



Nhiều buổi tập huấn về công tác Dân số-Kế hoạch hóa gia đình đã được Quảng Ngãi phối hợp với các ban ngành liên quan tổ chức có tính xuyên suốt, định kỳ.

Vừa qua, thay mặt Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Quảng Ngãi, đồng chí đã có bài tham luận về kết quả 5 năm thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số tại tỉnh Quảng Ngãi.

Trong tham luận của mình, phó Chi cục trưởng Đặng Văn Ngữ đã nêu rõ những thuận lợi cũng như những khó khăn trong quá trình thực hiện triển khai nghị định tại địa bàn Quảng Ngãi. Đồng thời, ông cũng nêu rõ những giải pháp để vượt qua khó khăn trong thời gian tới với công tác triển khai Nghị định số 39/2015/NĐ-CP nói chung và công tác Dân số-Kế hoạch hóa gia đình nói riêng.

Tranh thủ sự ủng hộ của các ban ngành liên quan

Tỉnh Quảng Ngãi có diện tích tự nhiên 5.152,69 km² với dân số là 1.231.697 người. Quảng Ngãi gồm 13 huyện, thị xã, thành phố (5 huyện miền núi, 5 huyện đồng bằng, 1 huyện đảo, 1 thị xã và 1 thành phố trung tâm tỉnh). Toàn tỉnh hiện có 62 xã (cả tỉnh 173 xã) thuộc 05 huyện miền núi đang triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Chi cục DS-KHHGD tỉnh xác định rõ địa bàn tỉnh là một địa bàn tương đối phức tạp với nhiều dân tộc thiểu số. Các đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu có hoàn cảnh khó khăn, sống phụ thuộc vào nông nghiệp do đó trình độ, ý thức về bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống, kiến thức về dân số và kế hoạch hóa gia đình phần đa vẫn giản đơn, lạc hậu.

Nắm bắt rõ tình hình thực tế từ địa phương, kể từ khi Nghị định số 39/2015/NĐ-CP được ban hành đến nay, Chi cục DS-KHHGD tỉnh Quảng Ngãi đã kịp thời tham mưu Sở Y tế để triển khai thực hiện; sau đó tiếp tục bổ sung thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH ngày 15/4/2016 và Thông tư số 45/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế.

Hàng năm, Chi cục DS-KHHGD tỉnh Gia đã tham mưu Sở Y tế trình UBND tỉnh để ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và phân bổ kinh phí triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh. Từ năm 2015 đến ngày 30/9/2020, nhờ sự phối hợp sát sao của các cơ quan ban ngành liên quan, toàn tỉnh đã ban hành 76 văn bản bao gồm 17 văn bản cấp tỉnh, 59 văn bản cấp huyện.

Bằng các chỉ đạo sát sao, các văn



Nhiều hoạt động truyền thông đã được lồng ghép khéo léo, kịp thời nhằm mang lại hiệu quả cao trong công tác tuyên truyền Dân số và Kế hoạch hóa gia đình.

bản hướng dẫn cụ thể, trong 5 năm triển khai hoạt động tại địa phương, Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình Quảng Ngãi đã chi trả cho tổng 2.064 đối tượng với tổng kinh phí 4.128.000 đồng hoàn toàn từ nguồn ngân sách địa phương. Trong quá trình thực hiện, chi cục còn chú ý đến quá trình thanh tra, kiểm tra giám sát. Qua quá trình giám sát đã phát hiện 3 đối tượng vi phạm chính sách tại huyện Minh Long và đã tiến hành thu hồi tiền hỗ trợ.

Tích cực đẩy mạnh truyền thông để đưa Nghị định vào sâu trong đời sống của người dân

Chi cục trưởng Nguyễn Văn Oai cho biết, Quảng Ngãi xác định để có thể đưa Nghị định vào sâu trong thực tiễn cuộc sống của người dân nhằm thay đổi thái độ, tư duy rất cần sức mạnh của truyền thông.

Chi cục DS-KHHGD tỉnh Quảng Ngãi đã phối hợp tuyên truyền, phổ biến và tổ

chức tập huấn triển khai quán triệt nội dung Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, các Thông tư hướng dẫn bằng nhiều hình thức: thông tin đại chúng, qua các hội nghị, cuộc họp giao ban định kỳ, tập huấn, sinh hoạt các câu lạc bộ... Các hội nghị tại tỉnh, huyện,

xã về công tác dân số đều lồng ghép tuyên truyền phổ biến nội dung Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

Trong suốt thời gian thực hiện Nghị định, Chi cục đã tổ chức 13 lớp tập huấn và 272 cuộc truyền thông cho cán bộ thôn, xã, cộng tác viên dân số, người dân thuộc vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách hỗ trợ. Chính nhờ quá trình truyền thông này mà việc chi trả được đảm bảo chính xác đúng đối tượng. Đồng thời, việc “đi từng ngõ, gõ từng nhà” cũng đã giúp cán bộ dân số cơ sở có thêm góc nhìn thực tiễn nhằm nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân nhằm cải thiện cách tiếp cận, đề xuất các hỗ trợ cho người dân với Nghị định 39 nói riêng và công tác Dân số-Kế hoạch hóa gia đình nói chung.

Nhìn nhận lại thành quả 5 năm thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Chi cục trưởng Chi cục DS-KHHGD tỉnh Quảng Ngãi cũng đã nêu rõ sự vào cuộc, quan tâm của UBND tỉnh, Sở Y tế với nguồn kinh phí được phê duyệt hàng năm kịp thời, thuận lợi trong việc chi trả cho đối tượng thực hiện đúng chính sách.

Đồng thời, một trong những lực lượng góp phần không nhỏ vào sự thành công chung của Quảng Ngãi là đội ngũ cán bộ chuyên trách, cộng tác

viên dân số nhiệt tình trong công tác điều tra, rà soát và tham mưu UBND xã ra quyết định hỗ trợ cho đối tượng được kịp thời.

Tuy nhiên, nhìn nhận về những khó khăn trước mắt, Chi cục DS-KHHGD Quảng Ngãi xác định rõ về vấn đề vẫn còn một bộ phận nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về chính sách dân số, còn tư tưởng sinh đẻ nhiều, dẫn đến công tác truyền thông vận động gặp khó khăn. Một số ban ngành đoàn thể các xã, thị trấn chưa có sự phối hợp nhịp nhàng trong quá trình điều tra thu thập thông tin hồ sơ đối tượng được thụ hưởng chính sách nên quá trình rà soát đối tượng chưa kịp thời và còn thiếu sót. Việc thu hồi kinh phí gặp nhiều khó khăn, đối tượng đã nhận hỗ trợ vi phạm nhưng là hộ nghèo nên chưa có khả năng hoàn trả kinh phí đã nhận.

Chi cục trưởng Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Quảng Ngãi đã bày tỏ quyết tâm trong thời gian tới sẽ có những chính sách nhằm tiếp tục đẩy mạnh truyền thông, sự phối kết hợp giữa các ban ngành nhằm khắc phục khó khăn, tạo ra những thành quả mới nhằm hướng đến nâng cao chất lượng sống, kiến thức về dân số và kế hoạch hóa gia đình tại địa bàn toàn tỉnh.

CHI CỤC DÂN SỐ TỈNH QUẢNG NGÃI

Thu hồi kinh phí của các đối tượng vi phạm chính sách dân số- một cản trở lớn trong thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP



Chủ trương chuyển giao kinh phí đúng và trúng đối tượng của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP nhưng cũng kiên quyết thu hồi lại kinh phí khi chính đối tượng đó vi phạm chính sách dân số. Đây không chỉ là khó khăn của Hà Giang mà các tỉnh thành triển khai Nghị định số 39/2015/NĐ-CP đều gặp phải.

Thu hồi kinh phí 41 trường hợp vi phạm

Hà Giang là một tỉnh biên giới thuộc vùng núi phía Bắc của Tổ quốc, phía Đông giáp tỉnh Cao Bằng, phía Tây giáp tỉnh Yên Bái và Lào Cai, phía Nam giáp tỉnh Tuyên Quang phía Bắc giáp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa với đường biên giới dài trên 277,5 km. Diện tích tự nhiên 7.929,48km², có 11 đơn vị hành chính cấp huyện; 193 xã, phường, thị trấn; Toàn tỉnh có 176.915 hộ;khâu; Tổng tỷ suất sinh 2,47 con/phụ nữ; Tỷ suất sinh thô là 19,19‰. Có

19 dân tộc cùng sinh sống, chủ yếu là các dân tộc thiểu số.

Trong đó dân tộc Mông chiếm 34,3%; Dân tộc Tày 22,5%; dân tộc Dao chiếm 15% còn lại là các dân tộc khác. Tính đến thời điểm cuối năm 2019, số hộ nghèo của tỉnh là 47.290 hộ, chiếm 26,73%. Tổng thu nhập bình quân đầu người là 24,4 triệu đồng/người/năm. Hiện nay, toàn tỉnh có 165 xã thuộc 10 huyện đang triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Tỷ lệ số xã thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP là 165/193 là 85,5%.

Từ khi bắt đầu triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP Chi cục đã tích cực tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc triển khai Nghị định. Tăng cường công tác phối hợp tuyên truyền nghị định đến mọi tầng lớp nhân dân, tổ chức tập huấn hướng dẫn cho cán bộ làm công tác lập hồ sơ và chi trả chính sách hỗ trợ cho đối tượng. Chỉ đạo Trung tâm Dân số-

KHHGD các huyện phối hợp các đơn vị liên quan rà soát, thống kê, lập danh sách các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH, Thông tư số 45/2018/TT-BYT về sửa đổi một số điều của TTLT số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH gửi Chi cục lập dự toán trình UBND tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ. Tính đến 30/9/2020, toàn tỉnh đã hỗ trợ cho 4.799 đối tượng với số tiền là 9.598.000.000 đồng, trong đó có 41 trường hợp vi phạm bị thu hồi với số tiền là (82.000.000đ).

Đối với 1 tỉnh tổng tỷ suất sinh; Tỷ suất sinh thô và tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên còn ở mức cao thì việc Chính phủ Ban hành Nghị định số 39/2015/NĐ-CP đã góp phần khuyến khích nhân dân thực hiện tốt chính sách Dân số-KHHGD, nhất là trong việc sinh đẻ có kế hoạch, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống, xóa đói, giảm nghèo hướng đến



thực hiện thắng lợi các mục tiêu về kinh tế-văn hóa-xã hội của tỉnh và giảm tỷ lệ sinh, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên hàng năm.

Qua 5 năm triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP đã có 41 trường hợp nhận chính sách hỗ trợ nhưng vi phạm chính sách dân số vi phạm sinh thêm con bị thu hồi kinh phí, họ đã nộp lại đầy đủ số kinh phí đã nhận.

Để thu hồi được kinh phí các trường hợp đã nhận kinh phí hỗ trợ nhưng vi phạm chính sách dân số thì ngay từ khi lập hồ sơ cấp phát cho đối tượng ngoài những thủ tục bắt buộc theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/4/2016 và Thông tư số 45/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 về sửa đổi một số điều của TTLT số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH. Các địa phương của tỉnh còn cho đối tượng tự viết tay một bản cam kết nếu vi phạm thì phải tự nguyện đến UBND xã sở tại để nộp lại phần kinh phí đã nhận. Vì vậy hầu hết các trường hợp nhận kinh phí hỗ trợ mà vi phạm chính sách dân số, khi được chính quyền địa phương thông báo đều chấp hành tốt việc nộp lại kinh phí, có những trường hợp khi vi phạm họ tự giác đến UBND xã nộp lại kinh phí đã nhận. Tuy nhiên cũng có những trường hợp nộp muộn hơn thời gian quy định, những trường hợp này

rơi vào các hộ quá nghèo.

Nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, thì trong quá trình triển khai, thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của tỉnh vẫn còn gặp những khó khăn nhất định. Cụ thể như sau:

Tổ chức bộ máy làm công tác dân số ở tuyến xã, phường có nhiều biến động, luôn luôn thay đổi, dẫn đến năng lực trình độ chuyên môn nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Do đó việc tham mưu cho cấp ủy chính quyền địa phương cũng như việc tổ chức triển khai các hoạt động về dân số tại cộng đồng hiệu quả đem lại chưa cao.

Địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sống không chung việc tuyên truyền Nghị định gặp nhiều khó khăn.

Trình độ và nhận thức của một số bộ phận nhân dân còn hạn chế, một số phong tục tập quán lạc hậu vẫn còn tồn tại nặng nề trong hành vi sinh đẻ của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu vùng xa. Họ quan niệm rằng con trai mới là con của mình còn con gái lớn lên đi lấy chồng là con của người khác. Và con trai là người nối dõi tông đường, là người thừa kế tài sản, để nương tựa lúc tuổi

già và khi chết đi có người thờ cúng.

Tỷ lệ các đối tượng nhận kinh phí so với đối tượng khi rà soát để lập dự toán kinh phí là 4.799/7056 đạt 68%. Đối với Hà Giang kinh phí năm sau cấp chi chi năm trước vì vậy khi có kinh phí để cấp thì một số trường hợp đã vi phạm mang thai hoặc sinh thêm con trái với quy định; còn một số trường hợp thì không nhận vì muốn sinh thêm con.

Các thủ tục hành chính liên quan của đối tượng còn gặp nhiều khó khăn: Nhiều trường hợp có sự sai lệch về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh giữa giấy khai sinh và các giấy tờ khác, Giấy chứng nhận kết hôn không có hoặc thất lạc; thời điểm xác định ngày sinh con đối tượng không nhớ chính xác so với thời điểm được hưởng chính sách...

Kinh phí hoạt động cho công tác tuyên truyền; kiểm tra, giám sát, tập huấn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP cho cán bộ trực tiếp làm công tác rà soát, lập hồ sơ cho các đối tượng là không có (chủ yếu là lồng ghép với các hoạt động dân số khác) làm ảnh hưởng đến công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện chính sách về dân số dẫn đến tình trạng số thu hồi kinh phí do vi phạm chính sách dân số trên địa bàn tỉnh còn nhiều.

CHI CỤC DÂN SỐ TỈNH HÀ GIANG

TUYÊN QUANG:

Thiếu vốn khó thu hồi tiền đối tượng vi phạm chính sách dân

Dù được các cấp ủy Đảng, chính quyền tỉnh hỗ trợ, tinh thần ủng hộ cao nhưng trong thực tế triển khai cán bộ lãnh đạo ngành Dân số tỉnh Tuyên Quang cũng gặp không ít khó khăn.

Cấp ủy, chính quyền các cấp ủng hộ, tham gia phối hợp

Trình bày tham luận tại Hội thảo tổng kết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP 27/4/2017 của Chính phủ Chi cục trưởng, Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh Tuyên Quang Lại Quốc Đạt cũng chia sẻ những khó khăn trong quá trình thực hiện.

Việc triển khai, thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP 27/4/2017 của Chính phủ luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tổng cục Dân số - KHHGD; Sự chỉ đạo, hỗ trợ trực tiếp của Sở Y tế, sự phối hợp tham gia của các ban ngành, đoàn thể các cấp trên địa bàn, đặc biệt là sự phối hợp của các đơn vị của ngành Y tế trong công tác tuyên truyền, vận động các đối tượng thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP;

UBND/Ban chỉ đạo Công tác Dân số - KHHGD các huyện, thành phố đã quan tâm chỉ đạo sát sao trong việc triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP 27/4/2017 của Chính phủ trên địa bàn.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP 27/4/2017 của Chính phủ luôn nhận được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp, có sự tham gia phối hợp của các ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở.

Chính sách hỗ trợ cho công tác Dân số - KHHGD theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ được UBND tỉnh và Trung ương quan tâm và cấp kinh phí đầy đủ theo nhu cầu hàng năm.



Khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện

Kinh phí hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, vận động, đào tạo, tập huấn, văn phòng phẩm, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP không có. Một số đối tượng không muốn ký cam kết vì tư tưởng muốn sinh thêm con, nhất là những đối tượng sinh con một bề. Một số đối tượng từ chối nhận kinh phí hỗ trợ.

Việc thu hồi kinh phí của các đối tượng vi phạm chính sách rất khó thực hiện, vì những đối tượng được thụ hưởng đều thuộc hộ nghèo. Chi cục Dân số-KHHGD đã chỉ đạo các huyện thu hồi nhưng hiện nay vẫn còn đối tượng chưa thu hồi được. Năm 2020, nguồn kinh phí thực hiện Nghị

định số 39/2015/NĐ-CP được UBND tỉnh giao mượn, hiện nay một số huyện mới có quyết định cấp kinh phí.

Chi cục trưởng, Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh Tuyên Quang Lại Quốc Đạt cũng đề nghị Tổng cục Dân số - KHHGD ban hành các văn bản có hướng dẫn cụ thể trong việc xử lý các đối tượng vi phạm chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP khi những đối tượng thuộc hộ nghèo không có khả năng không thu hồi được.

Bổ sung kinh phí cho các hoạt động tuyên truyền vận động, đào tạo, tập huấn, văn phòng phẩm và kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh.

CHI CỤC DÂN SỐ TỈNH TUYÊN QUANG

Một số hình ảnh tại hội thảo tổng kết 5 năm thực hiện nghị định số 39/2015/NĐ-CP



KỶ YẾU HỘI THẢO TỔNG KẾT THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 39/2015/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHO PHỤ NỮ THUỘC HỘ NGHÈO LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ KHI SINH CON ĐÚNG CHÍNH SÁCH DÂN SỐ.







KỶ YẾU HỘI THẢO 5 NĂM TỔNG KẾT THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 39/2015/NĐ-CP

Chỉ đạo nội dung:

Bs. Nguyễn Doãn Tú - Tổng Cục trưởng Tổng cục DS-KHHGD

Ban biên soạn:

Ts. Phạm Vũ Hoàng - Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục DS-KHHGD

Ông Phạm Minh Sơn, Vụ trưởng Vụ Pháp chế - Thanh tra - Tổng cục DS-KHHGD

Bà Lê Thị Song Lê - Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế - Thanh tra - Tổng cục DS-KHHGD

Ông Trần Tuấn Linh - Tổng biên tập Báo Gia đình & Xã hội.

Ông Nguyễn Ngọc Đức - Phó Tổng biên tập Báo Gia đình & Xã hội.

Sửa bản in:

Mai Thị Hạnh

Trình bày:

Hoàng Việt

Bìa: **Lê Bảo**